

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

NGHIÊN CỨU VIỆC DẠY HỌC
TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA
Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Mã số: B2015– TN03-07

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Ngô Thị Thanh Quý

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

**NGHIÊN CỨU VIỆC DẠY HỌC
TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA
Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Mã số: B2015– TN03-07

Xác nhận của tổ chức chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

PGS.TS. Ngô Thị Thanh Quý

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2018

DANH SÁCH
THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1	PGS.TS. Nguyễn Thị Tĩnh	Viện NCXHNVMN Giáo dục học	Xây dựng đề cương nội dung bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học trong môi trường đa văn hóa
2	PGS.TS. Nguyễn Hằng Phương	Khoa Ngữ văn - Trường ĐHSP TN; Văn hóa và Giáo dục	Thiết kế các câu hỏi điều tra xã hội học. Xây dựng chuyên đề
3	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa Ngữ văn; Giáo dục học	Xây dựng các chuyên đề. Tư vấn cộng tác.
4	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Ngữ văn; Văn hóa và Giáo dục	Xây dựng chuyên đề
5	TS. Ngô Thị Thanh Nga	Khoa Ngữ văn, Văn hóa và Giáo dục	Xây dựng chuyên đề. Chính sửa và bổ sung tài liệu
6	NCS.Ngô Thị Thu Trang	Khoa Ngữ văn, Văn học, Văn hóa	Rà soát nội dung tài liệu bồi dưỡng năng lực giáo viên
7	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	Bộ môn Ngoại Ngữ, Văn hóa và Giáo dục	Dịch thuật các tài liệu tiếng Anh
8	ThS. Đồng Thị Thanh	Phòng NCKH, Giáo dục học	Báo cáo tổng hợp ý kiến; Thư ký đề tài.

DANH SÁCH
CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Xin ý kiến chuyên gia tư vấn định hướng nghiên cứu lý luận	PGS.TS Phạm Hồng Quang – Hiệu trưởng Trường Đại học Sư Phạm – ĐHTN
Khoa Ngữ văn trường ĐHSP Đại học Thái Nguyên	Cơ sở lý luận và thực tiễn	PGS.TS Đào Thủy Nguyên
Khoa Văn trường ĐHKHHNV – ĐHQG Hà Nội	Chuyên gia tư vấn	PGS.TS Lê Chí Quế
Khoa Văn trường ĐHKH - ĐHTN	Chuyên gia tư vấn	TS. Phạm Thị Phương Thái - Trưởng khoa
Trường CD cộng đồng Bắc Kạn	Tư vấn, cung cấp tư liệu	Nguyễn Thị Thủy – Phòng Đào tạo
Trường CD Sư phạm Cao Bằng	Tư vấn, cung cấp tư liệu	Nguyễn Thị Hương – Khoa Bồi dưỡng
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn	Cung cấp số liệu điều tra khảo sát	Nguyễn Thị Sen- Chuyên viên Sở GD & ĐT
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang	Cung cấp số liệu điều tra khảo sát	Đỗ Trung Thân - Trưởng phòng Giáo dục phổ thông
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng	Cung cấp số liệu điều tra khảo sát	Trịnh Hữu Khang - Giám đốc Sở GD & ĐT
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang	Cung cấp số liệu điều tra khảo sát	Phan Văn Em - Phó giám đốc Sở GD & ĐT

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Cách tiếp cận.....	3
6. Phương pháp nghiên cứu.....	4
NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC ĐA VĂN HÓA.....	5
Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC.....	5
1.1. Tổng quan những vấn đề nghiên cứu về dạy học đa văn hóa	5
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài.....	5
1.1.2. Những nghiên cứu trong nước	8
1.2. Cơ sở khoa học.....	12
1.2.1. Các khái niệm.....	12
1.2.2. Cơ sở lý thuyết của giáo dục đa văn hóa.....	16
1.3. Quan điểm nghiên cứu	18
1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh dân tộc ít người.....	18
1.3.2. Mục tiêu và nội dung giáo dục trong môi trường đa văn hóa.....	19
1.3.3. Phương thức giáo dục trong môi trường đa văn hóa	23
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa.....	28
1.4.1. Môi trường văn hóa gia đình.....	28
1.4.2. Môi trường văn hóa học đường.....	29
1.4.3. Môi trường văn hóa cộng đồng địa phương.....	31
Chương 2. THỰC TRẠNG DẠY HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC	35
2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng.....	35
2.1.1. Mục đích khảo sát	35
2.1.2. Đối tượng khảo sát	35
2.1.3. Phương pháp khảo sát	35

2.2. Khái quát về vấn đề dạy học ở môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc.....	36
2.3. Thực trạng nhận thức về vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc	42
2.4. Thực trạng về dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc	48
2.4.1. Thực trạng về thực hiện mục tiêu dạy học trong môi trường đa văn hóa đã thực hiện	48
2.4.2. Thực trạng về phương pháp dạy học trong môi trường đa văn hóa	50
2.4.3. Thực trạng về trang thiết bị dạy học và các hình thức tổ chức dạy học trong môi trường đa văn hóa.....	53
2.4.4. Các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục trong môi trường đa văn hóa.....	56
Chương 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG.....	66
3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên	66
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích.....	67
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng.....	68
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả, toàn diện	69
3.2. Giải pháp về mục tiêu dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa	71
3.2.1. Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ.....	71
3.2.2. Mục tiêu về chương trình	73
3.2.3. Mục tiêu về phương pháp giảng dạy	74
3.2.4. Mục tiêu về sự phối hợp đào tạo bồi dưỡng người học trong môi trường đa văn hóa.....	76
3.3. Các nhóm giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa.....	77
3.3.1. Nhóm giải pháp điều kiện	77
3.3.2. Nhóm giải pháp quản lý	84
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	117

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

Tên đề tài: **Nghiên cứu việc dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc**

- Mã số: **B2015– TN03-07**
- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Ngô Thị Thanh Quý
- Tổ chức chủ trì: Đại học Thái Nguyên.
- Thời gian thực hiện: 2015-2018.

2. Mục tiêu: Đề xuất được một số giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc.

3. Tính mới và sáng tạo: Đề xuất được những giải pháp trọng tâm nâng cao năng lực dạy học cho đội ngũ giáo viên phổ thông trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

4. Kết quả nghiên cứu

- Tổng hợp các vấn đề lí luận về dạy học trong môi trường đa văn hóa;
- Thực trạng dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc;
- Đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên phổ thông.

5. Sản phẩm

5.1. Sản phẩm khoa học

5.1.1. Sách tham khảo: Ngô Thị Thanh Quý, *Dạy học trong môi trường đa văn hóa vùng dân tộc miền núi phía Bắc* (130 trang, đã được Hội đồng nghiệm thu theo Quyết định số 1682/QĐ-ĐHSP ngày 16.5.2018 của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, đang làm thủ tục xuất bản tại Nxb Đại học Thái Nguyên).

5.1.2. Bài báo

(1) **Ngô Thị Thanh Quý** (2015), “Trách nhiệm giảng viên trường sư phạm với chương trình phổ thông mới”, *Tạp chí Giáo dục*, số 11, tr. 16 -18.

(2) **Ngô Thị Thanh Quý** (2016), “Một số vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Giáo dục*, số 10, tr 94 -96.

(3) **Ngô Thị Thanh Quý – Vương Thị Hồng** (2016), “Biểu tượng văn hóa trong thần thoại người Việt”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ - ĐHTN*, số 10, tr 63- 68.

(4) **Ngo Thi Thanh Quy** (2017), “Multicultural education in Vietnam in the globalization context ,, *Proceedings of International Conference Teachers and Educational Administrators competence in the context of globalisation*, p.118 -125.

5.2. Sản phẩm đào tạo

(1) Phạm Thị Thanh Tuyền (2016), *Văn hóa ứng xử của người Việt trong truyện cổ tích thần kỳ*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

(2) Nguyễn Thị Hằng (2017), *Văn hóa ứng xử trong truyện cười dân gian người Việt*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

- Phương thức chuyển giao:

+ Chuyển giao thông qua các tài liệu và bài báo liên quan đến đề tài và hướng dẫn học viên, sinh viên, giáo viên phổ thông.

+ Hợp đồng giáo dục giữa tác giả với các cơ sở giáo dục có nhu cầu tổ chức tập huấn cho giáo viên và nói chuyện chuyên đề cho học viên và sinh viên về vấn đề dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

- Địa chỉ ứng dụng: Viện nghiên cứu xã hội & nhân văn miền núi; Trường đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên và các trường Sư phạm khác trong cả nước; Các trường phổ thông khu vực miền núi phía Bắc nói riêng và các cơ sở giáo dục trong môi trường đa văn hóa nói chung.

- Tác động và lợi ích: Từng bước làm thay đổi nhận thức và phương pháp dạy học của giáo viên theo định hướng giáo dục trong môi trường đa văn hóa.

Tổ chức chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Chủ nhiệm đề tài

PGS.TS. Ngô Thị Thanh Quý

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Tên đề tài: **Studies teaching in multicultural environment in Northern mountainous area**

Code number: **B2015– TN03-07**

Coordinator: Assoc. Prof. Ngo Thi Thanh Quy

Implementing institution: Thai Nguyen University

Duration: from 2015 to 2018

2. Objective(s): Proposing solutions to improve teaching capacity in multicultural environment for teachers in ethnic minority areas in the North.

3. Creativeness and innovativeness: Proposing solutions to enhance the teaching capacity of the teachers in the multicultural environment

4. Research results:

Synthesizing some theoretical issues on teaching in multicultural environment;

- Current status of teaching in multicultural environment in mountainous ethnic areas in the north

- Introduce some solutions to improve the quality of teaching in multicultural environment for teachers

5. Products:

5.1. Scientific products

5.1.1. Reference book:

Ngo Thi Thanh Quy, *Research on teaching in multicultural environment in Northern mountainous area* (130 pages, waiting for publisher).

5.1.2. Article

(1) **Ngo Thi Thanh Quy** (2015), “Responsibility of teachers of the Teachers College with the new curriculum”, *Journal of Education*, Number 11, p. 16 - 18.

(2) **Ngo Thi Thanh Quy** (2016), “Some Teaching Issues in Multicultural Environments in the Mountainous Region of Northern Vietnam”, *Journal of Education*, Number 10, p. 94-96.

(3) **Ngo Thi Thanh Quy** - Vuong Thi Hong (2016), “Cultural Icon in Vietnamese mythology”, *Journal of Science and Technology - TNU*, Number 10, p. 63 – 68.

(4) **Ngo Thi Thanh Quy** (2017), “Multicultural education in Vietnam in the globalization context”, *Proceedings of International Conference Teachers and Educational Administrators competence in the context of globalisation*, p.118 -125.

5.2. Training products

(1) Pham Thi Thanh Tuyen (2016), *Vietnamese fairy tale tales from the perspective of culture*, Master thesis, TNU - Thai Nguyen University of Education.

(2) Nguyen Thi Hang (02017), *Behavioral Culture in Vietnamese Folk Jokes*, Master thesis, TNU -Thai Nguyen University of Education.

6. Effects, transfer alternatives of reserach results and applicability:

- Transfer method:

Transfer through documents and articles related to the topic and direct guidance to students, students and teachers.

+ Educational contract between the author and educational institutions that needs to organize teacher training and seminars for students and students on the issue of education in the multicultural environment.

- Address of application: Institute for Social Studies & Humanities in Mountainous Areas; The University of Education - Thai Nguyen University and other schools in the country; Schools in the Northern mountainous region in particular and schools in the multicultural environment in general.

- Impact and benefit: change the knowledge of teachers and help them to improve the teaching methods, using learner of education in multicultural environment.

Implementing institution

10, August 2018

Coordinator

Assoc. Prof. Ngo Thi Thanh Quy

MỞ ĐẦU

Phần Mở đầu báo cáo tập trung làm rõ tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài, cụ thể như sau:

1. Tính cấp thiết của đề tài

1. Việt Nam là đất nước của cộng đồng 54 dân tộc anh em. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, các dân tộc trên dải đất hình chữ S đã cùng chung một số mệnh lịch sử, gắn bó ruột thịt với nhau, đoàn kết vượt qua mọi thử thách để sinh tồn và phát triển. Tuy nhiên, trên tiến trình phát triển lịch sử của mình, mỗi dân tộc lại tạo ra những yếu tố văn hóa có bản sắc riêng, được thể hiện trong các mặt văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần làm nên môi trường đa văn hóa.

Khu vực miền núi phía Bắc là vùng đất tụ cư của hơn hai chục dân tộc thiểu số vốn có lịch sử hàng nghìn năm. Tiến trình hình thành tộc người từ những năm tháng xa xưa luôn gắn chặt với vận mệnh dựng nước và giữ nước của cộng đồng quốc gia Việt Nam đa dân tộc. Đứng trước những thách thức khắc nghiệt của tự nhiên và lịch sử xã hội, đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Chay,... và các dân tộc khác chủ yếu dựa vào sự truyền dạy kinh nghiệm của thế hệ này cho thế hệ khác trong những phạm vi dòng họ hay một cộng đồng làng bản nhất định, chủ yếu giới hạn trong không gian khép kín của những nhóm người dựa vào nhau để tồn tại và sinh sống. Mọi hình thức sinh hoạt trong cuộc sống đều nương theo các phong tục tập quán, tín ngưỡng vốn có của tộc người. Môi trường giáo dục truyền thống cổ xưa của các dân tộc vùng Việt Bắc chủ yếu giới hạn trong không gian văn hóa truyền miệng. Kho tàng văn hóa dân gian, cụ thể là hệ thống truyện kể, các bài ca dao dân ca, các câu tục ngữ các hương ước gắn với luật tục của cộng đồng đã trở thành lịch sử, văn học, triết học, đạo đức học... của cộng đồng người sinh sống trong môi trường không gian đa văn hóa .

2. Thực trạng giáo dục trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc cũng đã có những thay đổi đáng ghi nhận trong sự nỗ lực xây dựng cơ sở vật chất, nâng số lượng người dạy, người học ở tất cả các địa phương với các cấp học, bậc học khác nhau. Tuy nhiên, tại các trường tiểu học, trung học cơ sở chất lượng học tập của học sinh và trình độ giảng dạy của giáo viên cũng còn đặt ra

hiều thách thức và đòi hỏi sự quản lý, bồi dưỡng cấp bách của Ngành và Sở Giáo dục & Đào tạo.

3. Dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc còn rất nhiều vấn đề đáng quan tâm như thực trạng về nhận thức của giáo viên về việc dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa, ngôn ngữ và văn hóa của giáo viên có đủ khả năng để đáp ứng những yêu cầu của việc dạy học trong môi trường này; chương trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo có phù hợp với giáo dục vùng miền; các vấn đề về cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học trong môi trường đa văn hóa; quan điểm chỉ đạo của các cán bộ quản lý.

4. Với những thuận lợi cùng khó khăn, hạn chế đã và đang bộc lộ, công tác dạy và học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc còn rất nhiều vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Đó là yêu cầu khẩn thiết của sự vận hành đồng bộ ở tất cả các khâu quản lý, chỉ đạo chính sách và vận dụng sát thực với điều kiện xã hội ở từng địa phương, từng ngành nghề. Nghiên cứu việc dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc cũng là đáp ứng yêu cầu của đề án đổi mới căn bản toàn diện của giáo dục Việt Nam theo nghị quyết 29 NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI. Chính với những lý do và sự cần thiết nêu trên, chúng tôi bước đầu thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu việc dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc”, xuất phát từ cơ sở khoa học và tính thực tiễn, cấp thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc dạy học trong môi trường đa văn hóa. Đánh giá thực trạng nhiệm vụ dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa, từ đó đề xuất được các nhóm giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên phổ thông đặc biệt là giáo viên cấp tiểu học và THCS ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục đa văn hóa; Một số giải pháp trọng tâm nâng cao năng lực dạy học cho đội ngũ giáo viên phổ thông trong môi trường đa văn hóa khu vực miền núi phía Bắc;

Khách thể nghiên cứu: Vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa của giáo viên và học sinh ở một số trường Tiểu học, THCS các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam như Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi khảo sát nghiên cứu của đề tài là cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông (chủ yếu là giáo viên tiểu học và THCS) dạy học trong môi trường đa văn hóa của một số tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc; Trong đó chọn nghiên cứu trường hợp gồm các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang - nơi có môi trường đa văn hóa trong cộng đồng cư dân có các dân tộc thiểu số sinh sống đan xen khá đa dạng.

- Phạm vi nội dung: Quan tâm chủ yếu của đề tài là một số vấn đề về giáo dục trong môi trường đa văn hóa với các yếu tố như: Thực trạng nhận thức về vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc; những giải pháp trọng tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học của người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa chủ yếu là học sinh và giáo viên cấp Tiểu học và THCS.

5. Cách tiếp cận

- Tiếp cận từ thực tiễn: Cách tiếp cận này sẽ giúp tác giả đề tài sơ bộ đánh giá được thực trạng tình hình giáo dục của các tỉnh miền núi phía Bắc. Sự đánh giá này nhìn ở khía cạnh dạy học trong môi trường đa văn hóa với những thuận lợi và những khó khăn như thế nào. Hiệu quả đạt được của giáo dục trong không gian văn hóa của các dân tộc thiểu số. Từ đó soi chiếu vào lý thuyết đa văn hóa để đề xuất nhóm giải pháp phù hợp.

- Tiếp cận liên ngành: Đối với đề tài này còn đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành văn hóa học, giáo dục học, tâm lý học, chính trị học... Cách tiếp cận liên ngành được sử dụng để cắt nghĩa các quan hệ phức tạp giữa các yếu tố văn hóa - xã hội - kinh tế - tâm lý - giáo dục... để khu biệt các vấn đề văn hóa, xã hội, giáo dục, những tác

động ảnh hưởng của các yếu tố khác đến vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa .

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản như: phương pháp nghiên cứu trường hợp, chọn một khu vực đa văn hóa làm trọng điểm nghiên cứu. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu để thu thập thông tin về một trường hợp và sau đó phân tích các nội dung bằng cách tìm kiếm các minh chứng, các dữ liệu, sau đó kiểm tra bằng cách so sánh với các trường hợp tương tự khác trong quá trình nghiên cứu để có những kết luận thực tế, khách quan.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Chúng tôi cho rằng để nắm được hoạt động dạy học trong môi trường đa văn hóa nhất thiết phải lấy được ý kiến từ phía nhà quản lý, giáo viên, học sinh làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp, khuyến nghị hoạch định chính sách. Để làm được điều đó, chúng tôi lấy phiếu điều tra xã hội học tại các địa bàn khu vực trường học miền núi. Trước khi xây dựng phiếu điều tra, chúng tôi tiến hành khảo sát sơ bộ tại địa bàn theo định hướng của đề tài. Sau đó, chúng tôi xây dựng bộ phiếu khảo sát toàn diện. Chúng tôi xác định câu hỏi sẽ là công cụ khám phá thông tin quan trọng và là công cụ nghiên cứu cơ bản của đề tài. Việc khảo sát bằng phiếu hỏi sẽ được tổ chức theo những cách khác nhau. Nhiều đối tượng được tham gia trả lời qua phiếu hỏi (nhà quản lý, giáo viên, học sinh ở các cấp học khác nhau); điều tra ở những khu vực địa lý, không gian văn hóa khác nhau để có được bức tranh toàn cảnh khách quan về giáo dục trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc.

- Phương pháp phỏng vấn: Trong nghiên cứu định tính, các cuộc phỏng vấn chính thức và không chính thức được tiến hành để tiếp tục khai thác các thông tin về những gì đang xảy ra trong bối cảnh từ quan điểm của những người tham gia vào nghiên cứu và những người là đối tượng nghiên cứu. Phỏng vấn là căn cứ cơ bản để thu thập thông tin nội bộ về những gì quan sát được và soi chiếu vào lý thuyết để rút ra kết luận.

- Phương pháp phân tích tổng hợp để đi đến những nhận xét, kết luận. Phương pháp này đòi hỏi sự nghiên cứu chuyên sâu của các chuyên gia trong từng trường hợp cụ thể để có được những đánh giá mang tính bản chất.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tập trung vào những nội dung và kết quả nghiên cứu với các vấn đề cơ bản sau:

Nội dung 1: Cơ sở lý luận về dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc;

Nội dung 2: Thực trạng dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc;

Nội dung 3: Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên phổ thông .

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC ĐA VĂN HÓA Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

1.1. Tổng quan những vấn đề nghiên cứu về dạy học đa văn hóa

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề giáo dục đa văn hóa đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới thực sự quan tâm. Nghiên cứu về giáo dục đa văn hóa, giai đoạn những năm 1960 – 1970 xuất hiện các công trình tiêu biểu của các tác giả như Banks (1969), Freire (1970), Bernier và Davis (1973), ... Thập niên 1980 và 1990 tác giả Sleeter và Grant đã đề xuất năm phương thức giáo dục đa văn hóa qua công trình được tái bản nhiều lần *Making choices for multicultural education: Five approaches to race, class, and gender* (Chọn lựa cách thức giáo dục đa văn hóa: năm phương thức dành cho chủng tộc, giai cấp và giới, năm 1988, 1994, 1999). Đây cũng là thời điểm thuật ngữ giáo dục đa văn hóa được sử dụng nhiều ở Hoa Kỳ và các nước ở Phương Tây. Như vậy, nghiên cứu về giáo dục trong môi trường đa văn hóa đã được các quốc gia như Anh, Mỹ, Canada và Australia quan tâm nghiên cứu và áp dụng khá tốt. Ở các nước này giáo dục đã trải qua một quá trình dạy học trong môi trường đa văn hóa đậm nét. Cũng chính bởi vậy mà trong nghiên cứu họ đã có những thành tựu đáng kể. Các hướng nghiên cứu thường tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, giáo dục trong môi trường đa văn hóa - một nền tảng lý thuyết quan trọng. Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng việc giảng dạy và học tập trong môi trường giáo dục đa văn hóa – đó là một nền tảng lý thuyết vô cùng cần thiết trong những quốc gia có sự hợp chủng cao. Tác giả Anna Wieczorek Viện Anh ngữ, Đại học Silesia, Ba Lan trong kỷ yếu hội nghị EMUNI năm 2009 đã khẳng định: Ngày nay, trong thời đại toàn cầu hóa, ngày càng có nhiều người đến với môi trường giáo dục từ những nền văn hóa khác nhau. Việc nghiên cứu giảng dạy trong một môi trường đa văn hóa vừa mang đến những yếu tố tích cực, vừa mang đến những yếu tố tiêu cực cho những người làm công tác giảng dạy ở những nơi đó. Nếu không chuẩn bị một tâm lý giảng dạy vững vàng người ta thường khó có thể thành công trong giảng dạy ở một môi trường đa văn hóa. Thậm chí họ còn gặp phải những cú sốc về văn hóa với những cảm giác khó chịu, sợ hãi, bất an khó có thể hoàn thành sứ mệnh của một nhà giáo¹.

Thứ hai, theo nghiên cứu của các nhà giáo dục, họ quan tâm đến việc khám phá cách trẻ em học tập và tự trang bị kinh nghiệm hòa nhập vào cuộc sống đa sắc màu như thế nào. Các nhà nghiên cứu cho rằng cái khó khăn lớn nhất của các giáo viên giảng dạy trong môi trường giáo dục đa văn hóa là ngôn ngữ và văn hóa, thêm vào đó là sự phức tạp của lớp học đa văn hóa là quan điểm, tâm lý, tôn giáo của người học cũng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Nghiên cứu của tác giả Alejandro J. Gallard, Khoa học Giáo dục, Đại học bang Florida cho rằng: Chìa khóa để thấu hiểu môi trường văn hóa là người giáo viên phải làm chủ nền văn hóa đó. Có như vậy chúng ta mới tự tin để cung cấp cho các em về tri thức khoa học trên cơ sở những hiểu biết về văn hóa và ngôn ngữ của người học. Người học sẽ tin tưởng và hào hứng tiếp thu những tri thức được trao truyền. Từ đó người học có thể sử dụng kinh nghiệm của người thầy, trong đó bao gồm ngôn ngữ và văn hóa, sau đó họ có thể so sánh với những gì họ đã biết và những trải nghiệm mới từ đó mà họ trưởng thành²

¹ Bela Stantic (2009), Problems of teaching in a Multicultural Enviroment online, http://www.emuni.si/denis/conference/emuni_vn_11.9.2015

² PaulC. Gorski (1995 -2018), Multicultural Education – Ed change; website: edchange.org/multicultural/

Thứ ba, khi nghiên cứu về giáo dục đa văn hóa, người ta cũng đặt ra các vấn đề có tính khả thi của giáo dục, trong số đó đáng chú ý đến công trình nghiên cứu: “Giáo dục đa văn hóa : Các vấn đề và triển vọng ”(2006) của tác giả James A. Banks là Russell F. Stark, Giáo sư Đại học và Giám đốc Trung tâm đa văn hóa giáo dục tại Đại học Washington. Cuốn sách này cung cấp hướng dẫn về việc trở thành một giáo viên hiệu quả trong lớp học đa dạng. Các học giả trong giáo dục có thể đọc ở đó những quan điểm nghiên cứu về dân tộc học, nhân học, nghiên cứu về giới và các nhóm văn hóa chủng tộc, ngôn ngữ. Cuốn sách dành mỗi quan tâm đặc biệt đến các vấn đề tôn giáo, giới tính, sắc tộc, cải cách giáo dục...Ở hướng nghiên cứu này tác giả Fons Trompenaars (2006) đặt ra vấn đề cần chinh phục các đợt sóng văn hóa. Trong môi trường văn hóa đa dạng, nghiên cứu của tác giả đã đặt ra những vấn đề hết sức thú vị như: Giải quyết tình huống khó xử về văn hóa; Ý thức được sự khác biệt về văn hóa; Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa; Hòa hợp những khác biệt về văn hóa.

Thứ tư, giáo viên giảng dạy trong môi trường giáo dục đa văn hóa cần hướng tới một nền sư phạm trách nhiệm. Tác giả Hiu – Min Chou - Viện dân tộc học, đã bày tỏ quan điểm nghiên cứu của mình trong bài viết “Giáo viên trong môi trường giáo dục đa văn hóa - Hướng tới một nền sư phạm trách nhiệm”(2007). Ông Hiu- Min Chou cho rằng sinh viên ở Hoa Kỳ luôn học tập trong môi trường giáo dục văn hóa đa dạng. Môi trường giáo dục ấy bắt buộc phải cung cấp cho người học một quyền năng và giáo dục công bằng cho tất cả học sinh. Để có được điều đó về phía giáo viên, một trong những ưu tiên cao nhất là phải giúp cho người giáo viên giảng dạy trong môi trường giáo dục đa văn hóa có được kiến thức thái độ, kỹ năng và khuynh hướng làm việc hiệu quả với nền giáo dục đa dạng, đa văn hóa. Chúng ta nhận thấy vấn đề giáo dục đa văn hóa nhận được sự quan tâm của rất nhiều nhà khoa học trên thế giới. Các công trình đều nhấn mạnh đến quan điểm giáo dục cần phải thay đổi khi dạy học trong môi trường đa văn hóa. Vì sự phát triển toàn diện của thế hệ trẻ, cũng vì một nền giáo dục nhân văn, trách nhiệm những nhà giáo dục cần có nhiều nỗ lực hơn nữa để có thể xóa bỏ những quan điểm về giáo dục, văn hóa định kiến giúp người học có môi trường giáo dục thực sự thoải mái và phát huy được năng lực.

1.1.2. Những nghiên cứu trong nước

1.1.2.1. Những vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa

Nghiên cứu về dạy học trong môi trường đa văn hóa, các công trình trong nước cũng đã chạm đến những vấn đề về văn hóa, đa văn hóa, giáo dục bản sắc văn hóa, dạy học trong môi trường đa văn hóa với những điểm nhìn khá phong phú.

Hướng thứ nhất, những công trình đã tập trung nghiên cứu về văn hóa và cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động “Thập kỷ văn hóa” do tổ chức UNESCO phát động từ những năm 80 của thế kỷ XX, giới khoa học Việt Nam, ở các ngành, các cấp độ khác nhau đã dành nhiều thời gian và trí lực để đi sâu nghiên cứu văn hóa và văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong lý luận cũng như trong thực tiễn nghiên cứu về văn hóa, chúng ta nhận thấy Việt Nam là một Quốc gia có sự kết hợp tinh hoa văn hóa của 54 dân tộc khác nhau trên cùng lãnh thổ. Mặt khác văn hóa Việt luôn tiếp thu, chắt lọc tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác nhau trên thế giới tạo nên một nền văn hóa đa sắc màu mang dấu ấn thời đại. Với lý do trên, từ xưa đến nay đã có rất nhiều nhà khoa học nghiên cứu và công bố các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề này. Một trong những nhà khoa học có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa và văn hóa các dân tộc thiểu số đó là tác giả Trần Quốc Vượng, Trần Ngọc Thêm, Phan Ngọc, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Xuân Kính.... Trong công trình nghiên cứu, GS Trần Quốc Vượng đã đưa ra những quan niệm về văn hóa vùng và cách phân vùng văn hóa: “Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam” (1993 - 2004); “Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam” (2006); “Một cách tiếp cận về lịch sử văn hóa”(2007); “Toàn cầu văn hóa đa tuyến”(2008) và rất nhiều các bài báo khoa học khác. Tác giả Nguyễn Từ Chi đã bày tỏ quan điểm trong công trình nghiên cứu “Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người”(1996). Tác giả Hoàng Vinh và “Mấy vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hóa nước ta hiện nay”; Tác giả Trần Ngọc Thêm: “Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam”; “Hướng tới một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc”(1998) của tác giả Hoàng Như Thanh, Nguyễn Hàm Giá; tác giả Hoàng Trinh với “Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa”(2000). Hầu hết các công trình nghiên cứu đều đề cập đến sự đa dạng văn hóa của vùng miền, khu vực. Những yếu tố văn hóa đó dứt khoát sẽ tác động đến nhận thức, tâm lý, văn hóa của con người ở những khu vực đó.

Hướng thứ hai, trong những năm qua, các nhà khoa học cũng đã dành nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu về lịch sử - văn hóa các dân tộc thiểu số ở nước ta, trong đó đáng chú ý là văn hóa vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Nghiên cứu về vấn đề này tác giả Đặng Nghiêm Vạn với các công trình “Những chặng đường hình thành dân tộc Việt Nam thống nhất” (1978); “Có một dân tộc Việt Nam, có một dân tộc Việt Nam XHCN (1984); “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (dẫn liệu nhân chủng học)” (1993) và “Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam” (2003). Vấn đề văn hóa các dân tộc thiểu số cũng đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều nhà khoa học, ví dụ tác giả Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn “ Văn hóa dân tộc Tày”, Sở văn hóa thông tin Thái Nguyên (1968), Lê Thanh Tịnh với “Một vài suy nghĩ về nguồn gốc danh xưng Giao Chi” (1977); “Các dân tộc ít người ở Việt Nam các tỉnh phía Bắc” (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978) của các tác giả thuộc Viện Dân tộc học; “Về khái niệm “dân tộc” của Mác và Ăng ghen và sự hình thành dân tộc Việt Nam” của Hà Văn Tấn (1980); “Góp vào vấn đề hình thành dân tộc - Lý luận và thực tế” của tác giả Lương Ninh (2000); “Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam” của tác giả Phan Huy Lê (1982); “Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam” của các tác giả Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo (2000); tác giả Hoàng Ngọc La (Chủ biên), (2002), Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; “Các dân tộc Mông – Dao: Góc nhìn đa chiều từ Địa lý - dân tộc học - lịch sử - sinh thái nhân văn miền núi phía Bắc” (2012, Hà Thị Thu Thủy, Dương Quỳnh Phương, Vũ Như Vân). Các công trình này đã phác họa một bức tranh chân thực, khái quát về nguồn gốc lịch sử tộc người, quá trình hình thành tộc người, nhóm ngôn ngữ, đặc điểm kinh tế - văn hóa... của các tộc người miền núi phía Bắc Việt Nam. Tuy nhiên viết sâu về vấn đề này không phải là nhiều tài liệu. Trong số các minh chứng cập nhật được, chúng tôi thấy có công trình: “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa một số dân tộc thiểu số ở Việt Bắc” (2010), nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên của tác giả Nguyễn Văn Lộc chủ biên. Ở công trình này, nhóm tác giả đã khảo sát thực trạng văn hóa, ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số vùng Việt Bắc trong giai đoạn hiện nay. Từ đó có những đánh giá về thực trạng giáo dục, bảo tồn phát triển văn hóa của một số dân tộc thiểu số vùng Việt Bắc.

Hạn chế về môi trường văn hóa và giáo dục nơi đây là điều kiện đi lại khó khăn, cuộc sống của người dân còn nghèo, thiếu thốn và lạc hậu, dân trí thấp. Trong khi đó hầu hết các dân tộc lại không có chữ viết, khó xây dựng được nền văn hóa bản địa nên truyền thống tộc người bị mai một, khó lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngoài ra do các tộc người thường sống xen kẽ nhau nên hàng rào của những tập quán, tín ngưỡng cùng với những nhận thức cố hữu, bảo thủ của con người trở thành lực cản vô hình trong quá trình xây dựng môi trường giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số.

1.1.2.1. Những vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi

Hướng thứ nhất, các nhà khoa học quan tâm đến văn hóa với giáo dục, văn hoá vừa là nội dung vừa là mục đích của giáo dục. Giáo dục là phương tiện đem văn hoá của loài người đến cho từng cá nhân để biến mỗi cá nhân trở thành con người có văn hoá. Với quan điểm đó đã có nhiều nhà khoa học đi sâu nghiên cứu Văn hóa và Giáo dục. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm: “Văn hóa truyền thống dân tộc với việc giáo dục thế hệ trẻ”, tác giả Hà Nhật Thăng: “Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc”, “Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội”(Huỳnh Khải Vinh, 1996); “Một số vấn đề bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc”(1997)... Trong đó các công trình bám sát vấn đề văn hóa và giáo dục như: “ Thực trạng và giải pháp giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho thanh niên, học sinh, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam thời kỳ CNH- HĐH đất nước”(2001) của nhóm tác giả Trần Kiều và công trình: “ Vấn đề giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên” (Phạm Hồng Quang, 2001); “Khảo sát thực trạng nhận thức của sinh viên một số trường Đại học miền núi phía Bắc Việt Nam về bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số và các giải pháp giáo dục” (Phạm Hồng Quang, 2001); Phát triển môi trường văn hóa giáo dục trong các trường sư phạm miền núi phía Bắc Việt Nam (Phạm Hồng Quang, 2004); “Trung du và miền núi phía Bắc: một vùng văn hóa dân tộc đặc thù”(Dương Quỳnh Phương, 2009)... Những công trình này mang tính định hướng cho những nghiên cứu liên quan đến văn hóa của mỗi dân tộc, đặc biệt là văn hóa của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc.

Hướng thứ hai, các nhà giáo, nhà nghiên cứu quan tâm là: Dạy học trong môi trường đa văn hóa và phương pháp dạy học của giáo viên. Ở hướng này có các tác giả như: Vũ Minh Giang với “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong chiến lược phát triển giáo dục hiện nay của Việt Nam” (1998), Tài liệu Viện NCKHGD, Nxb Giáo dục, Hà Nội; tác giả Nguyễn Văn Huyền “Văn hóa thẩm mỹ và sự phát triển con người Việt Nam trong thế kỉ mới”, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội (2001); Phan Ngọc Liên và Nguyễn Cảnh Minh “Văn hoá, truyền thống dân tộc với việc giáo dục thế hệ trẻ” (1976); Phạm Đình Nghiệp “Giáo dục tư tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới”, Nxb Thanh niên, Hà Nội (2000).

Ở nước ta, vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa khu vực dân tộc miền núi cũng đã được các nhà khoa học rất quan tâm, điển hình là một số công trình nghiên cứu như “Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi ba tỉnh phía Bắc Việt Nam những kiến nghị và giải pháp”(2002, Trần Trí Dõi). Trong nghiên cứu tác giả đã đề cập tới việc giảng dạy trong một môi trường đa văn hóa cần phải chuẩn bị được đội ngũ giáo viên đáp ứng được yêu cầu giáo dục tiếng mẹ đẻ cho đồng bào một cách lâu dài. Cần xác lập một hệ thống đào tạo tiếng dân tộc trong các trường Đại học và Cao đẳng. Trong công trình “Đặc điểm văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Việt Bắc và những vấn đề đặt ra cho giáo dục nhà trường” (2005, Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Chí Bền), “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa một số dân tộc thiểu số ở Việt Bắc”(2010, Nguyễn Văn Lộc). Trong các nghiên cứu tác giả Nguyễn Văn Lộc đã chỉ ra thực trạng giáo dục phổ thông ở khu vực miền núi phía Bắc. Tuy số lượng giáo viên hàng năm đã được nâng lên khá nhanh nhưng số giáo viên là người dân tộc thiểu số vẫn là con số khiêm nhường. Hầu khắp các trường phổ thông của bản làng, những vùng có nhiều dân tộc thiểu số, giáo viên chủ yếu là từ các trường sư phạm (Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Đại học Sư phạm 2) hoặc từ các thị xã, thành phố lên vùng cao dạy học.

Trong hướng nghiên cứu này đáng chú ý là công trình: “Tri thức người dân tộc thiểu số - một nguồn lực quan trọng cho công tác phát triển vùng dân tộc thiểu số” (Nxb Chính trị Quốc Gia Hà Nội, 2004); “Vai trò tri thức người dân tộc thiểu số trong sự nghiệp CNH – HĐH”, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 2007; “Đổi mới tư

duy và nhận thức về văn hóa” (Phạm Đức Dương, Phạm Thanh Tịnh, Đinh Thị Hà Giang, 2012); Công trình “Con người, môi trường và văn hóa” (Nguyễn Xuân Kính, 2013)...Các tác giả ít nhiều đã quan tâm đến vấn đề dạy học trong môi trường văn hóa của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Những công trình này đã cung cấp một cái nhìn toàn diện cho những người tiếp tục khám phá lĩnh vực văn hóa, giáo dục trên những phương diện khác nhau, đặc biệt là vấn đề dạy học trong một môi trường đa văn hóa dưới góc độ so sánh giữa các miền văn hóa, các vùng văn hóa, để từ đó có được một nền giáo dục cộng đồng có trách nhiệm, giàu tính nhân văn.

Công tác giáo dục trong môi trường đa văn hóa là vấn đề quan trọng. Trong đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng ta đã khẳng định: “Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn Quốc gia và tỉ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng xa xôi, hải đảo” (Đảng cộng sản Việt Nam, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001). Trong điều 61, Hiến pháp của nước Việt Nam năm 2013 đã ghi: “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề”. Vì vậy, ngành giáo dục cũng đã quan tâm tới việc dạy học trong môi trường đa văn hóa với phương châm “dân tộc nào có giáo viên người dân tộc đó”, coi đào tạo giáo viên tại chỗ là giải pháp quan trọng lâu dài có ý nghĩa chiến lược.

1.2. Cơ sở khoa học

1.2.1. Các khái niệm

- *Văn hóa*: Văn hóa tồn tại, hiện hữu rất phong phú và đa dạng trong cuộc sống con người. Từ những điểm nhìn khác nhau các tác giả đã đưa ra những quan niệm khác nhau về văn hóa. Người phương Tây cho rằng văn hóa được bắt nguồn từ chữ Latinh “Cultus” mà nghĩa gốc là gieo trồng, được dùng theo nghĩa Cultus Agri là “gieo trồng ruộng đất” và Cultus Animi là “gieo trồng tinh thần” tức là “sự giáo dục bồi dưỡng tâm hồn con người”. Theo nhà triết học Anh Thomas Hobbes (1588-1679): “Lao động dành cho đất gọi là sự gieo trồng và sự dạy dỗ trẻ em gọi là gieo trồng tinh thần”. Nhà nhân loại

học người Anh Edward Burnett Tylor (1832 - 1917) định nghĩa văn hóa: văn hóa hay văn minh hiểu theo nghĩa rộng trong dân tộc học là một tổng thể phức hợp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ những khả năng, tập quán nào mà con người thu nhận được với tư cách là một thành viên của xã hội¹

Ở phương Đông, từ văn hoá đã có trong đời sống ngôn ngữ từ rất sớm. Trong Chu Dịch, quẻ Bi đã có từ văn và từ hoá: xem đáng về con người, lấy đó mà giáo hoá thiên hạ. Trong các tài liệu có đề cập đến người sử dụng từ văn hoá sớm nhất là Lưu Hưong (năm 77-6 TCN), thời Tây Hán với nghĩa như một phương thức giáo hoá con người - văn trị giáo hoá.

Riêng đối với Việt Nam, bên cạnh các khái niệm như văn hiến, văn minh, văn vật đã rất quen thuộc thì văn hóa cũng được rất nhiều tác giả nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn chưa thể thống nhất được một khái niệm chung. Tác giả Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”².

Trong những năm gần đây, một số nhà nghiên cứu ở nước ngoài và Việt Nam khi bàn luận về văn hóa, họ thường sử dụng khái niệm do UNESCO đưa ra vào năm 1994. Theo UNESCO, văn hóa được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng thì “Văn hóa là một phức hệ - tổng hợp các đặc trưng diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm... khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng gia đình, xóm làng, vùng, miền, quốc gia, xã hội... Văn hóa không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà còn cả lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống, tín ngưỡng...” còn hiểu theo nghĩa hẹp thì “Văn hóa là tổng thể những hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong cộng đồng, khiến cộng đồng đó có đặc thù riêng”³.

Đã có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, khái niệm này được nhìn nhận dưới những góc nhìn khác nhau. Nhưng nhìn từ góc độ nào cũng cần thấy giá trị văn hóa được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ mật thiết với con người.

¹ <https://vi.wikipedia.org/wiki/Văn-hóa> 23 tháng 9 năm 2017.

² Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb văn hóa.

³ Ngô Thị Thanh Quý (2010), Tìm trong tục ngữ nét văn hóa Việt, Nxb Đại học Quốc Gia

Những giá trị đó được kết tinh thành bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia. Nhìn chung, có thể rút ra những nét nghĩa chủ yếu về văn hóa như sau:

Văn hóa là một hoạt động sáng tạo chỉ riêng có trong cuộc sống con người. Hoạt động sáng tạo văn hóa bao trùm lên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội con người: vật chất, tinh thần. Thành tựu của nó là các giá trị văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng con đường giáo dục. Văn hóa của mỗi cộng đồng người có những đặc tính riêng hình thành trong lịch sử, phân biệt cộng đồng người này với cộng đồng người khác. Chính vì vậy mà văn hóa có rất nhiều màu sắc và có mối liên hệ mật thiết với các yếu tố khác trong xã hội.

Như vậy, văn hóa bao giờ cũng được hình thành trong một quá trình và tích lũy qua nhiều thế hệ, mang tính lịch sử vì thế mà văn hóa có một bề dày, một chiều sâu. Nó được duy trì bằng những truyền thống văn hóa, tức là cơ chế tích lũy và truyền đạt kinh nghiệm trong cộng đồng qua không gian và thời gian. Văn hóa là những giá trị tương đối ổn định và trở thành khuôn mẫu xã hội được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người và được cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán... Văn hóa như mạch nguồn nuôi dưỡng con người, xã hội phát triển theo hướng tiến bộ hơn. Từ văn hóa được giải thích và khám phá trong hầu hết các cuốn từ điển bằng tiếng Anh và trong mỗi cuốn từ điển đã cung cấp cho chúng ta những cách hiểu khá tương đồng với nhau về nghĩa. Văn hóa là tổng số những ý tưởng được thừa hưởng, niềm tin, giá trị và kiến thức, cấu thành nền tảng của các hành động trong xã hội.

Môi trường đa văn hóa: Khái niệm đa văn hóa như là sự tồn tại của nhiều nền văn hóa truyền thống trong một quốc gia, mà ở đó có cả văn hóa truyền thống, có cả văn hóa tiếp xúc, tiếp biến với những cách biểu đạt văn hóa khác nhau chính điều đó tạo nên hiện tượng đa văn hóa. Sự đa dạng văn hóa là một quy luật, một dạng thức văn hóa khá phổ biến trên thế giới. Nó được coi là một điều kiện cần thiết cho phát triển, cho sự sinh tồn của con người. Đa dạng văn hóa là khởi nguồn của bản sắc, của đổi mới và sáng tạo, giúp liên kết mọi người trên thế giới với nhau. Đa dạng văn hóa làm phong phú hơn cuộc sống trí tuệ, tình cảm, đạo đức và tinh thần của xã hội loài người.

Tác giả Rosado (2010) đã mô tả đa văn hóa như một hệ thống niềm tin của những hành vi văn hóa của các cá nhân trong một cộng đồng. Sự công nhận và tôn

trọng của nhóm người trong một tổ chức xã hội, thừa nhận những giá trị của sự khác biệt về văn hóa xã hội, những khác biệt đó vẫn cho phép họ tham gia đóng góp vào sự đa dạng của một nền văn hóa. Đa dạng văn hoá có ý nghĩa đối với các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường tự nhiên của mỗi quốc gia.

Vào năm 1974, Unesco đã đưa ra những ý kiến “Khuyến cáo về giáo dục hiểu biết, hợp tác quốc tế, giáo dục vì hòa bình và giáo dục nhân quyền, tự do cơ bản”. Trong bản khuyến cáo này, tổ chức UNESCO đã đưa ra “sự lý giải và tôn trọng đối với văn hóa, văn minh, giá trị cùng mô hình đời sống của tất cả các dân tộc bao gồm cả văn hóa của dân tộc trong nước và văn hóa của nước khác”¹.

Như vậy, thay vì nhấn mạnh giáo dục hiểu biết quốc tế là “hiểu biết về nước khác”, thì UNESCO đã nhấn mạnh đến tính cần thiết của giáo dục “hiểu biết đa văn hóa”. Bởi vì các nước trên thế giới hiện nay đều có tính đa nguyên, phức hợp về dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, văn hóa và trong hoàn cảnh đa văn hóa như vậy, thì cần đến sự hiểu biết tương hỗ giữa các nền văn hóa khác nhau ở mức độ thế giới bao gồm cả sự hiểu biết tương tác giữa các văn hóa khác nhau trong cùng một nước thay vì “hiểu biết về nước khác”. Đa dạng văn hóa được coi là “đặc trưng của xã hội loài người”. Tuyên ngôn Toàn cầu về Đa dạng văn hóa (2001) đã khẳng định: “là khởi nguồn cho mọi giao lưu, đổi mới và sáng tạo, đa dạng văn hóa cũng cần cho nhân loại như đa dạng sinh học cho thiên nhiên. Vì thế đa dạng văn hóa chính là di sản chung của nhân loại và cần được công nhận và khẳng định vì lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau”².

Công ước Unesco về Bảo vệ và Phát huy sự đa dạng của các Biểu đạt văn hóa (2005) cũng nhấn mạnh: “đa dạng văn hóa tạo nên một thế giới giàu có và đa dạng, một thế giới làm tăng sự lựa chọn và nuôi dưỡng khả năng và giá trị của con người, và do đó nó là cội nguồn cho sự phát triển bền vững các cộng đồng, con người và dân tộc”. Mỗi tộc người và cộng đồng có cách hiểu riêng về văn hóa, phụ thuộc vào những nhận thức về môi trường sống và thực hành hàng ngày của họ, mỗi nền văn hóa luôn chứa đựng trong nó sự đa dạng. Đối với các nước đang phát triển,

¹ Nguyễn Quốc Vương dịch từ “Từ điển giáo dục môn Xã hội” (Gyosei, 2000) <https://thonsau.wordpress.com/tag/da-van-hoa/>, ngày 28.01.2013.

² Tuyên ngôn thế giới về đa dạng văn hóa, 2001, được thông qua tại phiên họp toàn thể, kỳ họp 31 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc ngày 2/11/2001; <https://thuvienphapluat.vn/>.

đa dạng văn hóa còn đóng vai trò quan trọng, bởi nó không chỉ biểu hiện tính phong phú trong thực hành văn hóa, mà còn bảo đảm cho sự sinh tồn của họ. Đa dạng văn hóa thể hiện qua sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (cultural expressions). Biểu đạt văn hóa tạo nên bản sắc riêng và sức sống của một cộng đồng; nó tạo nên bối cảnh cho sự hợp tác để suy nghĩ và hành động; biểu đạt văn hóa có tính giáo dục, kích thích niềm say mê và sáng tạo, chữa lành những nỗi đau và vết thương của con người; tạo nên sự đoàn kết cộng đồng, tăng khả năng lưu giữ và tái hiện lịch sử, đồng thời còn tạo ra thu nhập nuôi sống con người.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết của giáo dục đa văn hóa

**** Định nghĩa về giáo dục đa văn hóa***

Với tư cách là một tổ chức Liên hiệp quốc về văn hóa, Unesco đã đưa ra định nghĩa chính thức về văn hóa trong các công ước quốc tế, với nỗ lực phổ quát hóa cách hiểu về văn hóa một cách chung nhất trên toàn cầu. Trong Tuyên bố Toàn cầu về Đa dạng văn hóa của Unesco năm 2001, văn hóa được định nghĩa là “tập hợp những đặc trưng về tinh thần, vật chất, trí tuệ và xúc cảm của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa chứa đựng, bên cạnh nghệ thuật và văn chương, cả cách sống, phương thức chung sống, các hệ thống giá trị, các tập tục và tín ngưỡng”. Như vậy, theo nghĩa rộng, văn hóa bao gồm tất cả những yếu tố cấu thành đời sống con người. Văn hóa không chỉ hàm ý chỉ đời sống tinh thần, văn hóa nghệ thuật, sinh hoạt tâm linh, tôn giáo. Văn hóa còn chính là sự ứng xử của con người với thiên nhiên, con người với con người và với cộng đồng rộng lớn. Văn hóa là phương thức con người thể hiện những tri thức bản địa đã được đúc kết qua nhiều thế hệ, và những phương thức sinh kế để con người tồn tại và phát triển.

Giáo dục đa văn hóa tìm cách bảo đảm công bằng về giáo dục cho mọi cá nhân trong môi trường học tập có nhiều nền văn hóa khác nhau. Giáo dục đa văn hóa chú ý tới trí tuệ và tâm lý, ngôn ngữ và văn hóa của người học. Môi trường giáo dục đa văn hoá là nền tảng quan trọng để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân và cộng đồng tộc người, chống lại các định kiến “dán nhãn” (mặc định sự yếu kém của tộc người). Điều này rất cần được quan tâm để các cộng đồng người được phát triển và nó liên quan đến sự ổn định xã hội. Giáo dục đa văn hóa tạo sự gắn kết xã hội. Văn hoá là nguồn hy vọng, cho phép con người có được ý thức sâu sắc về cảm

giác thuộc về cộng đồng. Giáo dục đã văn hóa góp phần bảo vệ các hình thức khác biệt của văn hoá và quá trình hình thành các hình thức này sẽ góp phần tăng cường vốn xã hội của cộng đồng và đem lại cảm giác làm chủ và niềm tin vào các tổ chức công cộng.

** Mục đích của giáo dục đa văn hóa*

“Cái gốc của hệ thống giáo dục mỗi quốc gia là giáo dục phổ thông (từ các lớp mầm non đến hết trung học phổ thông), nơi mà những kiến thức cơ bản cần thiết về khoa học tự nhiên và xã hội được giới thiệu cho mỗi con người mới lớn lên tiếp xúc với thế giới. Cái gốc này có vững thì con người mới tự lập trong suốt cuộc đời”¹.

Khi xem xét các mục tiêu của giáo dục đa văn hóa đó là sự quan tâm đến người học trong các trường học có nhiều học sinh dân tộc thiểu số. Sự tiếp xúc giữa người học ở nhóm văn hóa này với nhóm văn hóa khác dựa trên những mối quan hệ mà nền tảng chung đó là ngôn ngữ. Mục đích của các chương trình này bao gồm điều kiện góp phần hội nhập giữa các tộc người, sự tích cực giữa các nhà quản lý trường học, nhà giáo dục, người học và phụ huynh. Mục đích của giáo dục đa văn hóa là giúp người học có cơ hội bình đẳng trong các trường học, thị trường việc làm và góp phần xây dựng cộng đồng lành mạnh. Khi giáo dục chú ý đến môi trường đa văn hóa, sẽ tạo điều kiện hỗ trợ người học về ngôn ngữ, nâng cao vị thế và khuyến khích tất cả các học sinh nâng cao nhận thức xã hội và văn hóa của nền văn hóa đa dạng. Mục tiêu của giáo dục đa văn hóa, đó là: Phát triển quan điểm lịch sử; Tăng cường ý thức văn hóa; Tăng cường năng lực liên văn hóa; Chống phân biệt tộc người, phân biệt giới tính và tất cả các hình thức của thành kiến dân tộc và phân biệt đối xử không công bằng khách quan đối với con người; Nâng cao nhận thức của mọi người về vấn đề đa dạng văn hóa, chấp nhận, tôn trọng sự đa dạng văn hóa.

** Ý nghĩa của giáo dục đa văn hóa*

Văn hóa dân tộc ảnh hưởng khá rõ rệt đến nhân cách, đến đạo đức - hệ thống giá trị, thước đo giá trị, thang giá trị và định hướng giá trị của con người. Khi nói đến giáo dục đa văn hóa là chúng ta nói tới những cá nhân người học đến từ những

¹ *Giáo dục những lời tâm huyết* của tác giả Nguyễn Cường Dũng, Nhà xuất bản Thông tấn, 2006. *Bài thứ hai, Giáo dục như thế nào để phát huy tiềm năng con người Việt Nam* của GS. TS. Võ Tòng Xuân Tr. 229-234:

khu vực văn hóa khác nhau, chính bởi vậy một trong những mục tiêu chính của giáo dục đa văn hóa là dạy học để hiểu được điều kiện sống xã hội của các nhóm tộc người khác, hiểu biết về văn hóa và tôn trọng sự khác biệt để không có những thành kiến, sự coi thường bởi “ không có văn hóa nào tốt hơn văn hóa nào, không có văn hóa nào cao hơn văn hóa nào” (theo Trần Ngọc Thêm, <http://www.vanhoahoc.vn/>). Cần phải thấy rằng *một nền giáo dục có sức sống là nhờ trong xã hội có nhiều người học và nhiều người đều ham học. Sự ham học sẽ mạnh mẽ và bền vững nếu người học đạt được mục đích mà trước khi học họ tự đặt ra cho mình, miễn là mục đích này phù hợp với lợi ích của xã hội. Như vậy, nhu cầu và mục đích học tập là cái trụ móng để ngôi nhà giáo dục đứng vững.* Dù người học đến từ tiểu vùng văn hóa nào thì mục đích của giáo dục đa văn hóa cũng cần tuân thủ theo những yêu cầu của mục đích giáo dục Việt Nam và triết lý giáo dục thế giới với 4 trụ cột điển hình “học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định mình” (Unesco).

1.3. Quan điểm nghiên cứu

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh dân tộc ít người

Dân tộc ít người thường sinh sống chủ yếu ở miền núi, vùng sâu vùng xa. Cho nên, điều kiện sinh hoạt của họ gần như cô lập ở phạm vi cộng đồng thôn bản, làng xã hay nói cách khác họ chỉ thường xuyên giao lưu nội bộ trong một không gian hẹp. Trước đây, với lối sống khép kín, người dân tộc ngại va chạm và ít tiếp xúc với thế giới rộng lớn bên ngoài và điều này đã dần dần hình thành một tâm lý đóng khung, bó hẹp tộc người của mình trong một bối cảnh văn hóa lạc hậu, tù túng. Đến nay, đứng trước bối cảnh hội nhập, các dân tộc ít người đã dần dần được chuyển hóa mọi mặt do sự thay đổi tư duy và tác động của điều kiện khách quan. Tuy nhiên vẫn chưa thể xóa hết lối sống truyền thống của các dân tộc ít người, điều này ảnh hưởng tới tâm lý của thế hệ trẻ, nhất là tâm lý của các em học sinh khiến cho việc hòa nhập cộng đồng của các em gặp nhiều hạn chế. Chúng ta có thể nhận thấy một số nét tiêu biểu sau:

- *Thứ nhất:* Sinh ra và lớn lên trong môi trường gắn với núi rừng hoang sơ, sự lạc hậu của làng bản, học sinh các dân tộc thiểu số có tâm lý đi con đường cũ chấp nhận “sống tĩnh”. Học sinh dân tộc thiểu số chưa thấy hết các lợi ích của việc học tập và sự nỗ lực vươn lên trong học tập. Hơn nữa, sự quan tâm chưa đến độ của các cơ quan đoàn thể đối với các dân tộc ít người, tệ nạn xã hội len lỏi vào cuộc sống vốn rất bình yên,... tất cả những điều đó đeo bám các thế hệ lớp người ở nơi đây.

Trước một tương lai không mấy sáng sủa, con em các dân tộc thiểu số cảm thấy chẳng cần phải đến trường. Đó cũng là lý do vì sao các em sẵn sàng bỏ học chẳng mấy may tiếc nuối.

-*Thứ hai:* Học sinh dân tộc ít người đa phần thường thiếu linh hoạt, thụ động khi tiếp xúc với môi trường sinh hoạt cộng đồng rộng lớn hơn (Tất nhiên cũng có những khu vực trẻ em được tiếp xúc sớm với cộng đồng, khả năng ngôn ngữ, giao tiếp tốt hơn). Nhược điểm này xuất phát từ tâm lý sử dụng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ trong tiềm thức của các em. Không chỉ sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ lúc ở nhà mà đến trường các em cũng “phát sóng ngắn” trong nội bộ nhóm người cùng bản làng hoặc giao tiếp với một số bè bạn dân tộc khác mà có chung ngôn ngữ. Vì thế, với vốn tiếng Việt ít ỏi, các em ngại nói, đặc biệt trước chỗ đông người, ngại tiếp xúc với người lạ, ngại tham gia các hoạt động tập thể. Điều này khiến tư duy ngôn ngữ cũng như khả năng giao tiếp của các em kém phát triển. Mọi hoạt động, hầu hết các em đều trông chờ vào sự hỗ trợ của người khác. Muốn dạy các em dường như các giáo viên đều phải dặt tay chỉ việc tận nơi, hướng dẫn chỉ bảo cẩn thận mà đôi khi sự bất đồng về ngôn ngữ và khác biệt về văn hóa khiến các em không tiếp thu nhanh được.

- *Thứ ba:* Thực tế, vùng đồng bào dân tộc miền núi là phen dậu của tổ quốc, có vị trí chiến lược quan trọng, liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia. Vì thế, từ khi thành lập nước đến nay, thời nào cũng vậy, các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng, xúi giục, lôi kéo đồng bào dân tộc ở vùng núi phía Bắc, gây mất ổn định trật tự xã hội, nên chúng đưa và vùng này rất nhiều các luồng văn hóa và tư tưởng trái chiều. Thêm vào đó, đổi mới và hội nhập, thông thương biên giới cũng tác động rất lớn đến tâm lý và cuộc sống của đồng bào nơi đây. Điều này đã tạo ra sự đa dạng văn hóa nhiều khi trở nên khá phức tạp đối với cộng đồng, xã hội khu vực giáp biên miền núi phía Bắc mà nếu chúng ta không quan tâm giáo dục chúng ta rất dễ mất đi thế hệ trẻ ở nơi này.

1.3.2. Mục tiêu và nội dung giáo dục trong môi trường đa văn hóa

* Mục tiêu: Giáo dục đa văn hóa hướng đến sự phát triển nền tảng cơ sở để mở rộng và nâng cao năng lực nhận thức cũng như khả năng thích ứng linh hoạt của con người khi thay đổi môi trường sống cũng như khi tham gia các hoạt động xã hội. Vì vậy, mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục đa văn hóa trước hết là phát triển năng lực đa văn hóa. Đó là sự phát triển về khả năng nhận thức, hiểu biết về nhiều quan

điểm văn hóa, khả năng giao tiếp, hợp tác, ý thức bình đẳng, tôn trọng, khoan dung văn hóa, kỹ năng hành động xã hội, tránh định kiến, chống phân biệt đối xử cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức và các phương pháp giảng dạy phù hợp. Năm 2004, Ameny-Dixon cùng với Hội đồng giáo dục Hoa Kỳ và các học giả lớn đã tóm tắt 5 lợi ích lâu dài của giáo dục đa văn hóa theo như sau:

Thứ nhất: Phát triển năng lực nhận thức và đạo đức cho mọi người; *Thứ hai:* Tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua những quan điểm khác nhau; *Thứ ba:* Tăng cường các mối quan hệ tích cực nhằm đạt mục tiêu chung, tôn trọng nhau và cam kết bình đẳng trong nhà trường; *Thứ tư:* Giảm thành kiến, định kiến qua tương tác trực tiếp với các nhóm đa dạng; *Thứ năm:* Tăng sức sống xã hội với các nền văn hóa đa dạng, phát triển quan điểm rộng và tinh tế về thế giới.

Nhìn chung, mục tiêu trên mà các nhà nghiên cứu hướng tới đó là chuẩn bị năng lực và thái độ thích hợp cho người học để thích ứng với một xã hội đa văn hóa trong tương lai. Con người càng ngày càng nhận thấy rằng: thế giới là hữu hạn, nhưng tính đa dạng của các quan điểm về thế giới là vô hạn. Vì vậy, bản thân mỗi người cần thức nhọn các giác quan để đón nhận sự đa dạng của cuộc sống cũng như góp phần tạo nên sự gắn kết giữa các nền văn hóa đúng như một nhà nghiên cứu đã nói: *... nỗ lực cùng nhau tìm ra một mẫu số chung.* Mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới đều cần học hỏi lẫn nhau, cần liên tục khám phá và mở rộng những giá trị tiến bộ chung như: tự do, dân chủ, đoàn kết, hợp tác, khoan dung, bình đẳng, tôn trọng, yêu thương, bảo vệ môi trường. Nhân loại chung bầu trời, biên giới các quốc gia nối liền, con đường biển thông thương. Sự hiểu biết chia sẻ với nhau về văn hóa, thấu hiểu hòa đồng không phân biệt màu da, sắc tộc sẽ giúp cho thế giới bình yên, ổn định, phát triển. Giáo dục đa văn hóa được cụ thể hóa bằng các mục tiêu cụ thể như sau:

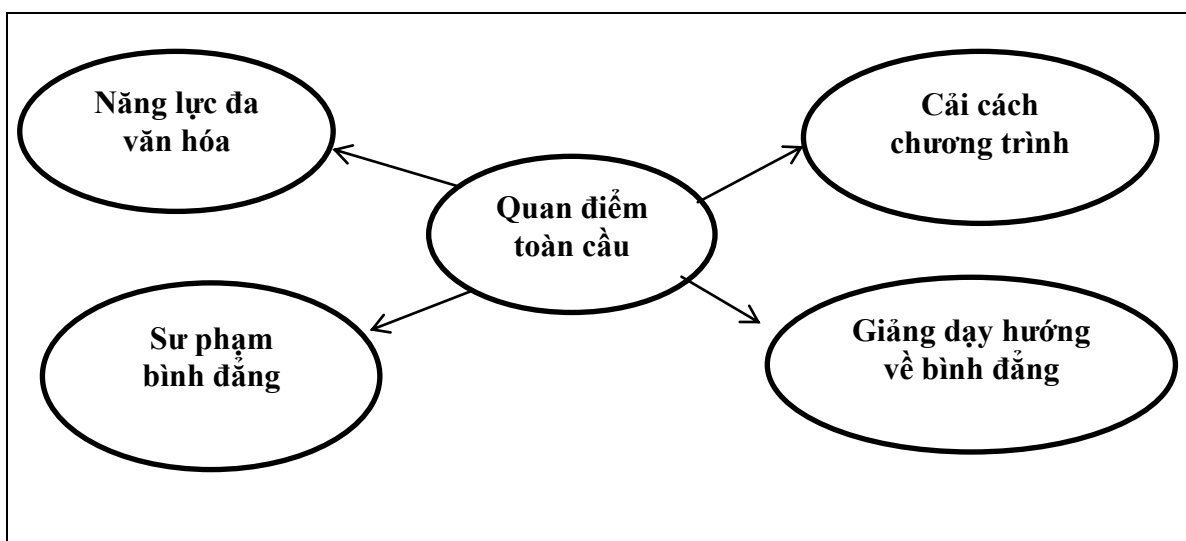
- Về mặt kiến thức, nhận thức: Cần tăng cường nhận thức cho người học, hiểu biết sâu rộng, đa chiều về giáo dục đa văn hóa giúp hình thành quan điểm rộng và sâu sắc hơn về thế giới; gia tăng kiến thức liên ngành tạo điều kiện giải quyết vấn đề sáng tạo và ra quyết định đúng đắn, có cơ sở vững chắc, hạn chế chủ quan; bản lĩnh trong việc giữ gìn bản sắc tộc người nhưng cũng tích cực tiếp thu những giá trị văn hóa mới phù hợp trong quá trình trải nghiệm, phát triển năng lực hội nhập.

- Về mặt kỹ năng: phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo qua nhiều quan điểm, kinh nghiệm/hiểu biết với tư duy phức hợp bậc cao (phân tích, so sánh, đánh giá); phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, hợp tác; năng lực học tập suốt đời.

- Về mặt thái độ, đạo đức: khoan dung, tôn trọng, nhạy cảm với các vấn đề đa văn hóa; giảm bớt định kiến, thành kiến, ý thức tích cực học hỏi; cam kết bình đẳng, có ý thức trách nhiệm xây dựng xã hội tốt đẹp, sinh động với nhiều nhóm văn hóa khác nhau, tăng cường các mối quan hệ tích cực để cùng đạt mục tiêu chung.

* Nội dung

Trên thế giới, các nghiên cứu về giáo dục đa văn hóa ở quy mô rộng không còn là vấn đề mới. Các công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn của vấn đề này đã được công bố bởi những học giả ở các nước Âu Mỹ trong suốt thế kỷ XX. Từ thực tế cho thấy, lịch sử nghiên cứu về giáo dục đa văn hóa trên thế giới ra đời và phát triển cùng với lịch sử hình thành và phát triển các cộng đồng đa văn hóa và chính sách đa văn hóa của các nước đa chủng tộc do tác động của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội ở tất cả các nước. Trong nghiên cứu giáo dục đa văn hóa, nhiều quan điểm nghiên cứu xuất hiện với những nội dung cơ bản giống nhau. Tiêu biểu nhất có mô hình của Ameny-Dixon và Banks. Với Ameny-Dixon, các khía cạnh đa dạng của giáo dục đa văn hóa được tập hợp lại thành một số yếu tố cơ bản chính là khung cấu trúc của giáo dục đa văn hóa, bao gồm bốn khía cạnh, phạm vi hay thành phần chủ chốt, được biểu thị ở sơ đồ dưới đây¹



¹ Nguyễn Duy Mộng Hà (2016), *Giáo dục đa văn hóa trong nhà trường đại học Việt Nam thời đại toàn cầu hóa*, NXB Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh

Hình 1. Khung quan điểm toàn cầu của giáo dục đa văn hóa

Quan điểm tiêu biểu nhất của giáo dục đa văn hóa là vấn đề bình đẳng trong giáo dục mà nội dung quan trọng trong chương trình giáo dục đa văn hóa đó là hình thành cho người học *năng lực đa văn hóa*. Năng lực đa văn hóa, trước hết thể hiện ở năng lực nhận thức, đánh giá, giải quyết một vấn đề bằng nhiều phương thức khác nhau của người học. Ngoài ra, người học phải được trang bị những kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, hiểu biết các quan điểm, giảm thành kiến và có cách đàm phán, hợp tác trong bối cảnh đa dạng văn hóa cùng với việc giữ gìn bản sắc văn hóa của tộc người, của đất nước. Trên nền tư duy đa văn hóa, người học được tham gia các hoạt động học tập dưới sự tổ chức, dẫn dắt, điều phối của giáo viên giúp người học hình thành tư duy độc lập với kiến thức liên ngành, ý thức năng lực tự học suốt đời. Người học cũng có khả năng nhận biết, so sánh để tìm ra sự tương đồng và khác biệt, lựa chọn những yếu tố phù hợp để phát triển chính mình, phát triển gia đình và xã hội, đảm bảo mang lại hiệu quả cho cộng đồng dân tộc cùng chung sống. Có một nhà nghiên cứu đã nói: *Tư duy so sánh và tiếp nhận quan điểm quốc tế rất cần thiết cho các công dân để sống trong một xã hội toàn cầu, đa dạng*. Đối với học sinh phổ thông thì quan điểm này không dễ dàng. Tuy nhiên, chính việc học tập và quá trình hiện thực hóa nền văn hóa đa dạng cùng với sự giữ gìn, phát huy nền văn hóa đó đã mang tầm vóc quốc gia. Nói như vậy có nghĩa là chính các em được giáo dục theo quan điểm đa dạng văn hóa toàn cầu.

Tiếp đó là nội dung *cải cách chương trình học*. Nội dung này đòi hỏi người tổ chức, quản lý và những người tham gia hoạt động giảng dạy đa văn hóa phải có sự hiểu biết về lý thuyết chương trình (mục tiêu, cấu trúc nội dung, nguồn lực phục vụ giảng dạy), hiểu biết về lịch sử, truyền thống, văn hóa, quan điểm và những đóng góp tích cực của các nhóm văn hóa, dân tộc khác nhau vào các lĩnh vực kiến thức và ngành học nhằm phát hiện và loại bỏ các thiên lệch trong chương trình, tài liệu giảng dạy, đánh giá cao sự đa dạng, bình đẳng và dân chủ, tôn trọng người khác.

Khía cạnh *su phạm bình đẳng* đòi hỏi thay đổi toàn bộ môi trường nhà trường, không khí lớp học, các quan hệ giao tiếp dựa trên sự cởi mở, hợp tác, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Giáo viên cần hiểu biết nhu cầu, phong cách học tập khác nhau của mọi đối tượng người học đa dạng, tạo cơ hội bình đẳng, công bằng, đảm

bảo thành tích học tập cao nhất cho người học, có khả năng nhạy cảm về văn hóa khi sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới.

Giảng dạy hướng về công bằng xã hội yêu cầu giáo viên hiểu biết về nguồn gốc cư trú, văn hóa, chủng tộc, tôn giáo... của người học, giúp họ có năng lực hành động xã hội, không kỳ thị, phân biệt chủng tộc, giới tính, giai cấp và các dạng kỳ thị khác, chuẩn bị cho học sinh làm việc tích cực hướng về bình đẳng, hòa hợp trong môi trường hội nhập quốc tế.

1.3.3. Phương thức giáo dục trong môi trường đa văn hóa

Giáo dục trong môi trường đa văn hóa là quá trình giáo dục hướng đến xã hội ngày càng đa dạng và hòa hợp về văn hóa, có sự gắn bó hữu cơ phụ thuộc lẫn nhau trong một phạm vi lớn: vùng, miền, địa phương, khu vực, quốc gia ... Đối tượng chính của giáo dục đa văn hóa là tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác, giới tính sắc tộc... Tuy nhiên, khi tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể, mỗi nhà nghiên cứu lại có những quan điểm khác nhau.

Nhà nghiên cứu Gibson (1984) đã chia ra 5 phương thức giáo dục đa văn hóa sau¹

- Giáo dục cho nhóm văn hóa: nhằm tạo cơ hội giáo dục bình đẳng cho học sinh có nguồn gốc văn hóa khác nhau có điều kiện thành công như nhau. Phương thức này tương đương phương thức hướng về người học, lấy người học làm trung tâm, tuy nhiên nó được các học giả phân tích cũng có mặt hạn chế là sự giả định chỉ có những người học là dân tộc thiểu số thường kém năng lực hơn và chưa thấy rõ kết quả.

- Giáo dục về sự khác biệt hoặc hiểu biết văn hóa: dạy cho người học tôn trọng và nhạy cảm với những khác biệt văn hóa, hiểu biết và chấp nhận quyền khác biệt của người khác. Phương thức này hướng về tất cả người học chứ không chỉ nhóm thiểu số. Ai cũng có nhu cầu hiểu biết về sự khác biệt văn hóa nhằm làm giàu kiến thức văn hóa cho bản thân và cần giảm thành kiến, tăng bình đẳng xã hội, chuẩn bị bước vào xã hội đa dạng trong tương lai. Với phương thức này, người dạy và người học cần phải quan tâm đến cả những điểm tương đồng cũng như khác biệt để có thể khai thác ưu thế của những điểm khác biệt đó.

¹ James A Bank Cherry. A.McGee Banks (2010) - Multiculture Education - Issues and perspective, Printed in the United Stes of America

- Giáo dục sự đa dạng văn hóa: giúp duy trì và mở rộng đa văn hóa trong xã hội; hướng về tương lai đa dạng, quan hệ bình đẳng giữa các nhóm, loại bỏ quan điểm đồng hóa hay hợp nhất để các dân tộc cùng tồn tại trong hòa bình bên nhau trong sự đa dạng. Đây là phương thức nhấn mạnh sự sắp xếp cơ cấu trong nhà trường, chương trình học.

- Giáo dục song văn hóa: đào tạo người học có khả năng hoạt động hiệu quả và thành công trong hai nền văn hóa khác nhau. Đây là phương thức hài hòa, vừa tự hào, giữ gìn bản sắc dân tộc vừa gia tăng hiểu biết về văn hóa dân tộc khác, có khả năng hoạt động xuyên qua ranh giới giữa các nền văn hóa khác nhau. Đây là phương thức tập trung vào cá nhân hơn là nhóm người, không cần hiểu biết nhiều về ngôn ngữ và văn hóa thứ hai đối với mọi cá nhân.

- Giáo dục đa văn hóa: Nếu bốn phương thức trên chỉ đề cập đến giáo dục chính quy trong nhà trường thì phương thức này lại chú ý đến môi trường ngoài xã hội. Có thể nói, phương thức này khắc phục những hạn chế trên vì đã đề cập đến những gì diễn ra ngoài trường lớp, quan tâm đến bối cảnh xã hội chính trị rộng lớn của giáo dục. Phương thức này có mục tiêu đào tạo con người phát triển năng lực nhận thức, đánh giá và hành động, chú ý đến trường học phi chính quy và học tập ngoài trường lớp, khám phá đầy đủ những tương đồng và khác biệt, tương tác tốt với các nhóm, hiểu biết đa ngôn ngữ và đa văn hóa, phát triển tối đa năng lực đa văn hóa cho người học. Mục tiêu này có phần tương đồng với quan điểm lớp học đảo ngược. Sự kiếm tìm tri thức, của người học được diễn ra bên ngoài lớp học. Trong lớp là vai trò định hướng, giải đáp, hỗ trợ của người giáo viên. Học trò trong môi trường đa văn hóa có sự tương tác tốt giữa người học và người dạy thì sẽ có những hiệu quả nhất định trong phát triển năng lực.

1.3.4. Vai trò của người dạy và người học trong hoạt động dạy học ở môi trường đa văn hóa vùng dân tộc miền núi phía Bắc

Môi trường giáo dục đa văn hóa rất cần được soi chiếu từ điểm nhìn rộng, một môi trường có người học đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Hội nhập quốc tế trong giáo dục cũng mang màu sắc đa văn hóa. Giới hạn khu vực vùng miền cũng sẽ khiến môi trường giáo dục đa văn hóa. Vai trò của cả người dạy và người học trong môi trường đó rất cần được quan tâm.

Quá trình dạy học gồm hai mặt quan hệ hữu cơ: hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh. Trong lí luận dạy học có những quan niệm khác nhau về vai trò của giáo viên và vai trò của học sinh nhưng tập trung vào hai đích: hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của người dạy (lấy giáo viên làm trung tâm) hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của người học (lấy học sinh làm trung tâm). Những năm gần đây, các tài liệu giáo dục và dạy học ở nước ngoài cũng như trong nước thường nói tới việc cần thiết phải chuyển hướng dạy học từ dạy học lấy người dạy làm trung tâm sang dạy học lấy học sinh làm trung tâm. Những phương pháp dạy học mới được áp dụng như: Tìm hiểu bài học, lớp học đảo ngược,... Đây là một xu hướng tất yếu, đúng đắn. Tuy nhiên, trong hoạt động dạy học, dù lấy người dạy làm trung tâm hay người học làm trung tâm thì người dạy vẫn giữ vai trò tiên quyết trong việc đạt được thành quả học tập của người học trong hoạt động dạy học. Đối với hoạt động dạy học trong môi trường đa văn hóa, vị trí và vai trò của người dạy càng được khẳng định rõ nét hơn bao giờ hết.

- Vai trò của người dạy

Trong bất kỳ xã hội nào, bất kỳ giai đoạn phát triển nào của nhân loại, đội ngũ giáo viên đều đóng vai trò vô cùng quan trọng, bởi vì họ là những người trực tiếp làm công tác giáo dục, đào tạo thế hệ tương lai. Ở nước ta, từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn tôn vinh nghề dạy học và vị trí cao cả của người thầy. Đội ngũ giáo viên đã không quản khó khăn gian khổ, vượt qua mọi thiếu thốn có mặt trên khắp mọi miền đất nước, cống hiến toàn bộ tài năng cho sự nghiệp trồng người, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Trong thời kỳ mới, hoạt động dạy học lấy học sinh làm trung tâm không những không hạ thấp vai trò của giáo viên mà trái lại đòi hỏi người giáo viên phải có trình độ cao hơn nhiều về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp bởi giáo viên là người chủ động tổ chức các hoạt động học tập, định hướng, dẫn dắt, tất cả học sinh đi đúng hướng nhằm đảm bảo phát huy tốt nhất tính chủ động, sáng tạo của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập.

Khi lấy giáo viên làm trung tâm của hoạt động dạy học, phương pháp chủ yếu là thuyết trình giảng giải, thầy nói trò ghi. Giáo viên có sự chuẩn bị bài giảng chuyên môn đơn thuần. Còn khi lấy học sinh làm trung tâm của hoạt động dạy học,

người ta coi trọng việc tổ chức cho học sinh hoạt động độc lập hoặc theo nhóm (đọc hiểu, thảo luận, làm thí nghiệm, quan sát vật mẫu, phân tích bảng số liệu...) thông qua đó học sinh vừa tự lực nắm các tri thức, kĩ năng mới, đồng thời được rèn luyện về phương pháp tự học, được tập dượt phương pháp nghiên cứu. Trong những trường hợp này, người giáo viên giữ vai trò như một nhạc trưởng chỉ đạo dàn giao hưởng là tất cả học sinh trong lớp học.

Trước xu thế hội nhập toàn cầu - thời đại của khoa học- công nghệ hiện đại dần lan tỏa đến các bản làng thì vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, của người giáo viên cần có sự thay đổi cơ bản. Người giáo viên của thế kỷ mới phải được đào tạo ở trình độ cao về học vấn cả về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn và khoa học giáo dục; phải nắm vững phương pháp dạy học theo xu thế dạy học lấy học sinh làm trung tâm; phải được trang bị những tri thức cơ bản về công nghệ thông tin và ứng dụng vào trong quá trình dạy học. Người giáo viên không chỉ thực hiện chức năng dạy học, giáo dục mà còn là một nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà đạo đức, nhà hoạt động xã hội....

Vai trò của người học

Thời đại trước mắt chúng ta, xã hội chúng ta đang hướng đến là một xã hội tri thức. Một xã hội mà tri thức của con người đang được số hóa với một tốc độ lớn và cứ sau khoảng 5 đến 10 năm tốc độ ấy lại gấp đôi. Sự tăng về khối lượng kiến thức, nhất thiết phải kéo theo sự thay đổi về chất tri thức của con người. Sống giữa thời đại như vậy, dạy học không còn là quá trình truyền thụ, chuyển giao kiến thức mà phải là một quá trình tổ chức, định hướng giúp người học từng bước có năng lực tư duy và năng lực hành động nhằm chiếm lĩnh các giá trị tinh thần, các hiểu biết, các kĩ năng, các giá trị văn hóa trên cơ sở đó có khả năng giải quyết được các bài toán thực tế trong toàn bộ cuộc sống của mỗi người học. Đó chính là lí do và cũng là mục đích của quan điểm dạy học “Lấy người học làm trung tâm”.

Trong hoạt động giáo dục, học sinh còn có vai trò tích cực, chủ động tham gia các hoạt động mà giáo viên tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh hoạt động độc lập hoặc theo nhóm. Qua đó học sinh vừa tự lực nắm các tri thức, kĩ năng mới, đồng thời được rèn luyện về phương pháp tự học, được luyện tập và áp dụng phương pháp nghiên cứu mới vào thực tiễn. Với việc chủ

động của người dạy, giáo viên vận dụng vốn hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân và của tập thể để xây dựng bài học. Những dự kiến của giáo viên tập trung chủ yếu vào các hoạt động của học sinh và cách tổ chức các hoạt động đó, cùng với khả năng diễn biến các hoạt động của học sinh, có dự kiến phân hóa theo trình độ và năng lực của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho sự bộc lộ và phát triển tiềm năng của mỗi học sinh. Trong quá trình hoạt động theo yêu cầu của giáo viên, nếu học sinh có khúc mắc hoặc phát sinh những vấn đề liên quan thì chủ động trao đổi trong nhóm, sau đó có thể trao đổi trực tiếp với các nhóm khác hoặc giáo viên đứng lớp để tìm ra phương án giải quyết đúng đắn nhất. Người học cũng có thể đưa ra những ý kiến phản hồi lại cho người học về các vấn đề liên quan đến chuyên môn hoặc những tình huống phát sinh ngoài khả năng xử lý của mình. Trong quá trình thực hành nhóm, người học có thể tự vận dụng hết khả năng sáng tạo của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách tốt nhất. Chính sự năng động sáng tạo, chủ động phá cách trong quá trình hợp tác làm việc của học sinh phản ánh vốn sống, vốn hiểu biết và độ chín của học sinh trong quá trình va chạm và giao lưu đa văn hóa vùng. Giáo viên căn cứ vào mức độ hoàn thành và cách thức làm việc mà có sự đánh giá hoạt động làm việc của học sinh một cách chính xác và công bằng nhất.

Bên cạnh đó, người học còn có vai trò hợp tác cũng như phản ánh chất lượng cũng như hiệu quả dạy học của người dạy. Trong phương pháp dạy học người học là trung tâm, toàn bộ quá trình dạy học đều hướng vào nhu cầu, khả năng, lợi ích của học. Mục đích là phát triển ở học sinh kĩ năng và năng lực độc lập học tập và giải quyết các vấn đề... Vai trò của giáo viên là tạo ra những tình huống để phát triển vấn đề, giúp học sinh nhận biết vấn đề, lập giả thuyết, làm sáng tỏ và thử nghiệm các giả thuyết, rút ra kết luận.

Cuối cùng, việc đánh giá kết quả của học sinh là minh chứng chứng thực cách thức và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên mang lại hiệu quả đến mức nào. Kết quả làm việc của học sinh phụ thuộc vào thái độ, cách thức tổ chức, khả năng hướng dẫn chỉ bảo, phương pháp quản lý điều hành của giáo viên đối với học sinh. Bên cạnh đó, ý thức chủ động tích cực, tinh thần ham học, cầu tiến của học sinh cũng phải được chú ý và khích lệ kịp thời.

Nếu cả người dạy và người học đều cố gắng và hoàn thành tốt yêu cầu và nhiệm vụ bài học đề ra thì hoạt động dạy học đã thành công. Vì thế, với vai trò là đối tác, là đối tượng hợp tác với người dạy, người học cần phải tích cực chủ động, tìm tòi, học hỏi, phát huy khả năng tư duy độc lập cũng như khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân để có sự kết hợp nhóm một cách tốt nhất, mang lại thành công cho hoạt động giáo dục.

Đặt người học vào vị trí trung tâm của hoạt động dạy – học, xem cá nhân người học vừa là chủ thể vừa là mục đích của quá trình đó, phần đầu tiên tới cá thể hóa quá trình học tập với sự trợ giúp của các phương tiện thiết bị hiện đại, để cho tiềm năng của mỗi học sinh được phát triển tối ưu, góp phần có hiệu quả vào việc xây dựng cuộc sống có chất lượng cho cá nhân, gia đình và xã hội, đó chính là cốt lõi tinh thần nhân văn trong dạy học lấy người học làm trung tâm. Dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh phải dần dần có được những phẩm chất và năng lực thích nghi với phương pháp dạy học tích cực như: giác ngộ mục tiêu học tập, tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm, biết tự học và tranh thủ học ở mọi nơi, mọi lúc, bằng mọi cách, phát triển các loại hình tư duy biện chứng, lôgic, hình tượng, tư duy kỹ thuật, tư duy kinh tế,... Từ lĩnh vực dạy học, tư tưởng lấy người học làm trung tâm được mở rộng sang lĩnh vực giáo dục nói chung. Sự giáo dục mà nội dung quá trình học tập và giảng dạy được xác định bởi nhu cầu, mong muốn của người học và người học tham gia tích cực vào việc hình thành và kiểm soát, sự giáo dục này huy động những nguồn lực và kinh nghiệm của người học.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa

1.4.1. Môi trường văn hóa gia đình

Từ xưa đến nay, gia đình là môi trường cơ sở đầu tiên có vị trí quan trọng và ý nghĩa lớn lao đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Gia đình là nơi tạo ra mối quan hệ gắn bó ruột thịt, huyết thống - một sợi dây tình cảm khó có thể chia cắt. Do đó, dù phải trải qua nhiều biến cố trong cuộc sống, con người vẫn luôn hướng về gia đình, quê hương. Mỗi vùng dân cư, mỗi địa phương khác nhau có giai điệu ngôn ngữ khác nhau, phát âm khác nhau và những đứa trẻ ra đời học theo đúng âm giọng mà cha mẹ là những người trực tiếp đầu tiên truyền lại. Cách sống, cách ứng xử, sự giao tiếp, sự chia sẻ... của những thành viên trong gia

đình du nhập vào đứa trẻ để rồi hình thành thói quen, nếp sống, của chính đứa trẻ. Cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên uốn nắn trẻ từ bước đi, dáng đứng, giọng nói, tiếng cười, cách cư xử trong sinh hoạt gia đình, văn hóa cộng đồng. Sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh không nằm ngoài quy luật đó. Vì vậy, gia đình chính là nền tảng đầu tiên cho sự hình thành và phát triển nhân cách của người học. Giáo dục tư tưởng đạo đức là nội dung cực kỳ quan trọng quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Và quan trọng hơn nữa là giáo dục đạo hiếu – cốt lõi của luân lý gia đình, là gốc của đạo làm người. Người có đạo đức không đơn thuần chỉ là ăn ở tốt với bố mẹ, với những người trong gia đình mà còn là sự hiểu biết khi đối nhân xử thế, phải ăn ở tử tế với người xung quanh, biết đồng cảm yêu thương, tôn trọng người khác đây là cội nguồn cho sự hình thành lối sống trong môi trường đa văn hóa.

1.4.2. Môi trường văn hóa học đường

Văn hóa học đường là thuật ngữ được xuất hiện vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX ở các nước phát triển như Anh, Mỹ, Úc..., sau đó lan ra nhiều nước khác trên thế giới. Các nhà nghiên cứu, tùy theo góc độ, mục đích nghiên cứu đã đưa ra khá nhiều khái niệm về văn hóa học đường. Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề dạy học đa văn hóa có cả yếu tố chủ quan của người dạy và người học. Theo tác giả Stoll (2002)¹ văn hóa trường học được tạo thành và đồng thời chịu ảnh hưởng bởi chủ thể, bối cảnh trong và ngoài trường và quá trình lịch sử nhà trường. Nhà nghiên cứu Phạm Quang Huân (2011) cho rằng nhà trường là một tổ chức hành chính – sư phạm và văn hoá tổ chức của một nhà trường là hệ thống niềm tin, giá trị, chuẩn mực, thói quen và truyền thống hình thành trong quá trình phát triển của nhà trường, được các thành viên trong nhà trường thừa nhận, làm theo và được thể hiện trong các hình thái vật chất và tinh thần, từ đó tạo nên bản sắc riêng cho mỗi tổ chức sư phạm. Văn hóa học đường bao gồm cả những yếu tố vật chất cụ thể, dễ thấy (logo, khẩu hiệu, biểu tượng, trang trí không gian,...) và những yếu tố tinh thần tiềm ẩn như các mối quan hệ, tương tác, quy tắc, phong cách ứng xử, niềm tin, quan điểm, triết lý giáo dục,...được liên kết một cách hệ thống mà cộng đồng nhà trường cùng

¹ Nguyễn Duy Mộng Hà (2016), Giáo dục đa văn hóa trong nhà trường đại học Việt Nam thời đại tòa cầu hóa, Nxb Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh

chia sẻ. Nội dung của văn hóa học đường rất phong phú, song có thể tóm tắt thành ba vấn đề cơ bản:

Thứ nhất là cơ sở vật chất, nhà trường phải có cảnh quan, không gian sư phạm mới có được môi trường văn hóa. Môi trường văn hóa nhà trường thể hiện ở mọi mặt, bao gồm từ cơ sở vật chất, cổng trường, phòng học, phòng làm việc, nhà thí nghiệm, sân thể thao, thư viện, cảnh quan cây xanh, nơi giải trí, sinh hoạt, hội họp, học tập, bảng tên trường,...đến nền nếp, chuẩn mực, lễ nghi, niềm tin, giá trị, hành vi ứng xử của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục đào tạo trong nhà trường, là lối sống văn minh trong trường học. Nói chung, môi trường văn hóa nhà trường lành mạnh sẽ giảm bớt được nguy cơ xung đột và tăng tính ổn định của công tác dạy và học trong nhà trường.

Thứ hai, nếu vấn đề thứ nhất yêu cầu trường phải ra trường, lớp ra lớp thì yêu cầu thứ hai thầy phải ra thầy, trò phải ra trò. Hội đồng sư phạm nhà trường phải xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, học sinh tích cực. Ở đó mối quan hệ thầy – trò vừa đúng đạo lý, đáng kính và đáng trân trọng nhưng cũng rất thân thiện, hòa đồng.

Thứ ba, trong bất cứ nền văn hóa nào thì cũng phải tạo ra môi trường văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp trong nhà trường, làm cho học sinh ngoan ngoãn, lễ phép, kính trên, nhường dưới, hòa đồng... Những chi tiết rất nhỏ trong ứng xử học đường nhưng lại làm nên sức mạnh của văn hóa nhà trường và ý nghĩa hơn là cốt cách con người được rèn cặp để trưởng thành. Từ chi tiết nhỏ nhưng lại là tư tưởng giáo dục lớn.

Đối với việc dạy học trong môi trường đa văn hóa, văn hóa học đường càng trở nên cần chú trọng hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, nó là một trong những yếu tố quyết định sự khởi đầu, phát triển và nhân rộng hình ảnh tích cực của phương thức dạy học đa văn hóa đặc thù “cây lớn một ôm bắt đầu từ cái mầm nhỏ, đài cao chín tầng bắt đầu từ một sọt đất, đi xa ngàn dặm bắt đầu từ một bước chân” (Lão Tử). Từ một cá nhân ngỡ ngàng trước cánh rừng, các học trò bước vào môi trường giáo dục đa văn hóa để lớn lên trong suy nghĩ, trưởng thành và bản lĩnh hơn sẵn sàng hòa đồng trong bức tranh văn hóa như bức thỏ cẩm đa sắc màu và cũng sẵn sàng trở thành một màu nổi bật trong bức thỏ cẩm ấy.

Môi trường văn hóa học đường thân thiện đó cũng là cơ sở để xây dựng một không gian trường học đa văn hóa. Sự hòa đồng của tất cả học sinh sẽ giúp các em dám thể hiện cá tính, sự sáng tạo của mình và mang những nét đẹp tiêu biểu truyền thống của dân tộc giới thiệu với bạn bè và cộng đồng xã hội. Hầu hết các trường dân tộc nội trú đều khuyến khích học sinh các dân tộc thiểu số mặc đồng phục của dân tộc vào ngày chào cờ đầu tuần hoặc tham gia mít tinh các ngày lễ lớn trong năm. Điều này cho thấy, với một môi trường dạy học thân thiện, việc tạo dựng không gian trường học đa văn hóa không phải là điều khó thực hiện. Nhà trường chỉ đạo, giáo viên hướng dẫn và khuyến khích học sinh trang trí không gian lớp học, trường học, không gian văn hóa vui chơi ... thành không gian mang màu sắc đa dân tộc ngay trong chính khuôn viên trường học. Thậm chí, việc trồng hoa cây cảnh, thiết kế các họa tiết trang trí trên cửa sổ, lối đi ... cũng có thể bộc lộ đặc trưng văn hóa các dân tộc ít người. Trên cơ sở một môi trường hòa đồng, thân thiện, chính các học sinh sẽ có các cuộc cạnh tranh lành mạnh khi tham gia thiết kế các mô hình mang màu sắc tộc người khi được tính vào các hoạt động thi đua thường niên của nhà trường.

1.4.3. Môi trường văn hóa cộng đồng địa phương

Như trên đã nói, giáo dục đa văn hóa nhằm mục tiêu giúp người học thích nghi với môi trường đa văn hóa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, hợp tác hiệu quả với những người đến từ các nhóm văn hóa khác nhau, góp phần xây dựng hòa bình ổn định và cùng nhau phát triển. Mô hình giáo dục này nhấn mạnh các quan hệ con người với con người trong mọi tình huống, cải cách toàn diện bối cảnh văn hóa của trường học, nhằm tăng hiểu biết đa văn hóa và phát huy ảnh hưởng rộng, tăng cường sự dung hòa văn hóa, giảm thiểu khoảng cách. Giáo dục đa văn hóa cũng đòi hỏi thái độ ứng xử hòa nhập với các nhóm cộng đồng khác trong khu vực theo những giá trị tiến bộ chung mà vẫn biết giữ gìn và phát huy bản sắc, những giá trị truyền thống tốt đẹp của tộc người, thể hiện bản lĩnh văn hóa, tối ưu hóa việc học hỏi để thành công trong thời đại toàn cầu hóa, đồng thời đóng góp vào nền văn hóa chung của dân tộc.

Để tạo dựng được một mô hình trường học đa văn hóa là điều không hề dễ dàng nếu như không có nền tảng từ nền văn hóa đa sắc tộc của vùng miền. Như vậy

có thể nói, văn hóa vùng miền của cộng đồng địa phương các dân tộc thiểu số sinh sống có tác động rất lớn đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa. Sự tác động này được thể hiện rất cụ thể từ việc tạo nền tảng cơ sở, tạo động lực phát triển đến lưu giữ và bảo tồn bản sắc đa văn hóa của các dân tộc thiểu số ở cộng đồng địa bàn trường học đa văn hóa.

Trước hết, môi trường văn hóa cộng đồng địa phương là nền tảng cơ sở khởi đầu cho dạy học đa văn hóa. Việc dạy học trong môi trường đa văn hóa phụ thuộc chặt chẽ vào độ phong phú của di sản văn hóa vùng miền địa phương nơi sẽ diễn ra mô hình giáo dục này. Điều đó có nghĩa, nếu chúng ta tổ chức dạy học đa văn hóa trong cộng đồng dân cư địa phương có nền văn hóa thuần nhất hoặc chỉ có sự hiện diện nền văn hóa của một tộc người thì việc dạy học đa văn hóa là không khả thi và gặp nhiều khó khăn. Bởi, dạy học đa văn hóa là hình thức dạy học giúp học sinh nói chung, học sinh các dân tộc thiểu số nói riêng tiếp xúc với nhiều nền văn hóa trong nền văn hóa cộng đồng dân cư bản địa. Vì thế, trong cộng đồng dân cư càng có nhiều dân tộc thiểu số chung sống kề cận, gắn kết với nhau thì công cuộc dạy học đa văn hóa được thực hiện một cách thuận lợi hơn rất nhiều vì bản thân địa phương đã và đang tồn tại sự đa văn hóa. Dựa trên kinh nghiệm phát triển lâu đời của một tộc người, nhân dân địa phương sẽ giúp việc tạo dựng, phục dựng, biểu diễn, tổ chức các hoạt động văn hóa tộc người một cách bài bản. Từ đó, cả người dạy lẫn người học đều được biết những di sản văn hóa một cách chân thực, sinh động thậm chí là nguyên gốc. Một vùng miền có nhiều dân tộc khác nhau thì sự đa dạng về văn hóa càng phong phú. Việc dạy học đa văn hóa đặt lên vai người giáo viên. Họ có trách nhiệm trao truyền định hướng kế thừa, phát huy văn hóa đa dân tộc tới học sinh. Người giáo viên sẽ giúp các em hiểu được các giá trị to lớn của văn hóa tộc người để từ đó giúp các em hình thành thói quen và thái độ trân quý những giá trị văn hóa của chính dân tộc mình, của đất nước mình.

Bên cạnh đó, nếu cộng đồng văn hóa dân cư có trình độ nhận thức cao, đồng đều thì việc thiết lập mô hình giáo dục đa văn hóa càng thuận lợi hơn. Bởi lẽ, trường học là nơi diễn ra hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh. Những học sinh được sinh ra và lớn lên trong môi trường văn hóa tốt sẽ có sự phát triển tốt hơn về mọi mặt so với học sinh ở môi trường văn hóa dân cư thấp hơn. Do

đó, công việc giảng dạy của người giáo viên đa văn hóa cũng phần nào được xuôi chèo mát mái và sự tiếp thu văn hóa của học sinh cũng nhanh hơn, rộng hơn và sâu hơn. Một cộng đồng dân cư có vốn văn hóa đồng đều và ổn định điều đó sẽ mang lại sự bình ổn, sự tôn trọng lẫn nhau giữa con người với con người. Đây cũng là một điều kiện định hướng cho hoạt động giáo dục đa văn hóa tiến sâu hơn vào đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số để tồn tại.

Cộng đồng địa phương cũng là trung tâm hiện thực hóa sự giao thoa đa văn hóa. Có thể nói, cộng đồng văn hóa địa phương là nơi cung cấp chất liệu để tạo nền cho môi trường giáo dục đa văn hóa nhưng đồng thời cũng là mảnh đất thể hiện sự thành công của mô hình giáo dục này. Nền tảng tương lai của các cộng đồng người nói chung và cộng đồng các dân tộc thiểu số nói riêng chính là lớp người trẻ tuổi kế tiếp trong đó có học sinh. Hai môi trường khác nhau nhưng cùng có một mắt xích chung đó là học sinh. Chính mắt xích này lại là yếu tố tạo nên sự tuần hoàn từ văn hóa cộng đồng đơn lẻ tới sự hòa trộn đa văn hóa các dân tộc và đến đích là nền văn hóa đa dân tộc. Một cộng đồng gồm nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với đặc điểm văn hóa riêng lẻ nếu được kết hợp với nhau sẽ có sự chuyển biến nhất định. Khi học sinh đã tiếp thu được những kiến thức và kỹ năng cần thiết thì chính các em sẽ là những người đầu tiên muốn được trải nghiệm thực tế về điều mà mình đã được học tại nơi xuất phát điểm của nền văn hóa đó. Như vậy, trong quá trình đi thực tế đã có sự giao thoa văn hóa của những con người được học tập trên sách vở với những người dân bản địa. Cũng trong hoạt động này một sự củng cố văn hóa không chủ định sẽ được thực hiện bởi những người sáng tạo và lưu giữ nó với những người tìm tòi học hỏi qua các hoạt động kết hợp trải nghiệm. Sau quá trình đi thực tế, học sinh tự thấy những vấn đề cần thiết cần phải lưu giữ để mang về gia đình, cộng đồng địa phương mình mà sử dụng. Chính các học sinh là đối tượng đầu tiên tiến hành hiện thực hóa sự đa dạng đa văn hóa của các dân tộc ít người ngay chính giữa cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi phần lớn thời gian các em sinh sống ở đó. Nếu trong quá trình giảng dạy kết hợp với thực tế điền dã, người giáo viên đa văn hóa thực hiện tốt vai trò, chức năng của một nhà sư phạm với nền tảng kiến thức văn hóa thực sâu rộng, với sự truyền đạt lời cuốn mà chân thực thì sẽ tạo động lực lớn cho tất cả những người học trong việc hiện thực hóa các nét văn hóa mới tại địa phương nơi

các em sinh sống. Điều đó có nghĩa, các em chính là “đại sứ” truyền tải nội dung đa văn hóa vô điều kiện tới cộng đồng dân sinh thân thích, góp phần tạo nên nền tảng mới cho văn hóa các dân tộc thiểu số.

Tiểu kết: Trên cơ sở phân tích lý thuyết của giáo dục đa văn hóa, các yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa chúng ta nhận thức rất rõ vấn đề: con người là nhân tố quan trọng của văn hóa, người đặt nền móng cho giáo dục đa văn hóa. Bản chất của giáo dục đa văn hóa phải tạo ra sự khách quan công bằng, không định kiến đối với cá nhân trong cộng đồng học tập. Nhân tố quyết định sự thành công của giáo dục trong môi trường đa văn hóa chính là năng lực người giáo viên. Họ vừa là một nhà giáo dục, một người bạn và một đồng minh văn hóa đối với người học.

Như vậy, mỗi thế hệ và mỗi con người trên hành trình cuộc sống của mình đã trở thành người trao truyền chuyển giao các giá trị văn hoá. Con người vừa là sản phẩm của lịch sử văn hoá, vừa là chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn hoá của thời đại. Giáo dục đa văn hóa là tạo ra những chủ nhân văn hóa của một khu vực với những giá trị tích cực. Nếu giáo dục trong môi trường đa văn hóa phát triển sẽ tạo ra những con người có khao khát chiếm đỉnh cao tri thức - con người văn hóa trí tuệ; con người có những sáng tạo nghệ thuật - con người văn hóa nghệ sĩ; con người dám khẳng định bản thân đó là con người văn hóa - bản ngã.

Như vậy, văn hoá là những giá trị đã ổn định và những giá trị đang hình thành, đó chính là chức năng chuyển giao giá trị văn hoá. Với ý nghĩa tích cực đó, môi trường giáo dục đa văn hoá trở thành một *động lực* và một *nguồn năng lượng vô tận* giúp cho con người sống có ích và không ngừng phát triển, hoàn thiện.

Chương 2

THỰC TRẠNG DẠY HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA Ở VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC (nghiên cứu điển hình tại: Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn)

2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Nhằm mục đích mô tả thực trạng dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay.

Vai trò của giáo viên trong giáo dục tại trường dân tộc nội trú miền núi phía Bắc.

Những khó khăn mà đội ngũ giáo viên gặp phải trong quá trình dạy và học trong môi trường đa văn hóa và đâu là yếu tố quan trọng nhất.

Các phương pháp thực hiện nhằm giảm thiểu những khó khăn của giáo viên và học sinh tại môi trường giáo dục đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

Đội ngũ cán bộ giáo viên đang công tác tại các trường phổ thông trên địa bàn 3 tỉnh: Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn chủ yếu là cán bộ giáo viên các trường tiểu học và THCS. Đây là những địa bàn có nhiều dân tộc thiểu số. Giáo dục ở những khu vực này có những yếu tố tương đối điển hình cho môi trường giáo dục đa văn hóa vùng miền, nơi có nhiều các dân tộc thiểu số sống đan xen.

2.1.3. Phương pháp khảo sát

Sử dụng phương pháp nghiên cứu xã hội học: Điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Xây dựng bộ công cụ phục vụ việc thu thập thông tin. Bằng các câu hỏi dễ hiểu và đi sâu vào mục đích của nghiên cứu gắn với thực tế tại địa bàn nghiên cứu.

Đợt 1: Từ ngày 15/09 /2015 đến ngày 22 /09/2015: Nhóm nghiên cứu đến địa bàn và làm quen với thực địa, liên hệ với Trường dân tộc bán trú Hòa An tỉnh Cao Bằng để thu thập các số liệu, báo cáo về giáo dục để có bức tranh chung về thực trạng tổng thể. Dựa trên những số liệu và các thông tin ghi chép được trong quá trình tham khảo tài liệu, nhóm nghiên cứu tiến hành phát bảng hỏi xã hội học. Nhóm xử lý sơ cấp các số liệu và thông tin ban đầu để chuẩn bị cho đợt điền dã tại các tỉnh tiếp theo.

Đợt 2: Tháng 10/2015: Qua các số liệu và những hiểu biết trong đợt điền dã đầu tiên, nhóm tiến hành điều tra, phát bảng hỏi và phỏng vấn tại Tuyên Quang và Lạng Sơn. Sau đó tổng hợp lại tất cả các thông tin mà qua quá trình nghiên cứu đã thu thập được để viết bản thảo sơ cấp.

Số lượng mẫu khảo sát: 150 mẫu. Trong đó, tại Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn tiến hành phỏng vấn 50 mẫu đối với giáo viên giảng dạy và cán bộ quản lý tại các trường.

+ Tại Cao Bằng: Khảo sát tại trường dân tộc bán trú Hòa An: 50 mẫu

+ Tại Lạng Sơn: Khảo sát tại trường Tiểu học và THCS Đồng Mô: 50 mẫu

+ Tại Tuyên Quang: Khảo sát tại trường Tiểu học Năng Khả, Na Hang: 50 mẫu.

2.2. Khái quát về vấn đề dạy học ở môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc

Theo quan điểm xã hội hoá trong lý thuyết xã hội học thì có nhiều môi trường tác động đến việc hình thành nhân cách, nhận thức và hành vi của một con người. Về cơ bản, xã hội hoá biến con người từ một cá thể sinh vật trở thành một con người xã hội. Trong xã hội hoá, gia đình là môi trường đầu tiên cũng là quan trọng nhất, xuyên suốt cuộc đời mỗi con người. Khi đến tuổi đi học, nhà trường là môi trường thứ hai - nơi trẻ em bắt đầu được tiếp xúc với tính đa dạng xã hội, tương tác với những thành viên không phải trong tập thể gia đình mình, được dạy dỗ nhiều điều khác với nền tảng trong gia đình. Trong khi gia đình thường giáo dục các em các khía cạnh sinh hoạt thường ngày và giáo dục đạo đức thì trường học giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao kiến thức như: ngôn ngữ, kiến thức cơ bản các môn học tự nhiên và xã hội, định hình tư tưởng cộng đồng, xã hội... Đặc biệt đối với khu vực miền núi vùng dân tộc thiểu số, nhà trường cung cấp cho trẻ em những kiến thức và kỹ năng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp mà có những thứ không phải các thành viên lớn tuổi trong gia đình của các em đã được hấp thụ.

Ngoài ra, sự đa văn hoá trong môi trường giáo dục trường học tại vùng núi phía Bắc cũng ảnh hưởng đến quá trình giáo dục, hình thành nhân cách của mỗi em học sinh khu vực này. Đây là nơi có rất nhiều các dân tộc khác nhau sinh sống như Tày, Nùng, Thái, Dao, Sán diu, H'Mông, Kinh... tạo nên sự pha trộn, hình thành những

truyền thống văn hóa khác nhau, góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa giữa các dân tộc trong khu vực. Chẳng hạn như sự khác nhau trong các đặc trưng văn hóa về cách thức hoạt động sản xuất; về ăn, mặc, ở, đi lại; về cách tổ chức xã hội cổ truyền và giao tiếp cộng đồng; về tín ngưỡng, phong tục và lễ hội; về các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật; về vui chơi giải trí; về các sắc thái tâm lý của cư dân,... từ đó dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc giảng dạy các em học sinh.

Tuy nhiên, việc dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc đã và đang là một trong những nội dung trọng tâm được Đảng và nhà nước quan tâm.

Về chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ làm việc tại các trường học đặc biệt là đối với hệ thống giáo dục khu vực miền núi. Điển hình như Nghị định 19/2013/NĐ - CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2006/NĐ - CP¹ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được Chính phủ ban hành. Nghị định quy định, nếu nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có gia đình chuyển đi theo thì được trợ cấp chuyển vùng bằng 12 tháng lương tối thiểu chung cho một hộ tại thời điểm nhận công tác, luân chuyển (thay cho mức trợ cấp là 6,5 triệu đồng như quy định hiện hành). Khi hết thời hạn công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà chưa được thực hiện việc luân chuyển công tác trở về nơi ở, giáo viên vẫn tiếp tục được hưởng phụ cấp thu hút bằng 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Ngoài các chế độ về tiền lương và phụ cấp như trên, cần phải có các chính sách khác như: ưu đãi và quy định hợp lý tuổi nghỉ hưu, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ cho giáo viên. Đồng thời, chương trình giảng dạy cũng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện địa hình, văn hóa của từng vùng, không thể dập khuôn y nguyên chương trình giảng dạy của miền xuôi để mang lên miền ngược. Để thực hiện các chính sách trên phải có sự quan tâm của các cấp ngành theo phương châm “xã hội học tập”.

Chính vì sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thông qua những chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ giáo viên và các em học sinh nên thực trạng giáo dục trong môi trường

¹ <https://thuvienphapluat.vn>

đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc cũng đã có những thay đổi tích cực. Cơ sở vật chất tại các trường học ngày càng được cải thiện hơn, các trường học tạm bợ được thay bằng những ngôi nhà kiên cố hơn, nâng số lượng người dạy, người học ở tất cả các địa phương với các cấp học, bậc học khác nhau.

Tôi đã dạy ở đây khoảng 3 năm rồi, phải di chuyển cả chục cây số để đến các điểm dạy học, nhiều khi đường mưa lầy lội, vừa dốc vừa trơn rất nguy hiểm. Do ở đây rất khó khăn về kinh tế và phần vì nhận thức nên cha mẹ các em không muốn con mình đi học, đã có rất nhiều lần tới từng nhà dân để vận động cho các em đi học và vận động tâm lòng hảo tâm từ khắp nơi để mong muốn hỗ trợ cuộc sống của các em nhỏ vùng cao thêm phần bớt khó khăn. Nhiều khi chúng tôi chỉ muốn về xuôi nhưng vì các em học sinh nên phải cố gắng bám trường bám lớp. Chúng tôi mong sao cho được Nhà nước quan tâm hỗ trợ nhiều hơn cho đỡ vất vả cho cả các em và chúng tôi như làm lại trường học tạm bợ này...

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 27 tuổi, Trường THCS Đồng Mỏ, Lạng Sơn)

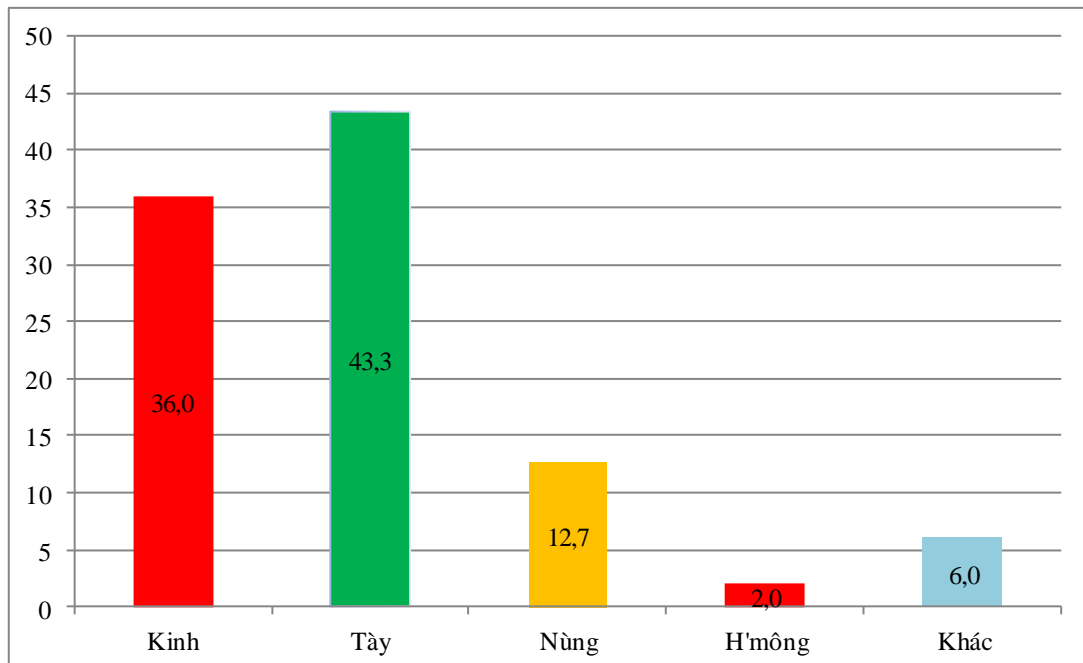
Khu vực sinh sống của giáo viên là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy học trong môi trường đa văn hoá tại nhà trường vùng núi phía Bắc. Việc đưa đội ngũ giáo viên từ miền xuôi lên miền núi là một chính sách đã và đang được nhà nước ta thi hành, tuy nhiên số giáo viên vùng núi vẫn còn thiếu về về số lượng và chưa đồng đều về chất lượng. Chính vì vậy việc đào tạo giáo viên ở miền núi cần linh hoạt và đa dạng: có hệ chuẩn, có hệ chính quy, có hệ cấp tốc (thậm chí khi quá thiếu còn có hệ dưới chuẩn). Để đảm bảo yêu cầu đào tạo chung và các yêu cầu có tính đặc thù ở vùng dân tộc, cần thiết người giáo viên phải trang bị về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc để giảng dạy và thâm nhập vào cộng đồng nơi giáo viên sẽ công tác.

Theo báo cáo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tỷ lệ giáo viên là người dân tộc và giáo viên đạt chuẩn còn thấp, tình trạng thiếu giáo viên kéo dài: giáo viên tiểu học thiếu khoảng 16.000, tỷ lệ giáo viên trung học cơ sở (THCS) là 1,4/lớp (quy định chung là 1,85/lớp), tỷ lệ giáo viên trung học phổ thông (THPT) là

1,6/lớp (quy định chung là 2,1/lớp). Để dạy học được trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ như vậy, người giáo viên phải là người có khả năng nắm bắt được tâm tư tình cảm của học sinh, hiểu ngôn ngữ văn hóa dân tộc, tuy nhiên hiện nay theo báo cáo thống kê số lượng giáo viên biết tiếng dân tộc, hiểu được tâm sinh lý, phong tục tập quán của học sinh các dân tộc thiểu số là không nhiều.

Như vậy, vấn đề cần quan tâm là tỷ lệ giáo viên là người dân tộc thiểu số vẫn thấp gây khó khăn cho việc triển khai dạy tiếng dân tộc. Mục tiêu xây dựng đội ngũ giáo viên là người địa phương để giảng dạy tại địa bàn chưa nhiều.

Đơn vị: %



Biểu đồ 2. Đặc điểm nhân khẩu học của giáo viên

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Để dạy học được trong môi trường đa văn hóa bản thân giáo viên phải là những người có những kỹ năng truyền đạt kiến thức, tư tưởng cũng như hỗ trợ được học sinh. Trước hết đó là về ngôn ngữ, mỗi dân tộc có một tiếng nói khác nhau để có thể dạy tốt giáo viên cần có chung ngôn ngữ với học sinh hoặc cần học thêm ngôn ngữ ngoài tiếng Việt phổ thông. Kết quả nghiên cứu trên 150 giáo viên thuộc 6 trường trên địa bàn 3 tỉnh: Cao Bằng; Tuyên Quang và Lạng Sơn thu được kết quả tỷ lệ giáo viên là người Tày chiếm 43,3%; Kinh 6,0%; Nùng là 12,7%; 2,0% là H'mông và còn lại 6,0% là dân tộc khác.

....Một trong những khó khăn của chúng tôi ở đây là sự khác nhau về ngôn ngữ. Sau khi học xong ở Hà Nội đã quyết định lên Cao Bằng dạy học, các em trong lớp là người Tày và nói tiếng Tày mà mình lại là người Kinh. Khác nhau về văn hóa, ngôn ngữ khiến tôi rất khó khăn. Nhưng rồi nhờ mấy anh cán bộ trong bản trợ giúp thì cũng đỡ hơn...

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 33 tuổi, Trường Tiểu học Đồng Mỏ, Lạng Sơn)

Giáo viên là người dân tộc sẽ có những thuận lợi trong quá trình truyền đạt lại kiến thức cho học sinh. Ngôn ngữ và phong tục tập quán là hai yếu tố thuộc phạm trù văn hóa có ý nghĩa quan trọng tác động đến hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa - và đây cũng là một trong những đặc trưng cơ bản của môi trường giáo dục đa văn hóa.



Hình 3. Hình ảnh giáo viên dạy các em học sinh vùng cao

Hiện nay, Đảng và Nhà nước có các chính sách được ban hành liên quan đến thu hút cũng như tăng cường bổ sung lực lượng giáo viên từ đồng bằng, trung du lên vùng miền núi giảng dạy và đảm bảo một số chính sách đối với giáo viên. Đây được coi là một trong những điểm nhấn quan trọng góp phần đảm bảo cuộc sống cho giáo viên công tác tại vùng cao.

Như vậy, bên cạnh những thành tích đạt được, việc dạy và học trong môi trường đa văn hóa của vùng dân tộc miền núi phía Bắc còn rất nhiều vấn đề đáng quan tâm. Vì thế, việc quan tâm, chỉ đạo của các cán bộ quản lý, thực trạng về nhận thức của giáo viên về việc dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa là rất quan trọng, vấn đề ngôn ngữ và văn hóa của giáo viên có đủ khả năng để đáp ứng những

yêu cầu của việc dạy học trong môi trường này; chương trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo; các vấn đề về cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học trong môi trường đa văn hóa.

Ngoài ra, trong môi trường giáo dục đa văn hóa, còn xuất hiện những lớp học ngoài giáo trình, đó là những lớp ghép, lớp “nhô”. Nhóm nghiên cứu quan tâm đến mô hình lớp “nhô”, “lớp cắm bản” từ những chia sẻ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại tỉnh Lạng Sơn. Thông tin về mô hình lớp “nhô” được nhóm nghiên cứu thu thập thêm từ nguồn tư liệu, báo cáo của phòng giáo dục huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Trước tiên, cần hiểu định nghĩa về mô hình lớp “nhô”: Đây là những lớp học được hình thành do những điều kiện hoàn cảnh cụ thể: là những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, địa hình đi lại tới trường học của học sinh vất vả, có những học sinh phải đi cả 10 km mới tới được trường, đi bộ mất 2 – 3 tiếng thậm chí cả nửa ngày đường.... tỷ lệ học sinh tới trường thấp, tỷ lệ bỏ học cao.... Hơn nữa, số lượng học sinh quá thấp cũng không đủ điều kiện để mở lớp học cũng như đảm bảo việc giáo viên đi dạy.... Do đó, mô hình lớp “nhô” hay “lớp cắm bản” được thành lập. Và một trong những tình triển khai mô hình lớp “nhô” đạt hiệu quả là trường Trường THCS Hữu Kiên nằm trên địa bàn xã Hữu Kiên, xã đặc biệt khó khăn của huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Với địa hình đồi dốc cao, người dân chủ yếu làm nông nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 51%, dân cư thưa thớt giao thông đi lại khó khăn nên ảnh hưởng không ít đến việc dạy và học. Tỷ lệ học sinh đến trường thấp, hơn nữa với điều kiện đi lại khó khăn xa trường học nên số lượng học sinh đến trường lại càng thấp hơn. Chính vì vậy, mô hình lớp “nhô” đã được đội ngũ quản lý, giáo viên huyện Chi Lăng triển khai trên địa bàn. Và sau quá trình triển khai đã thu được những kết quả đáng khích lệ: Từ một lớp “nhô” tiểu học với 52 học sinh và 2 thầy giáo cắm bản, mở lớp trên khu đất hoang năm 1998 giờ đã trở thành ngôi trường 2 tầng kiên cố khang trang cùng với đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, hết mình với công tác trồng người. Trường được công nhận phổ cập THCS năm 2006. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2009-2010 đạt 100%, tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS là 222/309 đạt 71,84%. Trong năm học 2010-2011, nhà trường đã tổ chức các đợt hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, sáng tạo đồ

dùng thiết bị dạy học, tổ chức các buổi học phụ đạo cho học sinh yếu kém, ôn luyện học sinh giỏi ở 2 khối lớp 8 và 9 được 90 tiết, tổ chức 4 lớp phụ đạo học sinh yếu kém được 234 tiết..... Đặc biệt đến năm 2012, sau 2 năm chuyển đổi loại hình từ “bán trú dân nuôi” sang trường PTDT bán trú là chất lượng giáo dục toàn diện của trường đã được nâng lên. Học sinh đã bạo dạn hơn, gặp thầy cô, người lớn đã biết chào hỏi lễ phép. Thầy hiệu trưởng cho biết, ngoài việc học tăng thời lượng, quản lý tốt giờ tự học để nâng cao chất lượng văn hóa, nhà trường chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, nhất là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự bảo vệ.... **Như vậy, trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn người giáo viên luôn phải nỗ lực rất nhiều. Và sự tận tâm, trách nhiệm của những thầy cô giáo ở vùng dân tộc thiểu số sẽ góp phần làm nên những điểm sáng văn hóa.**

Có thể thấy rằng với những địa bàn vùng núi có điều kiện khó khăn mô hình lớp học “nhô” hay mô hình lớp học bán trú là vô cùng cần thiết và hiệu quả. Tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số có cơ hội đi học, tiếp cận với tri thức hơn. Và đặc biệt, đây cũng chính là mong muốn của nhiều giáo viên dạy học tại các vùng DTTT.

2.3. Thực trạng nhận thức về vấn đề dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đa văn hóa, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm, đặc biệt trong môi trường đa văn hoá tại khu vực miền núi có nhiều dân tộc khác nhau cùng sinh sống. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra một số giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng dạy học và nâng cao dân trí ở các vùng đặc biệt khó khăn này. Nhiều dự án giảm nghèo hỗ trợ cho giáo dục nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cơ bản cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Mục tiêu của những dự án này là bảo đảm đưa dịch vụ giáo dục tới với người nghèo và đồng bào DTTS ở vùng sâu, vùng xa thông qua cung cấp nguồn lực và ban hành các chính sách về giáo dục để tăng cường cơ hội học tập như hỗ trợ học phí, hỗ trợ tiền đi lại, hỗ trợ xây dựng các trường học, phòng nội trú tại trường học với mục tiêu là mỗi xã và mỗi huyện một trường học. Bên cạnh các hỗ trợ trực tiếp từ dự án giáo dục, các hợp phần khác của

các dự án này cũng thường có những tác động gián tiếp đến những thành quả giáo dục thông qua việc nâng cao đời sống hộ gia đình ở các vùng có chính sách. Cụ thể:

Thứ nhất, các cấp lãnh đạo cần quan tâm đến những chính sách ưu tiên mở trường, lớp nhà trẻ, mẫu giáo quốc lập vùng gặp nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện việc đào tạo cử tuyển giáo viên Mầm non, Tiểu học là người dân tộc thiểu số được hưởng lương trong biên chế để về phục vụ ở các bản làng xa xôi hẻo lánh, các vùng thuộc diện chính sách.

Thứ hai, xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp II ở các huyện và trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh để đào tạo con em dân tộc thiểu số trở thành đội ngũ cán bộ cho địa phương.

Thứ ba, ưu tiên phân công giáo viên có trình độ, năng lực chuyên môn cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách để họ yên tâm công tác.

Thứ tư, ưu tiên các nguồn vốn tài trợ, các dự án, các chương trình mục tiêu để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục vùng sâu, vùng xa. Tiến hành xây dựng các nhà bán trú dân nuôi ở các cụm xã có sự hỗ trợ kinh phí của địa phương để thu hút ngày càng đông học sinh dân tộc thiểu số học lên bậc Trung học cơ sở.

Vì vậy, trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống giáo dục đã và đang được đầu tư và quan tâm. Cơ sở vật chất cùng với đội ngũ giáo viên cũng được tăng lên. Các cơ chế, chính sách cũng ngày càng được đầu tư, quan tâm hơn nhằm nâng cao, chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo đặc biệt là đối với hệ thống giáo dục của các tỉnh miền núi – nơi mà môi trường giáo dục đa văn hóa, chứa đựng nhiều giá trị tinh thần khác nhau.

Qua khảo sát thực tế tại trường tiểu học Năng Khả (huyện Na hang, tỉnh Tuyên Quang). Đây là trường chuẩn quốc gia duy nhất của huyện được xếp vào trong những huyện nghèo nhất của cả nước. Công tác dạy và học ở rẻo đất vùng cao ấy quá gian nan vất vả, khi đi đến trường cách xa nhất trên 30km đường đồi núi. Trong đó hầu hết các thầy cô giáo đều là người dân tộc còn học sinh thì 100% đều là các em người Dao, người Tày, người Mông với số hộ nghèo chiếm tới gần 80%.

Gần như tất cả học sinh đến tuổi tới trường giáo viên đều vận động, giúp đỡ

hướng dẫn phụ huynh đưa trẻ đến trường. Nhiều khi phụ huynh không đưa được, chính các thầy cô giáo đến tận nhà đưa các em đi. Ngày trước cơ sở vật chất thiếu thốn, thầy trò dạy – học trong những lớp học xiêu vẹo, địa bàn xa xôi, mưa gió đi lại cực kỳ khó khăn, các em học sinh không đủ sách giáo khoa để học... Tuy nhiên, được sự quan tâm từ UBND huyện Na Hang, cơ sở vật chất của trường ngày càng được nâng cao hơn, đời sống của giáo viên cũng được cải thiện ít nhiều.

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nam, 52 tuổi, Trường tiểu học Năng Khả, Tuyên Quang)

Với sự quan tâm đặc biệt, hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo có những văn bản, chính sách cụ thể nhằm triển khai và đảm bảo mục tiêu của hoạt động đào tạo và giáo dục. Trong đó, nội dung văn bản chỉ đạo việc thực hiện và triển khai các quyết định cụ thể đã đưa ra từ trước, tiếp đó thực hiện những nhiệm vụ mới trong giai đoạn hiện tại. Thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số miền núi. Đây là một trong những nhóm đối tượng có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, hơn thế nữa, môi trường sống cũng như môi trường giáo dục còn có những bất cập, đặc biệt là trong môi trường giáo dục đa văn hóa, những vấn đề dạy học lại càng khó khăn hơn. Một số chính sách và chương trình cụ thể:

- Chính sách ưu đãi đối với cán bộ quản lý và nhà giáo công tác ở vùng dân tộc theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ;

- Chính sách ưu đãi đối với học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện theo Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị giáo dục với chương trình kiên cố hoá trường, lớp học. Thực hiện theo Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn I từ năm 2002 đến 2005 và giai đoạn II từ năm 2008 đến 2012).

- Ngoài ra còn có các chương trình, dự án khác như: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong các hạng mục của chương trình có hạng mục xây dựng kiên cố hoá trường học;

- Chương trình mục tiêu Quốc gia giáo dục và đào tạo (Dự án Hỗ trợ giáo

dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn);

- Dự án giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

- Dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở;

- Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông. Trang thiết bị giáo dục cũng được ưu tiên đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, như thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập (máy vi tính, dụng cụ thí nghiệm, sách tham khảo...), cấp sách giáo khoa, hỗ trợ học phẩm tối thiểu cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở vùng dân tộc thiểu số.

...chúng ta phải luôn luôn chú trọng tới giáo dục, dạy học tới các em học sinh. Chúng tôi luôn luôn dành những quan tâm đặc biệt tới việc và hỗ trợ cho các em học sinh. Hàng năm chúng tôi đều có những chương trình ủng hộ đồ dùng học tập như sách vở, đồ dùng học tập... những em ở xa có thành tích học tập chúng tôi khen tặng xe đạp để khuyến khích các em...

(Phỏng vấn sâu, cán bộ huyện, nam, 47 tuổi, Tuyên Quang)

Cần đặc biệt chú trọng tới việc nâng cao nhận thức của học sinh trong môi trường đa văn hóa. Bởi trong môi trường đa văn hóa có sự kết hợp của nhiều yếu tố, yếu tố văn hóa, yếu tố phong tục tập quán, tâm lý dân tộc... những yếu tố này tác động đến hiệu quả dạy học. Học sinh có nhận thức được vai trò cũng như trách nhiệm của bản thân mới có thể có những hành động cũng như có động cơ thái độ học tập sao cho phù hợp. Đồng thời, việc nhận thức của giáo viên cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tích cực vào hiệu quả của việc dạy học. Giáo viên cần có những nhận thức rõ hơn về môi trường làm việc để có thể điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình.

Bảng 2.1. Nhận diện về giáo dục trong môi trường đa văn hóa

Hiểu về môi trường đa văn hóa	N	Tỷ lệ (%)
Là môi trường có nhiều nền văn hóa khác nhau	75	50,0
Là môi trường có 2 nền văn hóa trở lên trong đó các cá nhân mang những đặc trưng riêng về ngôn ngữ, văn hóa và tác động qua lại với nhau	128	85,3

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Qua khảo sát, sự nhận diện của giáo viên về giáo dục đa văn hóa cũng khác nhau, trong đó số lượng giáo viên nhận thức rằng môi trường giáo dục đa văn hóa “*Là môi trường có 2 nền văn hóa trở lên trong đó các cá nhân mang những đặc trưng riêng về ngôn ngữ, văn hóa và tác động qua lại với nhau*”. Trong đó có 128 giáo viên đồng ý với quan điểm này chiếm 85,3% trong tổng số giáo viên tham gia khảo sát. *Môi trường đa văn hóa trong giáo dục được hiểu là môi trường có tồn tại yếu tố khác biệt về ngôn ngữ, về văn hóa cũng như những khác biệt về các yếu tố sinh hoạt... Môi trường đa văn hóa là môi trường mà ở đó các cá nhân khác biệt nhau về ngôn ngữ, về phong tục tập quán, sinh hoạt vẫn có thể cùng sinh hoạt cùng học tập một ngôn ngữ chung là tiếng phổ thông để từ đó làm cầu nối giữa các cá nhân có sự khác biệt nhau về mặt ngôn ngữ, phong tục. Giáo viên có vai trò quan trọng trong môi trường này để kết nối các cá nhân khác biệt nhau về ngôn ngữ có thể hiểu và tôn trọng những đặc trưng về mặt văn hóa.*

Một giáo viên tại tỉnh Cao Bằng chia sẻ khó khăn khi dạy trong một lớp học sinh là những dân tộc ít người khác nhau:

...Là giáo viên, trong một lớp mà các em đến từ nhiều địa phương đã khó, ở đây, lớp học của mình lại có nhiều dân tộc khác nhau như Tày, Nùng, Dao... Việc di chuyển đến địa điểm học khó khăn, thiếu cơ sở vật chất, lớp học chưa được cải thiện, nhận thức của các em còn hạn chế, ... hơn nữa do dân tộc khác nên ngôn ngữ, văn hóa từ cách ăn uống, giao tiếp... của các em cũng khác nhau. Vì vậy, là giáo viên, chúng tôi phải làm sao điều hòa được, làm cho các em sống trong một môi trường thực sự hòa đồng và nâng cao việc tiếp thu bài học hơn... đó cũng là những sự cố gắng rất lớn.

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 35 tuổi, Trường tiểu học Hòa An, Cao Bằng)

Mặc dù giáo dục ở vùng sâu, vùng xa cũng đã đạt được những thành tựu nhất định góp phần tích cực vào sự phát triển của đất nước, song để theo kịp với sự phát triển chung của đất nước và khu vực, chính sách phát triển giáo dục - đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta còn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng dân tộc hiện nay chưa đủ mạnh để khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tâm huyết, cống hiến hết khả năng của mình cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc.

Trên thực tế thì những chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý đối với các tỉnh miền núi còn nhiều hạn chế. Như chúng tôi thực sự là phải yêu nghề, yêu trẻ thì mới làm được chứ không thì cũng không thể nào mà theo nổi vì điều kiện khó khăn, chính sách chưa đủ kể cả về mặt vật chất và tinh thần... cuộc sống hàng ngày vẫn phải lo lắng đã vậy lại còn có những hạn chế về điều kiện hoàn cảnh.... Thế nên không phải chỉ riêng mình tôi mà tất cả các giáo viên đều mong muốn được quan tâm đầu tư hơn nữa....

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 38 tuổi, Trường THCS Đông Mỏ, Lạng Sơn)

Thứ hai, chế độ tiền lương và phụ cấp như hiện nay chưa thu hút được giáo viên tình nguyện đến công tác ở vùng dân tộc khó khăn; những chế độ chính sách này được thực hiện theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ vẫn có những điểm bất cập đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đang công tác tại các thị trấn, thị xã ở các tỉnh vùng cao, miền núi.

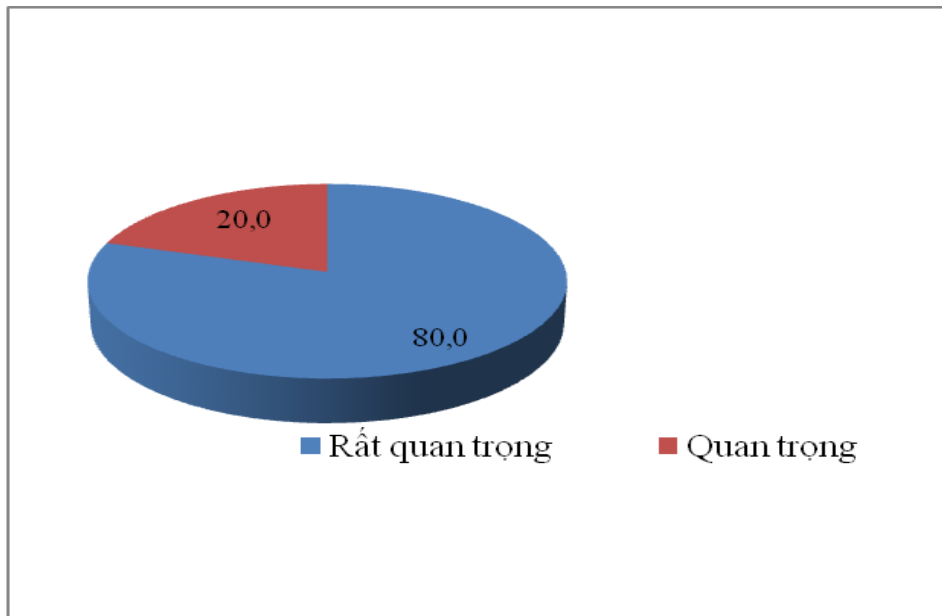
Thứ ba, về chính sách đối với học sinh dân tộc hiện nay, chỉ có học sinh, sinh viên cử tuyển, dự bị đại học dân tộc, trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng học bổng chính sách. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao đang học tại các cơ sở đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn được hưởng trợ cấp xã hội; học sinh nghèo là người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách miễn giảm học phí. Ngoài các đối tượng trên, Nhà nước chưa có chính sách miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Chưa có chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông bán trú ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Chế độ học bổng tuy được điều chỉnh theo mức lương cơ bản (hiện bằng 80% mức lương cơ bản), song việc tăng mức học bổng không theo kịp với tốc độ tăng của chỉ số giá cả sinh hoạt và tiêu dùng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến học

tập và đời sống sinh hoạt của học sinh. Ngành Giáo dục cũng chưa có những giải pháp phù hợp trong việc đào tạo đối với học sinh dân tộc thiểu số.

2.4. Thực trạng về dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc

2.4.1. Thực trạng về thực hiện mục tiêu dạy học trong môi trường đa văn hóa đã thực hiện

Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học trong môi trường đa văn hóa và giáo viên chính là nhân tố quan trọng quyết định đến kết quả của việc dạy và học trong môi trường đa văn hóa này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giáo viên ý thức cao và đánh giá vai trò của mình trong việc dạy học trong môi trường đa văn hóa.



Biểu đồ 3. Vai trò của giáo viên đối với việc dạy học

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Có đến 80,0% ý kiến của người trong cuộc đánh giá vai trò của giáo viên ở mức “Rất quan trọng”; 20% còn lại đánh giá vai trò của giáo viên “Quan trọng”. Nhìn chung việc đánh giá vai trò của giáo viên trong môi trường giáo dục đa văn hóa là không thể thay thế. Họ là nhịp cầu kết nối giữa các nền văn hóa mang những đặc trưng khác nhau cho người học.

Tuy nhiên, hiện nay chất lượng giáo viên chưa đồng đều giữa các vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Số giáo viên đạt chuẩn còn quá ít chưa

đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. Đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn thiếu thốn.

... giáo viên có vai trò quan trọng lắm, nếu như mà không có các thầy giáo cô giáo ở lại các vùng núi xa xôi này thì chắc cái chữ không đến được với người dân đâu. Trên này nghèo, bé đã phải đi làm nương rồi, cha mẹ các em thì vất vả cũng không hiểu được tầm quan trọng của việc học nên giáo viên vừa phải dạy chữ cho học sinh, vừa phải làm công tác động viên các gia đình cho con em đi học. Nhưng số lượng giáo viên ở đây còn ít, còn chưa được đào tạo đầy đủ thế nên đây cũng là hạn chế....

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nam, 42 tuổi, Trường THCS Đồng Mỏ, Lạng Sơn)

Một số giáo viên dân tộc thiếu số hạn chế về ngôn ngữ tiếng Việt. Trong quá trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn hoá về chuyên môn nghiệp vụ, các nhà trường lại chưa quan tâm đến bồi dưỡng tiếng Việt cho giáo viên dân tộc, do đó số giáo viên này gặp khó khăn khi đổi mới phương pháp dạy học. Nhiều giáo viên tuy đã được tập huấn nhưng vẫn còn lúng túng khi triển khai dạy học cập nhật kiến thức mới. Số giáo viên dạy ở các trường phổ thông dân tộc nội trú có chất lượng nghiệp vụ và tay nghề chưa thật đáp ứng yêu cầu đào tạo. Một số giáo viên thời gian đào tạo lại ngắn (hệ cấp tốc) nên ảnh hưởng đến kết quả dạy học. Đội ngũ dạy nghề, đặc biệt là các nghề cần cho địa phương chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kỹ năng dạy học của giáo viên cũng là một điểm yếu, nhất là kỹ năng sử dụng thiết bị dạy học, kỹ năng tổ chức giáo dục ngoài giờ cho học sinh.

Tôi năm nay đã hơn năm 50 rồi, dạy học ở đây cũng gần 20 năm trời. Nhớ lại ngày mới lên khổ cực, từ cuộc sống tới việc dạy học. Việc dạy học vốn rất khó, trong môi trường mà các em là dân tộc miền núi còn khó hơn trăm lần. Cuộc sống thiếu thốn, nơi công tác nghèo nàn sập sệ, cuộc sống xa nhà với nhiều nỗi nhớ nhung và đôi khi hạnh phúc gia đình cũng bị ảnh hưởng... Đời sống vật chất thiếu thốn, đời sống tinh thần cũng gặp nhiều trắc trở nhưng dần dần động lực lớn nhất của chúng tôi là những tình cảm của học sinh vùng cao mang lại. Nhiều khi nghĩ muốn bỏ nghề về dưới xuôi nhưng khi lên lớp, nhìn những ánh mắt bừng sáng của học trò thì không sao bỏ được. Thiết nghĩ rằng mình là giáo viên, dạy ở đâu cũng là

đay, việc dạy học cho các con ở đây cũng quan trọng lắm, mình coi các em học sinh là con cái của mình rồi chứ không phải xa lạ nữa. Cái nghề nó chọn mình chứ không phải mình chọn nghề nữa...

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 54 tuổi, Trường tiểu học Đồng Mỏ, Lạng Sơn)

Về mục tiêu dạy học cho học sinh vùng núi phía Bắc, ngoài việc bổ sung kiến thức, nâng cao nhận thức, trường học cũng là bộ máy hành chính đầu tiên mà hầu hết trẻ em được tiếp xúc, thông qua thời khóa biểu, nội quy, quy định... giúp cho người học có ý niệm đầu tiên về một nhóm, tổ chức. Chẳng hạn, việc giáo viên chia lớp ra thành nhiều tổ, mỗi tổ chứa các thành viên, mỗi thành viên đảm nhiệm các chức năng, nhiệm vụ khác nhau như tổ trưởng, tổ phó, các thành viên... còn trong tổ chức lớp có lớp trưởng, lớp phó, các tổ trưởng cờ đỏ, quản ca... Trong đó, lần đầu tiên các em nhận thức được vị trí, tương ứng với vị trí là vai trò trong một tổ chức. Ví dụ như lớp trưởng có vị trí cao nhất, đảm nhiệm vai trò bao quát lớp, quản ca có vị trí về mảng văn nghệ, ca hát có trách nhiệm bắt nhịp cho các bạn trong lớp tổ chức sinh hoạt văn nghệ đầu giờ,... Chỉ từ những việc rất nhỏ, dần dần trẻ em sẽ học cách hoạt động tập thể, sống cộng đồng và có trách nhiệm hơn với người khác.

Ngoài ra, giáo dục trong nhà trường còn có một vấn đề mà các nhà xã hội học, giáo dục học gọi là chương trình giảng dạy ẩn hay giáo dục ẩn. Nó cũng góp phần hình thành nên những giá trị, tiêu chuẩn văn hóa quan trọng. Tức là việc giáo dục các em thông qua một môn học khác. Chẳng hạn, các môn thể thao ngoài rèn luyện thể chất còn dạy cho trẻ tinh thần thi đua; học sinh nam và nữ được hướng đến những vấn đề phù hợp với giới tính theo quy ước. Thông qua các môn Ngữ văn, Lịch sử, ngoài kiến thức các em còn được giáo dục về tình yêu quê hương đất nước, lòng tự tôn dân tộc, những đức tính cần cù chịu khó, sự kiên cường, mạnh mẽ trong cuộc sống...

2.4.2. Thực trạng về phương pháp dạy học trong môi trường đa văn hóa

Phương pháp dạy học trong môi trường đa văn hóa cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu truyền đạt kiến thức, kỹ năng cho các em học sinh miền núi trong môi trường đa văn hoá.

Bảng 2.2. Mục tiêu của các phương pháp dạy học trong môi trường đa văn hóa

Các Phương pháp	Đã sử dụng	Tỷ lệ (%)
1.Làm cho học sinh biết tự học, tự vận dụng	147	98,0
2.Luôn liên hệ với thực tiễn đang thay đổi	146	97,3
3.Làm cho học sinh biết hợp tác và chia sẻ (thảo luận nhóm)	147	98,0
4. Tận dụng sự hỗ trợ của phương tiện dạy học	146	97,3
5. Học cách thức đi tới sự hiểu biết. coi trọng sự khám phá và khai phá trong học thuật.	129	86,0
6.Học kỹ năng thực hành và thái độ thực tiễn trong nghề nghiệp	135	90,0
7.Học phong cách độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong nhận thức và hành động. Biết mềm hóa tư duy và tùy cơ ứng biến.	143	95,3
8.Học phương pháp nghiên cứu đi từ phân tích đối tượng và môi trường để tìm giải pháp đồng bộ giải quyết những tình huống đa chiều.	96	64,0

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh trong trường, giáo viên đã vận dụng những kỹ năng cũng như phương pháp dạy học khác nhau để bài giảng đạt hiệu quả. Trong đó khi giáo viên được hỏi đã sử dụng các phương pháp nào để dạy cho học sinh thì giáo viên đều trả lời các phương pháp được vận dụng trong quá trình dạy học cho học sinh: Làm cho học sinh biết tự học, tự vận dụng; Luôn liên hệ với thực tiễn đang thay đổi; Làm cho học sinh biết hợp tác và chia sẻ (thảo luận nhóm); Tận dụng sự hỗ trợ của phương tiện dạy học; Học phong cách độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong nhận thức và hành động. Biết mềm hóa tư duy và tùy cơ ứng biến các phương pháp này được giáo viên sử dụng trên 90,0%. Trong đó phương pháp được sử dụng nhiều nhất của giáo viên chính là làm cho học sinh tự biết cách học và tự vận dụng.

Là những học sinh vùng cao, dân tộc thiểu số nên nhận thức các em còn hạn chế, vì vậy, chúng tôi luôn có những trò chơi cho các em hay cuộc thi nho nhỏ vừa kết hợp với giải trí lại dạy được cho các em nhiều điều. Chẳng hạn như vẽ tranh về bản làng của các em, cuộc thi đó vui về các vùng miền mà chúng tôi đã giảng dạy, ... các em rất sôi nổi tham gia...

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nam, 48 tuổi, Trường tiểu học Đông Mỏ, Lạng Sơn)

Ngoài ra, giáo viên còn sử dụng các phương pháp giáo dục khác ví dụ như: Học cách thức đi tới sự hiểu biết. coi trọng sự khám phá và khai phá (86,0%); Học phương pháp nghiên cứu đi từ phân tích đối tượng và môi trường để tìm giải pháp đồng bộ giải quyết những tình huống đa chiều (64,0%). Phương pháp này chủ yếu được dùng ở giáo viên bậc THPT vì ở giai đoạn này học sinh có khả năng để nghiên cứu và chứng minh quan điểm của mình.

Đặc biệt, việc nghiên cứu cách học và phương pháp học đi từ việc phân tích đối tượng và môi trường để tìm ra các giải pháp là một trong những phương pháp mới. Điều này cũng cho thấy, giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa cần có những cách thức cũng như phương pháp cụ thể để vận dụng những kiến thức mà mình được học và truyền đạt lại cho học sinh rút ngắn khoảng cách giữa miền núi và đồng bằng. Việc áp dụng những phương pháp mới vào dạy học cho học sinh miền núi cũng cần xem xét trên nhiều yếu tố về trình độ của cả giáo viên và học sinh, mức độ tiếp thu và vận dụng của học sinh... Chính vì vậy, cần có những phương pháp dạy sao cho phù hợp.

Đối với học sinh người dân tộc, do nhầm lẫn giữa hai ngôn ngữ nên thường mắc lỗi giao thoa ngôn ngữ. Hiện tượng này diễn ra ở từng cá nhân và cả cộng đồng trong mọi phạm vi giao tiếp, thể hiện trên tất cả các bình diện của ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... Đây là một trong những lực cản lớn ảnh hưởng đến việc tiếp nhận kiến thức của học sinh. Giáo viên phải điều tra phát hiện tính phổ biến những hiện tượng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ xen vào, gây cản trở hay nhiều loạn ngôn ngữ tiếng Việt, sau đó sử dụng mẫu ngữ liệu từ những bài viết mắc lỗi của học sinh ở các dạng bài tập về từ, đặt câu, làm văn, ... để sửa chữa những sai sót về cấu tạo ngữ âm, ngữ pháp, hướng dẫn cách viết đúng chính tả và luyện đọc đúng chính âm tiếng Việt. Nhận diện và phân loại giao thoa ngôn ngữ là việc làm cần thiết của người giáo viên để tìm hướng phát huy giao thoa tích cực và khắc phục giao thoa tiêu cực.

Về việc dạy học các em học sinh vùng dân tộc thiểu số cực kỳ khó khăn, chúng tôi đã cố gắng sử dụng nhiều cách khác nhau làm sao các em có thể hiểu hơn. Trước khi dạy cho các em tiếng Việt, chính chúng tôi phải học tiếng Tày của các em để khi

đây, chúng tôi có thể dạy song ngữ để các em có thể hiểu hơn. Chẳng hạn như khi viết, chúng tôi sẽ để hai từ tiếng Việt và tiếng Tày bên cạnh nhau để các em so sánh và hiểu, nhận dạng mặt chữ, sau đó dần dần che chữ Tày đi và để lại tiếng Việt, dùng trắc nghiệm nói chữ, câu...

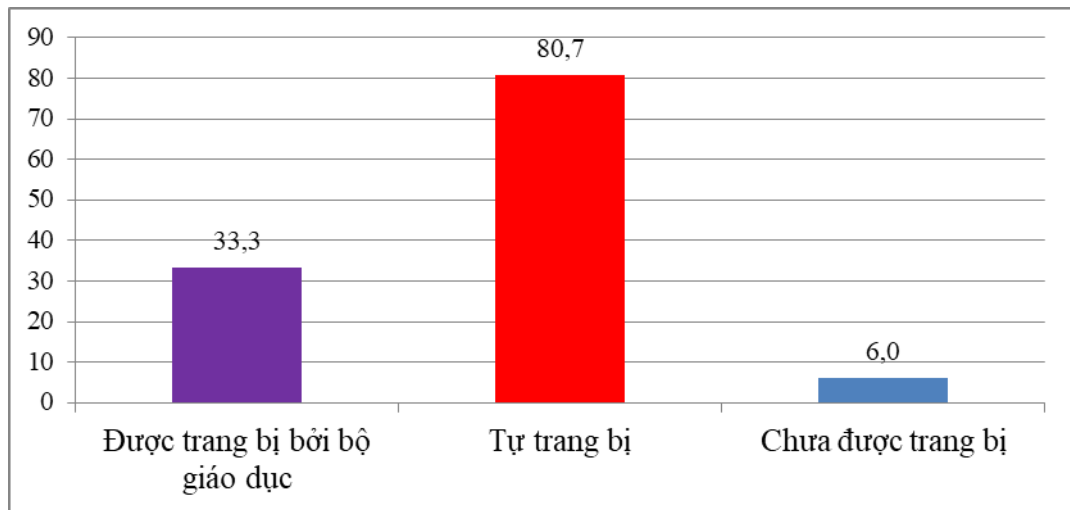
(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nữ, 33 tuổi, Trường tiểu học Hòa An, Cao Bằng)

2.4.3. Thực trạng về trang thiết bị dạy học và các hình thức tổ chức dạy học trong môi trường đa văn hóa

Là một địa bàn đặc biệt, vùng núi phía Bắc có nhiều những vấn đề khác nhau ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Trong đó, hình thức dạy học cũng đóng vai trò quan trọng.

Theo kết quả nghiên cứu cho thấy, giáo viên dạy học tại các trường Dân tộc nội trú trên địa bàn các tỉnh khảo sát chủ yếu tự trang bị các thiết bị dạy học. Khi được hỏi thiết bị dạy học được trang bị từ đâu thì phần lớn giáo viên trả lời là “tự trang bị”, một số là do Bộ Giáo dục trang bị. Trong đó số giáo viên trả lời do “tự bản thân trang bị” chiếm 80,7%; tỷ lệ nhận được hỗ trợ và được trang bị thiết bị dạy học từ phía Bộ Giáo dục chiếm 33,3% trong tổng số 150 giáo viên tham gia khảo sát. Nghiên cứu tiến hành tại các điểm trường Dân tộc nội trú thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn tại mỗi tỉnh lại có những đặc trưng riêng cả về điều kiện kinh tế, xã hội lẫn những chính sách giáo dục. Đặc biệt ở khu vực các tỉnh Cao Bằng thì mức độ hỗ trợ cũng như các chính sách quan tâm đến trang thiết bị dạy học cho giáo viên là nhiều hơn. Xuất phát từ lý do đặc điểm điều kiện địa hình, điều kiện của kinh tế - xã hội. Đảng và nhà nước ta luôn chú trọng quan tâm đến vùng núi khó khăn. Có được trang bị tốt về các thiết bị dạy học hay về cơ sở vật chất mới có thể đảm bảo và nâng cao hiệu quả đào tạo.

Chính vì vậy, cần quan tâm và đầu tư hơn nữa đối với các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Cần tăng cường quan tâm đến việc đầu tư trang thiết bị dạy học cho giáo viên ví dụ như máy tính để cập nhật thông tin mới của giáo dục nói chung; tăng cường đầu tư hỗ trợ về mặt tài chính để giáo viên yên tâm dạy học. Một trong những vấn đề đáng quan tâm hiện nay chính là những hỗ trợ về mặt tài chính cho giáo viên dạy học còn quá thấp.



Biểu đồ 4. Các nguồn đầu tư trang thiết bị giáo dục cho giáo viên

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Như vậy, có thể nói, giáo viên làm việc trong môi trường giáo dục đa văn hóa ngoài việc gặp không ít những khó khăn về mặt ngôn ngữ, về điều kiện kinh tế, về điều kiện sinh hoạt... mà cả về các thiết bị phục vụ cho hoạt động học dạy và học. Đây là một trong những điểm đáng lưu ý để góp phần tăng thêm tinh thần và động lực cho giáo viên cần có những chính sách hỗ trợ cụ thể như việc đầu tư trang thiết bị cho giáo viên phục vụ cho hoạt động đào tạo trong môi trường đa văn hóa.

Trang thiết bị đơn sơ, các học sinh tiểu học gần như không được học tập trong những phòng học hiện đại, một số trường trung tâm có phòng tin học nhưng học sinh ít được sử dụng để học tập, vì thiếu giáo viên vì chương trình không được triển khai đầy đủ cũng vì thế mà hình thức tổ chức dạy học của giáo viên rất đơn điệu chỉ có bảng đen, phấn trắng, sách giáo khoa lặp lại ngày này qua ngày khác. Các hình thức tổ chức dạy học khác của giáo viên vùng đa văn hóa cũng chưa được phát huy như tổ chức dạy học trải nghiệm cho học sinh, ít lấy kiến thức chuẩn làm điểm tựa để bổ sung các nội dung trải nghiệm sáng tạo, tích hợp kiến thức chuẩn và thực hành từ đời sống văn hóa dân tộc.

Bên cạnh đó, các cấp lãnh đạo cũng rất cần quan tâm đến người dạy trong môi trường đa văn hóa vùng dân tộc, miền núi. Những người giáo viên nơi đây cần phải có bản lĩnh, bản sắc riêng “an cư lập nghiệp”, cần có năng lực gắn liền với tình yêu và niềm đam mê, đủ tâm huyết để sống cùng đồng bào.

Tôi ở đây được hơn 5 năm rồi, trong 5 năm vừa qua thì cơ sở vật chất ở đây gặp rất nhiều khó khăn. Dãy nhà lớp học đã được đưa vào sử dụng hơn 20 năm nay nhiều lúc mưa gió thì ở trên phòng dột, nhiều lúc tôi phải lên sửa rất là nhiều lần nhưng nhà vẫn dột đấy. Trên này miền núi nhiều lúc gió lốc rất là nguy hiểm. Nhiều lúc phải hô học sinh chạy.

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nam, 35 tuổi, Trường tiểu học Hòa An, Cao Bằng)

Với những khó khăn chông chát, nếu không có sự quyết tâm, kiên trì và tình yêu học sinh, chắc chắn các thầy cô không thể bám trụ được. Việc nâng cao cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho cả thầy và trò ở các vùng khó khăn là điều vô cùng cần thiết. Việc cải thiện đời sống tốt cho thầy cô có thể vững tâm công tác, vượt qua khó khăn mà mang tri thức đến cho các em học sinh ở những nơi này.

Bảng 2.3. Tương quan giữa các địa bàn nghiên cứu và trang thiết bị dạy học cho giáo viên

Trang bị thiết bị cho dạy học		TỈNH KHẢO SÁT					
		Cao Bằng		Lạng Sơn		Tuyên Quang	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Được trang bị bởi Bộ Giáo dục	Có	17	34,0	5	10,0	28	56,0
	Không	33	66,0	45	90,0	22	44,0
Tự trang bị	Có	29	58,0	50	100,0	42	84,0
	Không	21	42,0	0	0	8	16,0
Chưa được trang bị	Có	8	16,0	0	0	1	2,0
	Không	42	84,0	50	100	49	98,0

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tương quan giữa địa bàn khảo sát với nguồn cung cấp hỗ trợ trang thiết bị cho giáo viên dạy học tại các trường DTNT có sự khác

biệt giữa các tỉnh. Trong đó Lạng Sơn cũng là tỉnh có tỷ lệ tự trang bị trang thiết bị dạy học của giáo viên là cao nhất, ngoài ra cũng nhận được hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 100% giáo viên dạy tại các trường thuộc địa bàn nghiên cứu Lạng Sơn là có “tự trang bị thiết bị” cho bản thân. Tiếp theo Tuyên Quang cũng là tỉnh mà số lượng giáo viên tự trang bị thiết bị dạy học chiếm tỷ lệ khoảng 84,0%. Giáo dục ở nơi này rất cần được quan tâm và đầu tư thích đáng. Cần có cơ sở vật chất tốt và đặc biệt là những người thầy giỏi tâm huyết với nghề.

2.4.4. Các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục trong môi trường đa văn hóa

Thực trạng khảo sát cho ta thấy những yếu tố nào ảnh hưởng đến kết quả giáo dục trong môi trường đa văn hóa? Theo kết quả nghiên cứu thu được, giáo viên đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục trong môi trường đa văn hóa bao gồm các vấn đề: Yếu tố văn hóa; Ngôn ngữ văn hóa; Số lượng giáo viên; chất lượng của giáo viên; Nhận thức của phụ huynh; Nhận thức của học sinh; Kinh tế chưa đảm bảo cho giáo viên; Điều kiện kinh tế của học sinh quá khó khăn; Các chính sách hỗ trợ cho giáo viên, học sinh còn thiếu. Đây là một trong các yếu tố được đánh giá có tác động đến hiệu quả của hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa.

Bảng 2.4. Các yếu tố tác động đến giáo dục trong môi trường đa văn hóa

Các yếu tố tác động	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng một phần	Bình thường	Không ảnh hưởng	Không biết
1, Yếu tố văn hóa	59,7	34,2	6,0	0	0,1
2, Ngôn ngữ giao tiếp	36,0	52,7	10,0	1,3	0
3, Số lượng giáo viên	21,5	56,4	19,5	2,6	0
4, Chất lượng của giáo viên	40,5	48,6	6,1	2,7	2,1
5, Nhận thức của phụ huynh	39,5	44,9	14,3	1,3	0
6, Nhận thức của học sinh	52,7	41,3	6,0	0	0
7, Kinh tế chưa đảm bảo cho giáo viên	48,7	46,6	4,7	0	0
8, Điều kiện KT của học	54,7	35,3	7,3	2,7	0

sinh quá khó khăn					
9, Các chính sách hỗ trợ cho giáo viên còn thiếu	43,3	45,3	8,0	3,3	0,1
10, Các chính sách hỗ trợ cho học sinh	44,0	42,0	6,7	7,3	0

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Nhìn vào bảng số liệu ta có thể thấy, yếu tố được đánh giá có tác động “rất ảnh hưởng” là yếu tố văn hóa 59,7% giáo viên đánh giá rằng yếu tố văn hóa có tác động đến hiệu quả giáo dục trong môi trường đa văn hóa. Tiếp đó là các yếu tố liên quan đến điều kiện và hoàn cảnh kinh tế của học sinh; chất lượng của đội ngũ giáo viên và nhận thức của học sinh.

Văn hoá có tác động rất lớn tới việc nhận thức và hành vi của mỗi con người, mỗi dân tộc lại có một văn hoá, phong tục khác nhau, vì vậy, trong môi trường đa văn hoá - sự pha trộn của nhiều dân tộc vùng núi phía Bắc có tác động rất lớn tới việc dạy học của giáo viên.

Đồng thời, theo đánh giá của giáo viên cho thấy, các yếu tố liên quan đến văn hóa, phong tục chính là các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa. Xuất phát từ phía học sinh và giáo viên, yếu tố văn hóa, ngôn ngữ trở thành cầu nối tác động đến hiệu quả của hoạt động giáo dục ở khu vực này.

Hơn nữa, tùy vào hoàn cảnh kinh tế của gia đình mà các em học sinh có được điều kiện học tập. Có nhiều trường hợp các em học sinh đã phải bỏ học vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn hoặc việc bố mẹ ngăn cản đến trường vì phải ở nhà lên nương làm rẫy. Bên cạnh đó, trình độ sư phạm và phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa hiệu quả cũng ảnh hưởng tới chất lượng học tập của học sinh.

Có một điểm khó khăn của chúng tôi là việc vận động cho các em học sinh đi học. Ở đây là vùng dân tộc thiểu số khó khăn, đời sống kinh tế và nhận thức của người dân còn hạn chế. Vì vậy nhiều gia đình không cho con mình đi học vì không có tiền và mong con ở nhà để giúp đỡ công việc. Vì thế chúng tôi phải đến từng nhà để vận động, một lần không được, có em phải đến vài lần. Có em đi học vài buổi lại phải nghỉ vì lý do ở nhà trông em. Chúng tôi, công tác phải đi đôi với việc nâng cao

đời sống kinh tế cho bà con, hướng dẫn phụ huynh học sinh trồng trọt chăn nuôi hiệu quả, như vậy các em mới có cơ hội đi học, vì suy ra cũng chính vì lý do kinh tế nên các em ít có điều kiện tới trường...

(Phỏng vấn sâu, giáo viên, nam, 52 tuổi, Trường tiểu học Hòa An, Cao Bằng)

Bảng 2.5. Tương quan giữa địa bàn khảo sát và các yếu tố tác động

Đơn vị: %

Các yếu tố tác động		TỈNH KHẢO SÁT					
		Cao Bằng		Lạng Sơn		Tuyên Quang	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
1, Yếu tố văn hóa	Rất ảnh hưởng	19	38,8	35	70,0	35	70,0
	Ảnh hưởng một phần	26	53,1	12	24,0	13	26,0
	Bình thường	4	8,2	3	6,0	2	4,0
	Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
2, Ngôn ngữ giao tiếp	Rất ảnh hưởng	15	30,0	25	50,0	14	28,0
	Ảnh hưởng một phần	31	62,0	19	38,0	29	58,0
	Bình thường	4	8,0	6	12,0	5	10,0
	Không ảnh hưởng	0	0	0	0	2	4,0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
3, Số lượng giáo viên	Rất ảnh hưởng	7	14,3	18	36,0	7	14,0
	Ảnh hưởng một phần	25	51,0	27	54,0	32	64,0
	Bình thường	15	30,6	3	6,0	11	22,0
	Không ảnh hưởng	2	4,1	2	4,0	0	,0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
4, Chất lượng của giáo viên	Rất ảnh hưởng	9	18,4	31	62,0	20	40,8
	Ảnh hưởng một phần	33	67,3	14	28,0	25	51,0
	Bình thường	5	10,2	0	0	4	8,2
	Không ảnh hưởng	2	4,1	2	4,0	0	0
	Không biết	0	0	3	6,0	0	0
5, Nhận thức của phụ huynh	Rất ảnh hưởng	4	8,0	26	55,3	28	56,0
	Ảnh hưởng một phần	44	88,0	7	14,9	15	30,0
	Bình thường	2	4,0	12	25,5	7	14,0

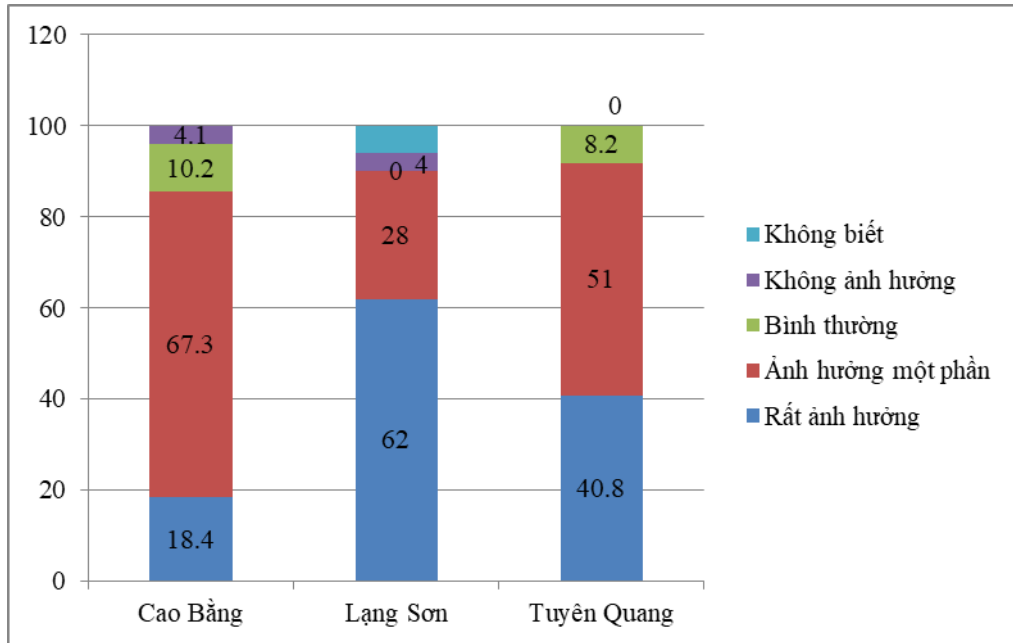
	Không ảnh hưởng	0	0	2	4,3	0	0
	Không biết	0	0	0	,0	0	0
6, Nhận thức của học sinh	Rất ảnh hưởng	8	16,0	33	66,0	38	76,0
	Ảnh hưởng một phần	40	80,0	14	28,0	8	16,0
	Bình thường	2	4,0	3	6,0	4	8,0
	Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
7, Kinh tế chưa đảm bảo cho giáo viên	Rất ảnh hưởng	18	36,0	27	54,0	28	56,0
	Ảnh hưởng một phần	31	62,0	21	42,0	18	36,0
	Bình thường	1	2,0	2	4,0	4	8,0
	Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
8, Điều kiện KT của học sinh quá khó khăn	Rất ảnh hưởng	29	58,0	25	50,0	28	56,0
	Ảnh hưởng một phần	20	40,0	17	34,0	16	32,0
	Bình thường	1	2,0	6	12,0	4	8,0
	Không ảnh hưởng	0	0	2	4,0	2	4,0
	Không biết	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Kết quả nghiên cứu cho thấy mỗi địa bàn khác nhau giáo viên lại có những đánh giá khác nhau về các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục và dạy học trong môi trường đa văn hóa. Trong đó giáo viên tại các trường ở Lạng Sơn và Tuyên Quang đánh giá “yếu tố văn hóa” có tác động “rất ảnh hưởng” đến hoạt động đào tạo nghề trong môi trường đa văn hóa tỷ lệ này chiếm 70,0%. Đối với giáo viên ở Cao Bằng thì đánh giá yếu tố văn hóa có tác động nhưng tác động ở mức “ảnh hưởng một phần” chiếm 53,1%, tác động ở mức “rất ảnh hưởng” chiếm 38,8%. Trong đó, các yếu tố khác như yếu tố “ngôn ngữ” thì tỉnh Lạng Sơn là tỉnh mà giáo viên đánh giá đây là yếu tố “rất ảnh hưởng” đến hiệu quả đào tạo cũng như quá trình dạy học của giáo viên trong môi trường đa văn hóa.

Đối với yếu tố “chất lượng của giáo viên” thì kết quả nghiên cứu thu được tại các trường tỉnh Lạng Sơn cũng có đánh giá yếu tố này “rất ảnh hưởng” đến hiệu quả giáo dục trong môi trường đa văn hóa của giáo viên cũng như kết quả học tập của học sinh. Tỷ lệ đánh giá này chiếm 62,0%; đánh giá yếu tố này ảnh hưởng một phần chiếm 28,0%.

Đơn vị: %



Biểu đồ 5. Đánh giá yếu tố “Chất lượng của giáo viên”

(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Các cá nhân đều chịu những tác động của quá trình xã hội hóa từ đó hình thành nên nhân cách, khả năng của bản thân. Trong quá trình đó thì yếu tố môi trường nhà trường, yếu tố gia đình và chính các yếu tố của bản thân giáo viên hay học sinh đều là những yếu tố quan trọng và cần quan tâm. Trong đó, yếu tố bản thân học sinh có những nhận thức về tầm quan trọng cũng như ý thức học tập là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng học tập của người học.

Yếu tố điều kiện kinh tế của học sinh cũng như những chính sách hỗ trợ cho giáo viên dạy học tại các trường DTNT cũng là một trong những yếu tố quan trọng, tác động đến hiệu quả của giáo dục trong môi trường đa văn hóa.

Bảng 2.3. Các yếu tố tác động khác

Đơn vị: %

Các yếu tố tác động		TỈNH KHẢO SÁT					
		Cao Bằng		Lạng Sơn		Tuyên Quang	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Các chính sách hộ trợ cho giáo viên còn thiếu	Rất ảnh hưởng	19	38,0	22	44,0	24	48,0
	Ảnh hưởng một phần	31	62,0	15	30,0	22	44,0
	Bình thường	0	0	8	16,0	4	8,0
	Không ảnh hưởng	0	0	5	10,0	0	0
	Không biết	0	0	0	0	0	0
Các chính sách hỗ trợ cho học sinh	Rất ảnh hưởng	7	14,0	33	66,0	26	52,0
	Ảnh hưởng một phần	36	72,0	9	18,0	18	36,0
	Bình thường	0	0	5	10,0	5	10,0
	Không ảnh hưởng	7	14,0	3	6,0	1	2,0
	Không biết	0	0	0	0	0	0

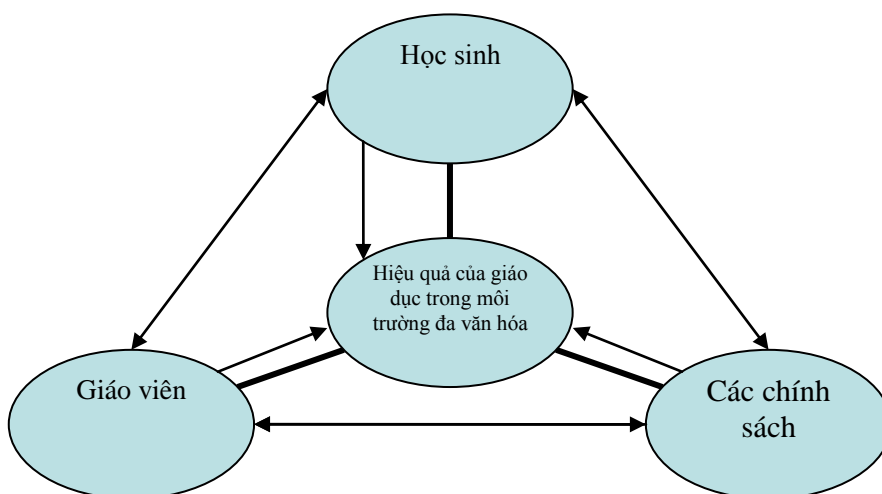
(Nguồn: Xử lý kết quả khảo sát, 2016)

Theo đánh giá của giáo viên thì ngoài các yếu tố liên quan đến nhận thức của học sinh cũng như trình độ của giáo viên thì yếu tố tác động đến việc dạy học và kết quả dạy học trong môi trường đa văn hóa còn bao gồm yếu tố liên quan đến chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh. Trong đó, yếu tố “các chính sách hỗ trợ cho học sinh” được đánh giá là yếu tố rất ảnh hưởng đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa. Đánh giá của giáo viên thuộc tỉnh Lạng Sơn nhận xét yếu tố này “rất ảnh hưởng” đến chiếm 66,0% ảnh hưởng một phần chiếm 18,0%. Còn về phía giáo viên thuộc các tỉnh Cao Bằng và Tuyên Quang thì đánh giá yếu tố này cũng “rất ảnh

hường” tương ứng 52,0% và 14,0%. Ở mức độ “Ảnh hưởng một phần” thì yếu tố này được đánh giá lần lượt là 36,0 % tại Tuyên Quang và 72,0% đánh giá của giáo viên thuộc các trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đánh giá của giáo viên về “Chế độ chính sách” cho giáo viên còn thiếu - đây là một trong những yếu tố then chốt để đảm bảo cho hoạt động giáo dục đào tạo được phát triển. Giáo viên có năng lực, phương pháp dạy phù hợp mới đem lại những hiệu quả trong việc dạy và học đặc biệt là trong môi trường đa văn hóa. Giáo viên tại Tuyên Quang đánh giá yếu tố này có tác động “rất ảnh hưởng” đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa chiếm 48,0%; tiếp đó là đánh giá của giáo viên thuộc tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ này là 44,0%. Ở Cao Bằng thì đánh giá về yếu tố này “rất ảnh hưởng” chiếm 38,0%, còn lại đánh giá yếu tố này có “ảnh hưởng một phần” đến việc dạy học trong môi trường đa văn hóa. Thực tế dạy học của giáo viên trong môi trường đa văn hóa còn chưa được đồng đều và chưa được trang bị đầy đủ về kỹ năng cần thiết. Lý giải về điều này thì theo tiến sĩ Nguyễn Tùng Lâm - Nguyên chủ tịch Hội Tâm lý Giáo dục Hà Nội trả lời tạp chí Giáo dục cho biết: Hiện chưa có điều tra khoa học nào về tiêu chuẩn phát triển nghề nghiệp cho toàn thể đội ngũ nhà giáo ở tất cả các ngành học, cấp học. Để đánh giá chung dựa vào các khảo sát thực tế tại địa bàn, đặc biệt là các phỏng vấn xã hội học và phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia thì đa số giáo viên hiện nay về năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm còn có nhiều hạn chế nhưng về mặt ý thức, họ là người nghiêm túc, cố gắng làm hết sức mình. Tuy nhiên, kết quả giảng dạy, giáo dục đều không đạt đến điều mong muốn, không thể đáp ứng nổi yêu cầu “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục” đặc biệt là đội ngũ giáo viên trẻ, số đông nhà giáo chưa thể hiện được đặc trưng nghề nghiệp của mình. Đó là sự khát khao học hỏi, luôn mong muốn làm giàu tri thức khoa học, tri thức đời sống cho bản thân, luôn là tấm gương, là “thần tượng” của học trò. Nghề dạy học muốn thành công phải nắm được tâm sinh lý đối tượng mình dạy, mình giáo dục. Nhưng trên thực tế những nguyên tắc, phương pháp giáo dục lại ít được giáo viên chú ý vận dụng. Quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội. Trong đó, đội ngũ nhà giáo có vai trò hết sức quan trọng bởi họ chính là lực lượng trực tiếp đóng góp vào sự đổi mới này. Phát triển nguồn nhân lực

giảng dạy ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi là một nhu cầu lớn bởi vì tỉ lệ được trang bị đầy đủ các kiến thức về văn hóa bản địa, kỹ năng thích ứng chưa nhiều, phải qua thời gian dài tiếp cận thì đội ngũ này mới hòa nhập được. Trong quá trình toàn cầu hóa, lực lượng lao động ngày càng phải đáp ứng yêu cầu là có tay nghề, linh hoạt, năng động và luôn luôn thích ứng với nhu cầu công việc. Phương pháp giảng dạy ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa không phải là phương pháp lấy người học làm trung tâm hoặc hiểu về phương pháp này chưa đúng mức, dạy học mang tính hình thức, chưa thực sự nâng cao được năng lực người học. Chương trình cũng như sách giáo khoa áp dụng chung cho tất cả các đối tượng đã không tạo được sự tự tin cho học sinh dân tộc thiểu số để các em phát huy khả năng trong nhà trường, dẫn đến khó đạt được trình độ học vấn theo yêu cầu. Điều này khiến cho người dân tộc thiểu số kém khả năng thích nghi với môi trường luôn luôn thay đổi. Đây là một thực tế chính sách giáo dục phù hợp với miền xuôi nhưng còn bất cập với miền núi trong môi trường giáo dục đa văn hóa. Cần phải có quá trình giáo dục linh hoạt của nhà trường nhằm chuẩn bị năng lực toàn diện cho mọi đối tượng người học để họ có động cơ và khả năng liên tục tự mở rộng hiểu biết đa chiều, liên ngành về thế giới, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa và ý thức trách nhiệm, thái độ tôn trọng các nền văn hóa-xã hội đa dạng, từ đó mới có thể hội nhập hiệu quả và góp phần đem lại sự phát triển bền vững, hòa hợp và bình đẳng.



Hình 3. Mô hình các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục

Qua thực tế ở các trường phổ thông, chúng tôi nhận thấy phương pháp giảng dạy của các giáo viên vùng dân tộc thiểu số chưa có nhiều những đổi mới tích cực phù hợp với vùng miền văn hóa. Ở khối tiểu học, áp lực cần phải đạt phổ cập giáo dục khiến cho chất lượng học sinh ở một số trường không thật sự đạt yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng. Trong sinh hoạt chuyên môn kế hoạch thăm lớp dự giờ, giáo viên không có chuyên đề sâu, ngại trao đổi góp ý thẳng thắn với đồng nghiệp. Một bộ phận giáo viên chưa chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp, giáo viên chưa tạo được hứng thú cho học sinh, hạn chế việc đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin. Các trường có tổ chức hoạt động thăm lớp, dự giờ, nhưng do tâm lý ngại va chạm nên không đóng góp ý kiến nhận xét thật sát chuyên môn. Có một thực tế là giáo viên ở các trường phổ thông vùng dân tộc thiểu số trình độ giáo viên không đồng đều, đa số giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm rèn giũa học trò.

Tiểu kết, như vậy qua thực trạng khảo sát thì việc dạy học trong môi trường đa văn hóa gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Tuy vậy giá trị giáo dục đa văn hóa ở địa bàn khảo sát đã đem lại cho chúng ta những hiểu biết khác nhau, giúp ta hiểu và đối phó tốt hơn với những vấn đề, xu hướng giáo dục toàn cầu. Sự đa dạng văn hóa giúp chúng ta nâng cao khả năng nhận thức giáo dục kết nối với thế giới xung quanh. Trong quá trình khảo sát thực địa cho chúng ta thấy, việc dạy học ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc còn thiếu sự gắn bó giữa “học” và “hành”, giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa bài học và sự liên hệ với đời sống – xã hội, giữa sự đa dạng và bản sắc văn hóa. Vì vậy, phần lớn học sinh đều bối rối trước các tình huống, sự kiện thực tế, đặc biệt là những vấn đề môi trường nóng bỏng của địa phương, hoặc không biết đến những giá trị di sản thiên nhiên, lịch sử, văn hóa mà địa phương mình có... Học sinh ít có cơ hội được rèn luyện kỹ năng phân tích, giải quyết những vấn đề thực tế, kể cả kỹ năng sống trong chính môi trường bản địa.

Các yếu tố tác động lớn nhất tới hiệu quả giáo dục trong môi trường đa văn hoá bao gồm từ giáo viên, học sinh và các chính sách. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy và học phải có các biện pháp đồng bộ và sâu sát hơn. Nếu làm tốt giáo dục đa văn hóa ở các vùng dân tộc thiểu số sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng và xã hội. Giáo dục đa văn hóa sẽ làm tăng kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo của người giáo viên. Giáo dục đa văn hóa làm giảm khuôn mẫu và định kiến thông qua

tiếp xúc trực tiếp và sự tương tác giữa các cá nhân đa dạng. Giáo dục đa văn hóa làm sống lại tính sống động của xã hội thông qua sự giàu có của các giá trị văn hoá. Chương trình giảng dạy cần phải được cải cách để đáp ứng được với trình độ và năng lực của học sinh vùng miền. Phương pháp sư phạm công bằng trong giáo dục đa văn hóa nhằm đạt được các cơ hội giáo dục công bằng và bình đẳng cho tất cả trẻ em của quốc gia, bao gồm những người khuyết tật, yếu kém về kinh tế xã hội và người dân tộc thiểu số ở các bản làng xa xôi.. Giáo dục đa văn hóa đề cao sự phát triển; tăng cường ý thức văn hoá, những thẩm quyền liên văn hóa. Giáo dục công bằng trở thành một thành phần quan trọng của cải cách giáo dục hiện nay.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên

Quan điểm chung trong việc đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trong môi trường đa văn hóa cho đội ngũ giáo viên phổ thông là tập trung nâng cao năng lực của người GV, coi GV là nhân tố cốt lõi của quá trình dạy học trong môi trường đa văn hóa. Người giáo viên cần nâng cao nhận thức vị trí, vai trò của giáo dục đa văn hóa, coi trọng phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh học tập trong môi trường văn hóa đa dạng.

- Cần hướng tới dạy học tích hợp trong chương trình phổ thông, giúp cho quá trình giảm tải chương trình, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa của địa phương khu vực miền núi phía Bắc.

- Mô hình trường học đa văn hóa cần hướng tới phát triển năng lực cho HS. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, bản thân người GV phải tự bồi dưỡng để có năng lực sư phạm tốt, trong đó chú ý: các phẩm chất khoan dung, tránh định kiến; năng lực chẩn đoán, thiết kế, phát triển chương trình, tổ chức, thực hiện, giám sát đánh giá và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học và giáo dục. Hơn nữa, trong môi trường giao dục đa văn hóa, GV cần định hướng cho người học phương pháp học tập, tự học, trải nghiệm cho HS.

Tóm lại, chiến lược nâng cao chất lượng dạy học cho GV trong môi trường đa văn hóa phải đồng thời thực hiện tốt ở cả 3 khâu: **kiến thức, kỹ năng, thái độ**. Chính vì vậy, chúng tôi đưa ra các nguyên tắc đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở khu vực đa văn hóa. **GV là nhân tố cốt lõi trong chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục**. Nhóm giải pháp chủ yếu là tập trung vào nâng cao nhận thức, năng lực của đội ngũ GV và CBQL giáo dục, trong đó việc nâng cao năng lực nghề nghiệp phải là yếu tố tự thân, là động lực để phát triển đội ngũ nhà giáo khu vực miền núi phía Bắc. Nuôi dưỡng tình yêu nghề nghiệp và niềm đam mê với nghề của GV trong điều kiện giảng dạy nhiều khó khăn vùng dân tộc thiểu số. Người

giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa cần đảm bảo các nguyên tắc giáo dục sau:

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Mục đích luôn là một yếu tố quan trọng đối với tất cả các hoạt động, đặc biệt là đối với hoạt động giáo dục. Nó bảo đảm cho cả quá trình hoạt động đi đúng hướng, không có những bước đi sai lầm hoặc thừa thãi. Nếu hoạt động giáo dục không có mục đích thì chẳng khác gì con tàu đi trên biển mà không có la bàn. Xác định được mục đích cho hoạt động giáo dục là rất quan trọng nhưng việc lấy mục đích đó để định hướng xuyên suốt trong quá trình hoạt động giáo dục diễn ra còn quan trọng hơn nhiều. Bởi vì, nếu như mục đích giáo dục được xác định rồi nhưng lại không dùng nó làm kim chỉ nam định hướng mọi hoạt động thì việc xác định mục đích coi như vô bổ.

Dạy học trong môi trường đa văn hóa cấp tiểu học và THCS càng cần thiết hơn nữa trong việc xác định mục đích của việc dạy học. Bởi lẽ, việc dạy học không chỉ đơn thuần giúp các em trang bị kiến thức sách vở mà quan trọng hơn còn giúp các em nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng đa văn hóa, bổ sung một lượng kiến thức lớn về các nền văn hóa ngoài sách giáo khoa. Để thực hiện được nguyên tắc này, trước hết là các thầy cô giáo phải hình thành cho học sinh những cơ sở về thế giới quan và nhân sinh quan thật đúng đắn. Người giáo viên hình thành cho học sinh lý tưởng xây dựng đất theo định hướng Xã hội chủ nghĩa là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Những vấn đề này, nhà giáo dục có thể định hướng và xây dựng cho học sinh qua các giờ học đặc biệt là các giờ học khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài ra, các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng có thể giúp các giáo viên thực hiện mục tiêu giáo dục một cách linh hoạt mang lại hiệu quả tốt nhất cho học sinh.

Hoạt động giáo dục phải luôn luôn thực hiện dựa vào mục đích giáo dục, lấy mục đích là định hướng cho tất cả hoạt động. Tuy nhiên, thầy cô giáo cần tránh thái độ áp đặt thô bạo, cứng nhắc vì như thế là trái với bản chất của hoạt động giáo dục. Mặt khác, trong quá trình giáo dục giáo viên không thể áp dụng một nguyên tắc, một phương pháp cố định, hay là cứng nhắc đi theo từng bước đã vạch sẵn để đạt được mục đích đã đề ra. Hơn thế nữa, hoạt động giáo dục là một hoạt động mang

tính lâu dài và liên tục vì vậy các hoạt động giáo dục phải phong phú, đa dạng, linh hoạt. Và nhà giáo dục phải mềm dẻo, uyển chuyển trong việc lựa chọn và vận dụng các hoạt động giáo dục để đạt được kết quả cao nhất trong giáo dục học sinh.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng

Đất nước Việt Nam nói chung và vùng núi phía Bắc nói riêng rất đa dạng về thành phần với 54 dân tộc. Đây là vùng địa lý với đặc điểm núi cao và dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống. Có thể nói, khu vực này kinh tế khá khó khăn tuy nhiên lại là nơi thể hiện khá độc đáo bản sắc dân tộc truyền thống, nhiều nét văn hóa vẫn còn nguyên sơ. Đây cũng là nơi hội tụ nhiều dòng chảy văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển, từ văn hóa Tày, Nùng, Dao, Thái, Mường, Sán diu, H'Mông, Kinh, Hoa, ... rồi thậm chí còn có ảnh hưởng của văn hóa phương Tây như văn hóa Pháp, Anh, Mỹ, văn hóa trong khu vực như Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc... Sự hòa nhập, giao lưu của các dòng người di cư từ miền xuôi lên đã khiến cho vùng núi phía Bắc khi xưa trầm lắng, nay trở nên rất năng động trong lĩnh vực kinh tế, đổi mới và hội nhập về nhiều mặt. Nhiều loại hình kinh tế, ngành nghề đa dạng làm nền tảng cho sự phát triển của giáo dục trong thời kỳ mới. Người dân mong muốn phát triển địa phương mình ngày càng văn minh, hiện đại chống văn hóa nô dịch nhưng cũng lại cởi mở, bao dung, tiếp thu, học hỏi nhiều nội dung tiến bộ của văn hóa thế giới xung quanh.

Do đặc điểm địa lý và thiên nhiên đặc thù, vùng núi phía Bắc được xem là mảnh đất có nhiều dân tộc mang đến những phong tục, tập quán, lối sống riêng trong các cộng đồng dân tộc và nhu cầu cuộc sống tại vùng đất khiến họ gắn bó mật thiết với nhau, chấp nhận cả những dị biệt về mặt văn hóa, học hỏi, hình thành thói quen xây dựng lối sống hòa hợp với nhau trong quá trình thích nghi với môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh lòng hiếu khách, nhạy bén với cái mới mà giản dị, thiết thực thì đó là sự gìn giữ nét đặc sắc riêng của tộc người. Mặc dù sống trong quá trình hội nhập, hiện đại, đô thị hóa,.. tư duy và lối sống người dân đã có nhiều thay đổi nhưng sự phóng khoáng trong tư duy của người dân vùng này cũng chưa vượt quá được ý thức tự tôn của tộc người.

Trong hoạt động giáo dục đa văn hóa, đối tượng tham gia vào hoạt động này không chỉ là người dạy và người học mà còn là những giá trị văn hóa truyền thống

của các dân tộc vùng núi phía Bắc. Đó là các phong tục tập quán, các nền văn hóa dân gian... Do đó, các quan hệ giao tiếp, ứng xử đa văn hóa và liên văn hóa là khá phong phú thể hiện ở các quan hệ giữa các chủ thể đa dạng: giữa người dạy và người học, giữa văn hóa dân tộc thiểu số này với văn hóa dân tộc thiểu số khác; giữa học sinh trong trường với học sinh các trường khác, giữa người trong vùng với người vùng khác, thậm chí còn là giao tiếp ứng xử giữa giáo viên, học sinh trong vùng với sinh viên quốc tế. Các quan hệ này đòi hỏi sự hiểu biết về các nền văn hóa và quy tắc giao tiếp ứng xử của nhau để có thể thích nghi và hợp tác làm việc hòa hợp, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và trở thành những công dân toàn cầu, thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai ngày càng mang tính quốc tế nhiều hơn trong thời đại hội nhập, toàn cầu hóa. Tóm lại, đối tượng của giáo dục đa văn hóa mang những đặc điểm tiêu biểu của người dân cư ngụ tại miền núi phía Bắc chung và giáo viên và học sinh tại vùng này nói riêng.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả, toàn diện

Dạy học đa văn hóa trước hết đó cũng là một hoạt động dạy học. Vì thế, hoạt động này vẫn phải đảm bảo tất cả yêu cầu của một hoạt động dạy học nói chung và cộng thêm với những nét đặc thù riêng. Tuy nhiên, hiệu quả giáo dục đều phải dựa trên những nguyên tắc nhất định. Để đảm bảo tính hiệu quả, toàn diện, dạy học trong môi trường đa văn hóa cần chú ý những nguyên tắc sau:

- Đầu tiên cần quan niệm việc dạy cách học, học cách học để tạo thói quen, niềm say mê và khả năng học suốt đời là tiêu chí bao quát hàng đầu của việc dạy học cho học sinh nói chung và học sinh môi trường đa văn hóa nói riêng. Mọi phương pháp dạy, phương pháp học, nội dung cần dạy, nội dung cần học đều phải xuất phát từ đó. Người giáo viên phải chú trọng trang bị cho học sinh loại kiến thức làm nền tảng chứ không phải kiến thức về một quy trình cụ thể khép kín. Có như vậy, học sinh mới phát huy khả năng sáng tạo trong học tập trên nền cơ sở đó để tiếp tục học tập những kiến thức, kỹ năng cụ thể khác. Cũng vậy, kỹ năng cơ bản là công cụ để học sinh học suốt đời (chẳng hạn như kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng học tiếng dân tộc như một ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng đa dân tộc...). Trong từng lĩnh vực, từng môn học có nhiều nội dung, các vấn đề để học, người giáo viên phải biết chọn nội dung gì, vấn đề gì mà khi học thì học sinh được rèn

luyện năng lực tư duy nhạy bén, được học cách học tốt nhất. Ngoài ra, bằng cách khơi gợi sự tò mò, bằng cách tạo sự hấp dẫn của tri thức và bằng tấm gương học tập của chính bản thân mình, giáo viên cố gắng tạo nên niềm say mê học tập cho học sinh ngay từ đầu cấp tiểu học.

- Tiếp đến, tính chủ động của người học là phẩm chất quan trọng cần tập trung phát huy khi dạy và học ở các trường học nói chung. Trong những năm gần đây các nhà sư phạm trên thế giới và ở nước ta thường bàn đến các quan điểm sư phạm, các cách tiếp cận trong việc dạy và học. Cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm hoặc hướng vào người học được nhiều người coi trọng. Đây là một quan điểm tích cực trong dạy học nói chung và dạy học đa văn hóa nói riêng vì nó cho thấy mục tiêu cuối cùng, bản chất của quá trình dạy và học, và bởi lẽ việc học thực chất mang dấu ấn sáng tạo cá nhân khá rõ nét. Khi nói đến quan điểm lấy người học làm trung tâm nguyên tắc quan trọng nhất là phát huy tính chủ động của người học. Có người đã từng nói: Học là quá trình tự biến đổi mình và làm phong phú mình bằng cách chọn nhập và xử lý thông tin lấy từ môi trường xung quanh. Rõ ràng quan niệm này về học là rất rộng và khái quát, cho thấy rõ tính cá nhân của việc học. Người thầy trong quan niệm này ở vị trí ẩn, tác động bằng cách giúp người học chọn, nhập và xử lý thông tin.

Khi nói về phương pháp sư phạm tương tác, cần chú ý đến: người học, người dạy và môi trường. Ở đây, người học là người đi học chứ không phải người được dạy (tính tự nguyện và chủ động), nhiệm vụ của người dạy là giúp đỡ người học, phục vụ người học để làm nảy sinh tri thức ở người học, còn môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh và bên trong người học là tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến việc dạy và học. Ngoài ra, so với cách tiếp cận thông tin đã nêu trên, môi trường ở đây chính là nơi chứa thông tin. Với cách hiểu như vậy quan niệm sư phạm tương tác không mâu thuẫn với các quan niệm lấy người học làm trung tâm, mà chỉ nhấn mạnh hơn vai trò của người tương tác, tức là cho thấy rõ tính chất động của quá trình dạy và học. Trong quá trình giảng dạy, bản thân việc tăng sự tương tác cũng thúc đẩy tính chủ động của người học.

Qua những lý giải trên đây, chúng ta có thể thấy sự vận động của nhân tố người học là quan trọng nhất để làm cho hoạt động HỌC thật sự được diễn ra và

nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học. Đó là lý do vì sao dạy học cần phải phát huy tính CHỦ ĐỘNG của người học. Và đó là nguyên tắc quan trọng nhất của người giáo viên trong quá trình dạy - học ở tất cả các môi trường giáo dục nói chung và giáo dục đa văn hóa nói riêng.

3.2. Giải pháp về mục tiêu dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa

3.2.1. Mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ

Hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa giúp học sinh hình thành một nền tảng cơ sở tốt về kiến thức đa văn hóa, kỹ năng ứng xử đa văn hóa và thái độ sống có văn hóa. Một người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa cần xác định rõ giải pháp để đạt được mục tiêu dạy học như sau:

+ Về kiến thức: Giáo viên tạo điều kiện cho học sinh được tiếp xúc với sự đa dạng của các nền văn hóa tồn tại trong cộng đồng dân cư. Trước hết, hãy để cho mỗi học sinh hiểu rõ hơn về chính nền văn hóa tộc người nơi các em được sinh ra.

Hoạt động dạy học trong môi trường đa văn hóa cần hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách, các năng lực tâm lý xã hội, hiểu biết về văn hóa...; giúp học sinh tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân, làm tiền đề cho mỗi cá nhân tạo dựng sự nghiệp và cuộc sống hạnh phúc sau này. Trong đó, **mục tiêu của giai đoạn giáo dục cơ bản** (từ lớp 1 đến lớp 9), tập trung vào việc hình thành phẩm chất nhân cách, thói quen, kỹ năng sống cơ bản: tích cực tham gia, kiến thiết và tổ chức các hoạt động; biết cách sống tích cực, khám phá bản thân, điều chỉnh bản thân; biết cách tổ chức cuộc sống và làm việc có kế hoạch, có trách nhiệm. Đặc biệt, ở giai đoạn này, mỗi học sinh bắt đầu xác định được năng lực, sở trường và chuẩn bị một số năng lực cơ bản cho người lao động công dân có trách nhiệm tương lai. **Bậc tiểu học:** hoạt động dạy học nhằm hình thành thói quen tự phục vụ, kỹ năng học tập, giao tiếp cơ bản; bắt đầu có các kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội. **Bậc trung học cơ sở:** nhằm hình thành lối sống tích cực, biết cách hoàn thiện bản thân, biết tổ chức cuộc sống cá nhân và làm việc có kế hoạch, tinh thần hợp tác, có trách nhiệm, có ý thức công dân và tích cực tham gia hoạt động xã hội.

Từ các hoạt động học tập đó, nền tảng cơ sở của kiến thức đa văn hóa được nẩy mầm từ chính cái gốc của truyền thống tộc người đã bao bọc các em khôn lớn. Người giáo viên cần giúp học sinh tìm hiểu cụ thể về nền văn hóa dân gian trong quá trình chuyển hóa và tiếp biến theo thời gian để có nền văn hóa hiện đại hôm nay. Người giáo viên cũng phải là người dẫn dắt học sinh đi từ những nét văn hóa trong sách vở hiển hiện trong thực tế cuộc sống, giúp các em hiểu sâu hơn về văn hóa để nói quá khứ với hiện tại... Thậm chí, đó còn là sự du nhập của các yếu tố văn hóa ngoại lai ... Tất cả những điều đó sẽ giúp từng học sinh đi sâu vào văn hóa địa phương vùng bằng chính nền văn hóa cộng đồng tộc người riêng lẻ. Qua đó, các em có sự nhận thức sâu, rộng, có sự hợp tác của các kiến thức liên ngành ... giúp các em linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong các hoạt động học tập cũng như trong cuộc sống.

+ Về kỹ năng: Giáo viên giúp các em hiểu biết về cuộc sống của các dân tộc trong vùng đa văn hóa thông qua sự giới thiệu của chính các thành viên trong lớp. Thông qua các giờ học trải nghiệm thực tế cấp tiểu học, cấp THCS như “Khám phá bản sắc văn hóa”, “Cùng nhau thực hành tổ chức lễ hội dân tộc”, “Dệt theo mẹ”, “Đan lát theo cha”, “Làm quả Pao”, “Khâu quả còn”, “Trò chơi truyền thống”, “Đi tìm bài thuốc dân gian”... người học cần tích hợp kiến thức chuẩn và thực hành từ đời sống văn hóa dân tộc, ở đó có cả bản sắc văn hóa và những lĩnh vực văn hóa đang giao thoa tiếp biến. Người giáo viên chỉ đóng vai trò hướng dẫn bao quát, chi tiết, kiên trì để học sinh các dân tộc thiểu số có thể cảm nhận, thích nghi, được tôn trọng, làm theo, xây dựng biểu tượng mới, bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ phổ thông, giúp các em tự tin học tập, phát triển năng lực cá nhân, đủ khả năng tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần hữu ích, trong mối liên hệ với bạn bè, thầy cô, gia đình, cộng đồng và xã hội. Và chính học sinh tiếp tục lại tạo ra một dạng thức đa văn hóa mới mang trong đó giá trị văn hóa truyền thống.

+ Thái độ: Dưới sự định hướng, dẫn dắt của giáo viên, học sinh được tham gia trải nghiệm các hoạt động học tập cùng nhau, các hoạt động thực tế ở vùng các cộng đồng dân tộc sinh sống. Các em sẽ có một cái nhìn mới về dân tộc mình, dân tộc bạn. Từ đó, trong chính bản thân các em sẽ tự hình thành cho mình ý thức tự hào về

cộng đồng dân tộc, vùng miền, tự hào về đất nước. Chính điều đó tạo nền tảng cho sự bình đẳng, cảm thông, chia sẻ, yêu thương lẫn nhau giữa các học sinh.

3.2.2. Mục tiêu về chương trình

Giáo dục đa văn hóa là một mô hình giáo dục với chiều sâu và bề rộng trải dài theo thời gian và không gian văn hóa dân tộc, vùng dân tộc. Chính vì thế, chương trình giáo dục đa văn hóa cũng phải bao quát được những đặc điểm đó. Chương trình giáo dục đa văn hóa có thể được chú ý xây dựng, thiết kế giảng dạy theo những điểm sau:

+ Giáo dục đa văn hóa phải xuất phát từ việc giáo dục văn hóa của một tộc người đa số và phát triển rộng ra là văn hóa vùng. Việc tìm hiểu văn hóa của một tộc người cho thấy sự quan trọng của văn hóa tộc người đó đối với dân tộc của họ nói riêng và vùng văn hóa nói chung. Từ đó, lòng tự tôn dân tộc được nâng lên và chính những người con của tộc người sẽ chú ý giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa vốn có của dân tộc mình. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu về các nền văn hóa tộc người khác nhau sẽ tạo ra sự cạnh tranh ngầm lành mạnh giữa các tộc người. Tộc người này thấy tộc người kia phát triển hơn, tốt đẹp hơn, văn hóa còn lưu giữ được nhiều hơn ... họ sẽ cố gắng duy trì và phát triển vốn văn hóa của dân tộc mình cho bằng các dân tộc khác. Tất cả những điều đó tạo nên một bộ mặt văn hóa vùng sâu, rộng và phong phú hơn nhiều.

+ Chương trình giảng dạy phải bao gồm cả nền văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần. Triết học duy vật biện chứng đã chỉ ra rằng: vật chất quyết định ý thức. Chính vì vậy, nền văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số cũng rất phong phú và đa dạng. Cũng trên nền vật chất ấy văn hóa tinh thần mới nảy nở. Vì thế, cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần đều quan trọng đối với đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số. Hơn thế nữa, đời sống tinh thần còn là tấm gương phản ánh sự no đủ về vật chất và sự no đủ về vật chất lại làm nền tảng cho sự thăng hoa về tinh thần. Hai yếu tố này không thể tách rời nhau được.

+ Giới thiệu và giảng dạy văn hóa phải nối liền từ quá khứ đến hiện tại. Văn hóa của một dân tộc là sự phát triển có kế thừa và tiếp biến. Vì vậy, khi giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, người giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu để thấy được chiều sâu văn hóa tộc người của chính các em. Qua quá trình tìm hiểu,

học sinh sẽ thấy được sự thăng trầm trong quá trình hình thành nên nền văn hóa dân tộc mình ngày nay. Cũng có thể qua sự tìm hiểu, chính các em sẽ thấy được vai trò của nền văn hóa tộc người riêng lẻ góp phần tạo nên bộ mặt văn hóa to lớn của vùng.

3.2.3. Mục tiêu về phương pháp giảng dạy

Dạy học đa văn hóa cũng giống như các hoạt động dạy học khác. Vì thế, hoạt động dạy học này cũng áp dụng tất cả các phương pháp dạy học tích cực được ưa chuộng hiện nay như: dạy học theo tình huống có vấn đề, dạy học theo lối vấn đáp, lớp học đảo ngược, dạy học qua trải nghiệm... Tuy nhiên, do đặc thù đa văn hóa và mang tính chất vùng miền, hình thức dạy học này có thể được tổ chức theo các kiểu dạy học sau:

+ Dạy học trên lớp: Đây là phương thức dạy học mà người giáo viên chuẩn bị tất cả về mọi mặt để thuyết trình cho học sinh nghe nhìn. Giáo viên có thể sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ quá trình giảng dạy để mang lại hiệu quả học tập cao nhất. Sự chuẩn bị bài của giáo viên rất tốt, đảm bảo chiều sâu và độ chi tiết. Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương pháp này vì dễ gây mệt mỏi cho người học.

+ Dạy học kết hợp với các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, sân khấu hóa. Hiện nay dạy học trải nghiệm giữ vai trò quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Nó được coi là một bộ phận của quá trình giáo dục, được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học trên lớp. Thông qua các hoạt động thực hành tập thể trên tinh thần tự chủ, với sự nỗ lực giáo dục, để học sinh hành động cụ thể, nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo có mục đích, có tổ chức, được thực hiện trong hoặc ngoài nhà trường nhằm phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân học sinh, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời quan tâm, chia sẻ tới những người xung quanh. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, học sinh được phát huy vai trò chủ thể, tính tích cực, tự giác và sáng tạo của bản thân. Các em được chủ động tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động: từ thiết kế hoạt động, chuẩn bị,

thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của bản thân. Các em được bày tỏ quan điểm, được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè, Từ đó, hình thành và phát triển cho các em những giá trị sống và các năng lực cần thiết.

+ Dạy học kết hợp với đi thực tế địa bàn: Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu về một hoặc một số vấn đề liên quan đến nội dung đa văn hóa. Sau khi hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị xong, giáo viên có thể yêu cầu học sinh trình bày cho mình đánh giá kết quả. Tiếp đó, giáo viên cùng học sinh đi thực tế đến nơi có nội dung văn hóa mà học sinh đã trình bày lúc trước. Từ đó, đối chiếu so sánh giữa phần văn bản là những kiến thức tìm hiểu trong sách vở và tìm hiểu thực tế ngoài đời thực. Kết quả so sánh đó cũng sẽ giúp các em có hiểu biết sâu sắc hơn về một vấn đề văn hóa.

+ Dạy học theo hình thức tổ chức hoạt động nhóm hành động: Đây là hình thức mà giáo viên yêu cầu khả năng hoạt động nhóm của học sinh với tính chất tập trung tinh thần cao độ. Giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện bằng cách giao cho học sinh một vấn đề nào đó liên quan đến đa văn hóa. Sau đó, chia lớp theo các nhóm và yêu cầu các em tự bầu nhóm trưởng và tự lên kế hoạch tổ chức các hoạt động của nhóm. Sau khi phân công nhóm xong, giáo viên có thể đi cùng và giám sát học sinh làm việc. Bản thân học sinh phải đi thu thập xử lý tài liệu, thậm chí đi thực tế tại địa phương, nơi xuất phát của nét văn hóa mà giáo viên yêu cầu tìm hiểu. Bản thân người giáo viên chờ đợi kết quả từ các nhóm học sinh và đánh giá. Phương pháp này giúp các em rèn kỹ năng hoạt động nhóm cũng như khả năng chỉ đạo và phối hợp tác chiến, ứng phó với tình huống thực tế của học sinh.

- Ngoài ra, dạy học đa văn hóa thông qua các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động giao lưu, lễ hội, tham quan, cuộc thi, câu lạc bộ... cũng là những phương pháp dạy học tích cực. Bằng các trò chơi như ô chữ, hái hoa dân chủ ... giáo viên chủ động tổ chức cuộc vui theo một chủ đề nhất định. Qua đó, nội dung văn hóa cũng được truyền tải một cách sinh động, không nhàm chán.

3.2.4 Mục tiêu về sự phối hợp đào tạo bồi dưỡng người học trong môi trường đa văn hóa

- Cán bộ quản lý

Đội ngũ nhân sự tham gia vào giáo dục đa văn hóa trong trường học bao gồm đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, phục vụ đào tạo có tác động đến người học. Về mặt tổ chức, cần chú ý đến yếu tố thành phần nhân sự và yếu tố năng lực nhân sự trong công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ ở cả hai nhóm: nhóm đào tạo, phục vụ và nhóm được đào tạo, phục vụ. Nguồn nhân lực phục vụ cho giáo dục đa văn hóa rất quan trọng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra: đội ngũ của nhà trường phải có năng lực văn hóa và trong chừng mực tối đa có thể được đa dạng về dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ, phải có hiểu biết đa văn hóa, có khả năng liên kết với các cộng đồng ngoài xã hội nhằm tạo môi trường tích cực với các quan điểm, kinh nghiệm đa dạng. Do vậy, năng lực đa văn hóa là giá trị quan trọng của hoạt động cán bộ quản lý. Về năng lực của đội ngũ lãnh đạo cấp trường, cấp phòng ban phải năng động, có trình độ hiểu biết và sáng kiến đổi mới theo hướng hội nhập, đa số có kinh nghiệm về văn hóa các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc.

Cán bộ quản lý cần được quan tâm từ thành phần, số lượng đến năng lực của đội ngũ, chính sách tuyển dụng, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp. Về năng lực thiết kế chương trình đào tạo, nhiều giáo viên chưa biết cách triển khai tích hợp yếu tố đa văn hóa cụ thể vào việc xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương môn học một cách khoa học, bài bản. Ngoài ra, mặc dù ý thức cao về giá trị hội nhập, đa văn hóa và có kỹ năng tự học nhưng nhiều giáo viên chưa biết vận dụng các phương pháp giảng dạy hướng về tự nghiên cứu, so sánh các vấn đề đa văn hóa và hướng dẫn, theo dõi hoạt động này ở người học.

Đội ngũ cán bộ chuyên viên phục vụ đào tạo chưa có trình độ hiểu biết về văn hóa dân tộc thiểu số, kinh nghiệm văn hóa xã hội nhiều, phải qua đào tạo về giao tiếp liên văn hóa theo yêu cầu của nhà trường.

- Cha mẹ học sinh

Học sinh gắn bó với gia đình là điều hiển nhiên. Vì thế, cha mẹ học sinh là những người tạo nền tảng đầu tiên cho các em trong quá trình hình thành nhân cách, kỹ năng sống và các phẩm chất văn hóa khác. Trong hoạt động giáo dục đa văn hóa,

cha mẹ học sinh có vai trò quan trọng trong quá trình lập nền tảng đa văn hóa cho học sinh. Cụ thể:

+ Cha mẹ học sinh trước hết phải được giác ngộ về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống của dân tộc. Đồng thời, Nhà nước cũng ủng hộ đặc biệt đối với việc phát triển mọi mặt đời sống của bà con dân tộc thiểu số trong đó có văn hóa.

+ Cha mẹ học sinh phải được tuyên truyền về vị trí, vai trò của mô hình giáo dục đa văn hóa, đồng thời họ cũng phải thấy được giá trị của các nền văn hóa tộc người trong nền văn hóa vùng miền và nền văn hóa chung của cả nước. Từ đó, trong con người họ tự có ý thức gìn giữ, bảo tồn, phát triển và mở rộng vốn văn hóa của chính dân tộc họ và của cả vùng miền.

+ Cha mẹ là người dẫn học sinh những bước chân đầu tiên vào con đường đa văn hóa thông qua truyền dạy và giao lưu. Chính vì thế, để phát huy tốt hơn vai trò của cha mẹ trong công cuộc giáo dục đa văn hóa thì bản thân cha mẹ cũng phải được tham gia tập huấn về các kỹ năng liên quan đến giáo dục đa văn hóa. Họ cũng cần được giao lưu, học hỏi để mở rộng kiến thức và sự hiểu biết, họ cũng cần phải được tham gia một số các hoạt động học tập cơ bản để từ đó biết cách hỗ trợ nhà trường trong giáo dục con cái. Qua học tập, tập huấn, họ cũng được nâng cao nhận thức và mở rộng hiểu biết, tăng khả năng giao lưu và ứng xử đa văn hóa.

3.3. Các nhóm giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa

Các giải pháp nâng cao năng lực dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa không tồn tại đơn lẻ, rời rạc mà có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành chỉnh thể thống nhất. Do vậy, những giải pháp được trình bày dưới đây theo các nhóm có nội dung liên quan, có tính chất hỗ trợ tương đối trong mối liên hệ, tác động, chi phối lẫn nhau.

3.3.1. Nhóm giải pháp điều kiện

Nhóm giải pháp điều kiện tập trung giải quyết những vấn đề về xây dựng môi trường giáo dục, yếu tố đầu tiên tác động đến chất lượng giáo dục. Môi trường giáo dục vừa phản ánh điều kiện, bối cảnh đầu vào của các cấp học, vừa là sự tác động quá trình giáo dục đồng thời cũng là đầu ra của sản phẩm giáo dục phổ thông.

Nhóm giải pháp điều kiện gồm các giải pháp cụ thể sau:

Giải pháp 1: Nâng cao nhận thức của mỗi người dân với giáo dục, coi gia đình là nhân tố cốt lõi cho sự phát triển giáo dục trong môi trường đa văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp: Nhằm nâng cao nhận thức của mỗi gia đình đối với giáo dục, để giáo dục trở thành chiến lược ưu tiên phát triển của mỗi gia đình dân tộc thiểu số khu vực miền núi, từ đó mỗi gia đình HS thực sự trở thành nguồn khích lệ, bồi dưỡng nền văn hóa bản địa nhưng cũng sẵn sàng đón nhận những văn hóa tích cực bên ngoài mang đến cho con trẻ. Gia đình là cội nguồn thúc đẩy giáo dục ở những nơi này, tạo cho HS tâm lí sẵn sàng đi học và hạn chế tình trạng nghỉ học hoặc bỏ học giữa chừng của HS.

b. Cơ sở của giải pháp: Giáo dục và kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau, không thể có một nền kinh tế vững mạnh trong một xã hội có nền giáo dục yếu kém, ngược lại một nền kinh tế vững mạnh là điều kiện quan trọng để giáo dục của đất nước đó phát triển hơn. Qua thực trạng tìm hiểu nguyên nhân yếu kém của giáo dục khu vực miền núi phía Bắc chúng tôi nhận được rất nhiều ý kiến cho rằng do *kinh tế khó khăn nên nhiều gia đình không có điều kiện cho con đến trường, sẵn sàng đồng ý cho con nghỉ học dài hạn hoặc bỏ học giữa chừng để đi nương, làm rẫy kiếm sống*. Điều đó làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục của các tỉnh miền núi. Như vậy, nâng cao nhận thức của mỗi gia đình với giáo dục, coi nghèo đói là hệ quả tất yếu của sự thất học là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của các khu vực dân tộc thiểu số.

c. Cách thức thực hiện:

- Tăng cường các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức của nhân dân trong vùng đa văn hóa về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và đối với sự phát triển kinh tế của mỗi gia đình nói riêng.

- Tuyên truyền cho người dân hiểu biết và thực hiện tốt pháp lệnh đưa trẻ đến trường, giúp cho mỗi bậc cha mẹ HS hiểu được việc cho trẻ đến trường đúng tuổi là một bổn phận của những người làm cha, mẹ.

- Các Sở GD&ĐT cần có những kiến nghị với UBND tỉnh để có những chính sách phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với ngành giáo dục trong việc vận động trẻ em đến trường ở khu vực đa văn hóa đúng độ tuổi.

d. Điều kiện thực hiện:

- Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền cho các bậc cha mẹ đưa con đến trường đúng độ tuổi, đúng lớp học.

- UBND tỉnh và các cấp chính quyền ở khu vực giáo dục đa văn hóa phải xây dựng được chế tài bắt buộc các gia đình đưa trẻ đến trường theo đúng quy định.

Giải pháp 2: Tiến hành cuộc cách mạng về giáo dục từ góc nhìn văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp:

- Nhằm giúp người học nhận ra những giá trị tích cực của văn hóa. Văn hóa luôn là một quá trình tiếp biến vừa chọn lọc những cái mới mẻ lại vừa kế thừa những giá trị quá khứ đã được khẳng định. Thông qua giáo dục văn hóa được gìn giữ bởi con người, văn hóa do con người tạo nên và hướng tới cuộc sống của chính con người.

- Xây dựng môi trường xã hội thay đổi căn bản từ nhận thức, hành vi và lối sống, ứng xử văn hóa vì nó là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người trong khu vực đa văn hóa.

b. Cơ sở của giải pháp:

Giáo dục và văn hóa có quan hệ chặt chẽ với nhau, giáo dục định hướng để văn hóa phát triển theo khuynh hướng tích cực. Văn hóa có tác động trở lại đối với giáo dục.

c. Cách thức thực hiện:

- Chính quyền địa phương cần xây dựng các chế tài pháp lý để người dân phải tự giác tuân thủ việc cho con đi học như là một văn hóa giáo dục. Khi đó, vai trò chủ đạo của giáo dục mới thực sự được thể hiện rõ nét, học vấn phổ thông mới thực sự có vai trò là nền tảng cho sự trưởng thành của con người.

- Các phương tiện truyền thông cần tuyên truyền, nêu gương về sự thành công không chỉ của những trí thức, công chức mà cả những người lao động đối với việc quan tâm tới trẻ đến trường. Tào du luận xã hội lành mạnh có ảnh hưởng tích cực đến trách nhiệm hành vi đạo đức, văn hóa của con người. Điều này có tác dụng tích cực, động viên, khuyến khích các em HS học tập, lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp với năng lực và sở trường của bản thân.

- Đẩy mạnh vai trò của dòng họ trong việc khuyến khích, động viên con cháu

đến trường. Có hoạt động vinh danh các gia đình, dòng họ có nhiều con cháu chăm ngoan, học giỏi và lao động tốt nhằm hình thành nhu cầu học tập thường xuyên ở vùng dân tộc miền núi.

d. Điều kiện thực hiện:

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền của tỉnh và các cấp lãnh đạo địa phương phải là các nhân tố điển hình trong phong trào học tập suốt đời, là tấm gương của dòng họ về lòng say mê học tập và lao động.

- UBND các tỉnh là cơ quan chỉ đạo trong việc phối hợp giữa Sở GD&ĐT, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình của tỉnh trong việc xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình về văn hóa – giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, trong đó chú trọng đến các yếu tố dòng họ, bản sắc văn hóa dân tộc nhằm hình thành nhu cầu học tập thường xuyên trong nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng có hiệu quả tri thức địa phương, thay đổi nhận thức xã hội về giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp – việc làm cho thanh niên.

Giải pháp 3: Tăng cường xây dựng hệ thống các trường nội trú, bán trú cho các huyện thuộc tỉnh

a. Mục tiêu của giải pháp:

Tập trung nguồn nhân lực và kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống các trường nội trú, bán trú cho các vùng dân tộc thiểu số; khắc phục tình trạng HS đến trường không đúng độ tuổi hoặc bỏ học vì điều kiện đi lại khó khăn, xóa bỏ tình trạng việc tự học tại nhà, nâng cao hiệu quả quản lý các em HS học xa nhà đồng thời nâng cao vốn tiếng Việt cho HS thông qua môi trường sống.

b. Cơ sở của giải pháp:

Mô hình các trường dân tộc nội trú hoặc bán trú là một trong những thành công lớn của giáo dục nước ta trong thời kì vừa qua, vì việc thành lập các trường nội trú và bán trú, đặc biệt là các trường dân tộc nội trú giúp cho việc đi lại của HS bớt khó khăn. Các em được giao tiếp, học tập theo khóa lớp. Hơn nữa, khi được học trong các trường dân tộc nội trú các em có điều kiện tập trung thời gian vào học tập, có GV hướng dẫn học tập, có môi trường để giao tiếp bằng tiếng Việt. Mặt khác, việc thành lập các trường dân tộc nội trú còn giúp cho Sở GD&ĐT tránh được sử dụng

GV một cách lãng phí, tránh việc đầu tư cơ sở vật chất dàn trải và thiếu hiệu quả.

c. Cách thức thực hiện:

- Sở GD&ĐT các tỉnh cần khảo sát xây dựng các đề án sắp xếp, bố trí lại cơ cấu các trường, ưu tiên việc thành lập các trường nội trú liên cấp, đặc biệt cho cấp THCS.

- Sở GD&ĐT phối hợp với gia đình HS và chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch (công khai quyền lợi và nghĩa vụ của người học), tuyển chọn, tổ chức cho những HS vùng điều kiện đi lại khó khăn học tập trong các trường nội trú, bán trú.

- Thực hiện quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục kỹ năng sống cho HS các trường nội trú, bán trú theo quy định; tăng tỉ lệ trẻ bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học.

- Thành lập các trường phổ thông dân tộc bán trú góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dạy học và bảo đảm kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS bền vững ở khu vực giáo dục đa văn hóa.

- Mỗi trường dân tộc nội trú cần xây dựng kế hoạch cụ thể cho HS về các hoạt động học tập chính khóa, tự học và tham gia lao động trong các vườn trường để rèn luyện phẩm chất đồng thời cải thiện cuộc sống và giảm chi phí đóng góp cho gia đình.

d. Điều kiện thực hiện:

- Sở GD&ĐT, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh cần có đề xuất với UBND tỉnh về việc xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú của các huyện trong địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh cần tích cực chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách giáo dục dân tộc và khuyến khích đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống các trường nội trú, bán trú.

- Chỉ đạo các đơn vị đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt cho HS dân tộc. Xây dựng và triển khai tốt các phương án dạy tiếng Việt cho HS dân tộc ở cấp tiểu học. Tổ chức tốt việc chuẩn bị và tăng cường tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số ở bậc học mầm non, cấp học tiểu học phù hợp với từng địa phương. Đối với các lớp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5, chỉ đạo GV thường xuyên hỗ trợ tăng cường dạy tiếng Việt cho HS dân tộc trong bài giảng. Thực hiện quy trình dạy học theo sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT đối với trẻ em vùng dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo chất lượng giáo dục.

Giải pháp 4: Những yêu cầu về cơ sở vật chất đối với dạy học trong môi trường đa văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp:

- Nhằm tạo ra môi trường học tập khang trang, ổn định cho người học khu vực đa văn hóa

- Cơ sở giáo dục đa văn hóa cần được đầu tư phát triển thêm về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị góp phần hiệu quả cho giáo dục đa văn hóa trong nhà trường trong tương lai.

b. Cơ sở của giải pháp:

- Trước hết, về khía cạnh cơ sở hạ tầng, thiết bị, bối cảnh vật chất phải đáp ứng được yêu cầu sao cho mọi người có cơ hội tiếp cận và tạo môi trường an toàn, thoải mái.

-Tiếp đến không gian, môi trường, khung cảnh sư phạm: nên đề xuất xây dựng hệ thống các triển lãm, bảo tàng, thư viện cung cấp hình ảnh, hiện vật, tư liệu... phong phú về những nền văn hóa đa dạng của các dân tộc trong nước và quốc tế, phục vụ cho công việc tham quan, nghiên cứu, học tập, đặc biệt không gian cho các ngày hội văn hóa. Bên cạnh đó, người giáo viên còn cần quan tâm đến việc bố trí hợp lý sách trong thư viện nhằm thể hiện yếu tố đa văn hóa, có sự đại diện đa dạng của các nền văn hóa của các dân tộc thiểu số trong vùng, của cả nước và trên thế giới, hình thành các thư viện đa văn hóa thật sự đề đội ngũ nhân sự hoạt động trong môi trường đa văn hóa và học sinh được tương tác với các nền văn hóa khác nhau một cách thường xuyên nhất.

- Người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa cần chú ý đến việc tạo nền tảng cơ sở để hoạt động dạy và học diễn ra đảm bảo thuận lợi nhất về mọi mặt. Có thể dễ dàng nhận ra rằng, không gian văn hóa, bối cảnh văn hóa, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học là khía cạnh rất quan trọng trong giáo dục đa văn hóa để giúp người học thực sự được trải nghiệm cảm giác thực tế trong môi trường đa văn hóa.

- Không gian trưng bày và học tập rất quan trọng góp phần gia tăng hiệu quả giáo dục đa văn hóa với bối cảnh trực quan sinh động như nhà bảo tàng, phòng triển lãm, hiện vật, tranh ảnh, tư liệu, thư viện, phòng chiếu phim...cùng các loại phòng

ốc, giảng đường, khuôn viên trường, phòng thực hành... Như vậy, về tổ chức không gian phòng ốc, người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa cần có sự kết hợp với các tổ chức trong trường, các cấp các ngành có liên quan hoàn tất triển khai dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng. Các phòng học phải được sử dụng riêng theo đặc thù môn học, phải được khai thác tối đa, phải có dãy phòng học dành riêng, các phòng chuyên dụng cho các môn học đặc thù. Phải có sự trang trí không gian phòng học mang tính đa văn hóa với tranh ảnh tượng trưng cho các nền văn hóa của các dân tộc trong vùng văn hóa và đất nước theo đặc thù ngành học.

- Ngoài các hình ảnh trực quan sinh động, sinh viên cũng cần không gian bàn ghế được sắp xếp thuận tiện cho việc trao đổi, thảo luận để thực hành kỹ năng giao tiếp, hợp tác theo yêu cầu của giáo dục đa văn hóa. Bàn ghế cố định là một trở ngại lớn cho giáo dục đa văn hóa vì giảng dạy đa văn hóa cần tiến hành các hoạt động một cách linh hoạt, đa dạng, cần di chuyển nhiều, thảo luận nhiều. Thêm vào đó, khung cảnh sư phạm đa văn hóa cần được quan tâm đúng mức, các tranh ảnh hiện vật về văn hóa phải thường xuyên được trưng bày nhằm góp phần giúp người học học hỏi về văn hóa của các dân tộc khác, văn hóa của các nước khác một cách trực quan sinh động hơn.

c. Cách thức thực hiện:

-Giảng dạy đa văn hóa ở thời đại ngày nay, công nghệ thông tin bùng nổ cho nên các trang thiết bị điện tử và phương tiện công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đa văn hóa. Người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa cần lưu ý việc khai thác phim ảnh, truyền hình, đa phương tiện truyền thông để mở rộng những hiểu biết về tình hình các dân tộc trong nước và bối cảnh toàn cầu trong thời đại toàn cầu hóa.

-Bên cạnh đó, để phục vụ cho mục tiêu giáo dục đa văn hóa, người giáo viên còn phải biết tận dụng các trang thiết bị kỹ thuật điện tử phục vụ hiệu quả cho việc học tập và phát triển kỹ năng học tập suốt đời của học sinh trong môi trường giáo dục của mình cũng như của mọi công dân toàn cầu gồm: băng, đĩa các loại, phần mềm, phòng lab, phương tiện học tập có sự hỗ trợ của máy tính và Internet, đa phương tiện truyền thông, đặc biệt công nghệ có sử dụng máy tính là những phương tiện rất quan trọng trong việc học văn hóa, giao tiếp liên văn hóa. Nhu cầu sử dụng trang thiết bị dạy học của nhà trường chủ yếu là hệ thống thiết bị hỗ trợ nghe nhìn là

tất yếu. Phải đảm bảo có đủ các thiết bị đào tạo, máy tính, máy ghi âm, máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim, phần mềm tin học chuyên dùng.

-Hệ thống mạng internet của trường thường xuyên được tăng cường dung lượng và tốc độ. Ngoài ra, các phương tiện điện tử và truyền thông phục vụ cho giáo dục đa văn hóa để chiếu phim ảnh, sưu tập băng đĩa phục vụ giảng dạy cũng phải đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng để hoạt động giáo dục diễn ra suôn sẻ.

d. Điều kiện thực hiện:

- Sự quan tâm đầu tư cho giáo dục phổ thông khu vực dân tộc miền núi của các ngành các cấp.

- Yếu tố quan trọng là người giáo viên cần tự học nâng cao trình độ tin học, sử dụng tốt công nghệ thông tin để giúp người học tiếp cận với kho tri thức ngày càng gia tăng của nhân loại.

- Kêu gọi các tổ chức cá nhân tài trợ xây dựng hệ thống kí túc xá cho các trường, trường lớp kiên cố, phòng học hiện đại có sức hấp dẫn đối với người học khu vực đa văn hóa.

3.3.2. Nhóm giải pháp quản lý

Giải pháp 1: Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp:

- Nhằm nâng cao nhận thức của người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, nơi ấy có nhiều khó khăn, nơi ấy cần sự tận tâm, tận tình của giáo viên các thế hệ.

- Xây dựng môi trường giáo dục không định kiến, một nền giáo dục bình đẳng, khoan dung, chấp nhận sự khác biệt giữa các tộc người.

b. Cơ sở của giải pháp:

- Trong quá trình khảo sát thực trạng, phân tích những nguyên nhân để đưa ra những giải pháp, chúng ta nhận thấy yếu tố đầu tiên là nâng cao nhận thức về vấn đề giáo dục trong môi trường đa văn hóa cho cán bộ quản lý, giáo viên về những khó khăn thuận lợi của môi trường giáo dục đa văn hóa.

- Đặc biệt là xóa bỏ những thành kiến định kiến, kỳ thị với học sinh, phụ huynh trong khu vực giáo dục này. Muốn được như vậy thì nhóm giải pháp đầu tiên

được đề cập đó chính là nâng cao phẩm chất chính trị của người giáo viên Tiểu học, Trung học cơ sở nói riêng và các cán bộ, giáo viên trong môi trường đa văn hóa nói chung.

c. Cách thức thực hiện:

Nâng cao phẩm chất chính trị của người giáo viên

Trong suốt cuộc đấu tranh trường kỳ dựng nước và giữ nước, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn vinh nghề dạy học và vị trí cao cả của người thầy, Bác Hồ đã nói: “ Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa cộng sản. Người thầy giáo tốt – thầy giáo xứng đáng là thầy giáo – là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII khẳng định đội ngũ giáo viên giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục và được xã hội tôn vinh. Thời đại ngày nay, vị trí vai trò quan trọng của người giáo viên trong hoạt động giáo dục càng được khẳng định. Để đáp ứng được nhiệm vụ trong tình hình mới, người giáo viên cần có sự vững vàng về bản lĩnh chính trị bởi đó là nền tảng nòng cốt tạo nên phẩm chất kiên định của một người giáo viên nhân dân có tinh thần đổi mới giáo dục.

Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo

Thời đại ngày nay, tri thức không còn là sự độc quyền ở người thầy mà bản thân người học có thể tìm kiếm tri thức ở nhiều nguồn khác nhau. Người thầy lúc này đóng vai trò là cầu nối giữa người học với tri thức, là người định hướng, là một trong những kênh để cung cấp tri thức cho người học. Và giáo dục luôn được xem là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, vai trò của người giáo viên càng được đặc biệt được coi trọng, chức năng của người giáo viên có nhiều thay đổi và yêu cầu đối với nhân cách người giáo viên cũng ngày càng cao hơn.

Người giáo viên, bên cạnh việc truyền đạt kiến thức cho học sinh còn cần gần gũi, thấu hiểu quan tâm đến học sinh mà mình giảng dạy, nhất là những giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa. Bởi lẽ, đây là môi trường mà đa số học sinh là con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các thầy cô cần quan tâm đến các em bằng tấm lòng nhân ái, bao dung như người cha, người mẹ, cần thấu hiểu hoàn cảnh học sinh những thuận lợi, khó khăn, cần gần gũi, tiếp xúc trò chuyện với các em

nhều hơn, tạo sự thân thiện, tin tưởng để các em bộc lộ tình cảm, giúp tư vấn tâm lý học đường cho các em.

Người giáo viên cần giáo dục nhận thức của học sinh về mục tiêu, ý nghĩa của hoạt động tập thể trong nhà trường. Động viên các em tham gia tốt các phong trào thi đua của trường, của liên đội: thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào từ thiện, nhân đạo. Giáo viên cần giúp các em hiểu được mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia tích cực các phong trào tập thể. Có như vậy, học sinh mới phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, nhằm hình thành nhân cách...

Bên cạnh đó, người giáo viên phải có thể giới quan khoa học: là người luôn phấn đấu học tập, không ngừng nâng cao kiến thức, có năng lực tổ chức thực hiện thành công quá trình dạy học và giáo dục; Luôn là tấm gương sáng cho mọi người: giáo viên vừa là người thầy vừa là người bạn lớn thân thiết của học sinh.

Giao tiếp và ứng xử của người thầy trong môi trường đa văn hóa

Ứng xử được hiểu là sự phản ứng của con người đối với sự tác động của người khác đến với mình trong một tình huống cụ thể nhất định... phản ứng có sự lựa chọn, có tính toán, thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng – tùy thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả giao tiếp cao nhất. Theo từ điển tiếng Việt thì ứng xử là có thái độ, hành động, lời nói được thể hiện trong một tình huống giao tiếp nhất định. Như vậy, các quan điểm trên đều cho thấy ứng xử có các đặc điểm như: thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói; cách thức thể hiện theo nguyên tắc, quy tắc ứng xử nào đó mà con người hiểu biết và được chấp nhận trong một nền văn hóa hoặc theo tính cách con người; nhằm ứng phó và xử lý các tình huống xã hội (thường gắn liền với bối cảnh giao tiếp) hoặc tự nhiên. Do đó, ứng xử sẽ rất khác nhau ở các nền văn hóa – xã hội và nhóm đối tượng khác nhau, tùy thuộc vào mối quan hệ trong các bối cảnh và ngành nghề khác nhau.

Có thể nói, môi trường giáo dục đa văn hóa là một môi trường giao tiếp đa dạng, phức tạp và khá nhạy cảm. Vì thế, bản thân người giáo viên cần hiểu rõ hơn ai hết về vị trí, vai trò, trách nhiệm cũng như tầm ảnh hưởng của mình đối với học

sinh, với những người xung quanh hoạt động trong môi trường giáo dục đa văn hóa. Có thể cụ thể bằng các hoạt động sau:

Người giáo viên cần có thái độ hòa nhập khi ứng xử trong giao tiếp

Giáo dục đa văn hóa đòi hỏi thái độ ứng xử hòa nhập với các nhóm cộng đồng khác nhau trong vùng lãnh thổ và cả nước theo những giá trị tiên bộ chung của dân tộc. Các thế hệ vẫn biết giữ gìn và phát huy bản sắc những giá trị truyền thống tốt đẹp của tộc người, thể hiện bản lĩnh văn hóa, tối ưu hóa việc học hỏi để thành công trong thời đại toàn cầu hóa, đồng thời đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại, làm phong phú thêm bức tranh đa dạng sinh động của dân tộc, của xã hội loài người. Giáo dục đa văn hóa dựa trên giá trị dân chủ, khẳng định sự đa dạng các nền văn hóa trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau, đòi hỏi tính hai mặt trong ứng xử: vừa hòa nhập để hợp tác, phát triển vừa không hòa tan mà vẫn tồn tại trong sự đa dạng. Hòa nhập được xem là giá trị quan trọng, thể hiện ý thức trách nhiệm là thành viên của một cộng đồng thế giới rộng lớn với các liên kết xuyên lãnh thổ, cùng giải quyết các vấn đề chung toàn dân tộc, tận dụng được những cơ hội hợp tác để cùng phát triển đất nước, tiếp thu chọn lọc tinh hoa các dân tộc để tự điều chỉnh bản thân, được làm bạn với các dân tộc khác.

Để hòa nhập, một người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa cần thể hiện vai trò của một cái tôi công dân gương mẫu, phải có ý thức văn hóa tốt, vừa là công dân của cộng đồng tộc người, vừa là công dân của quốc gia, có khả năng giao tiếp xuyên văn hóa. Yếu tố tộc người và quốc gia luôn cùng tồn tại dù đôi khi giữa chúng có những mâu thuẫn đòi hỏi sự dung hòa hợp lý, khéo léo. Người giáo viên cũng phải hiểu và ứng xử theo những giá trị tiên bộ chung được thể hiện qua những hành vi như trung thực, khoan dung, bình đẳng, tôn trọng, thái độ tích cực hành động vì lợi ích chung. Ứng xử hòa nhập của người giáo viên đa văn hóa còn thể hiện ở thái độ cởi mở, thân thiện và hòa hợp, tuân thủ quy định của môi trường văn hóa khác khi tiếp xúc, quan tâm tìm hiểu, tích cực học hỏi, cầu thị, nỗ lực vượt qua khó khăn, trở ngại để thích ứng. Quy trình trải nghiệm khác biệt văn hóa và thay đổi thái độ ứng xử văn hóa là rất quan trọng. Mỗi người giáo viên đi từ giai đoạn lấy mình làm trung tâm, có thành kiến với những người đến từ nền văn hóa khác đến thái độ dần dần chấp nhận cái khác biệt, rồi đến bậc cao hơn nữa là tìm

cách khám phá, thích nghi, thông cảm và sau cùng là hòa nhập mở rộng tầm nhìn về văn hóa với thái độ khoan dung văn hóa thật sự. Kế tiếp, người giáo viên đa văn hóa cần tuyên truyền, vận động và định hướng học sinh của mình cùng ứng xử hòa nhập trong môi trường đa văn hóa. Như vậy, người giáo viên mới có thể hoàn thành khâu cuối mà sứ mệnh của mình đã được giao phó. Và có thể thấy, hòa nhập là cấp độ ứng xử cao nhất, lý tưởng nhất của giáo dục đa văn hóa, tốn nhiều thời gian và đòi hỏi sự phấn đấu liên tục không ngừng nghỉ cả cuộc đời của người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa.

Người giáo viên cần có thái độ bình đẳng trong ứng xử đa văn hóa:

Bình đẳng là giá trị xuất hiện sớm nhất trong giáo dục đa văn hóa. Các chủ thể tham gia vào giáo dục trong môi trường đa văn hóa xuất phát từ nhiều nguồn gốc với các đặc điểm khác nhau về năng lực, nhu cầu, điều kiện, hoàn cảnh, nhất là khi đến từ các nền văn hóa khác nhau trong môi trường thiểu số hóa. Vì thế, người giáo viên tham gia giảng dạy cần hiểu rõ ý nghĩa của giá trị bình đẳng là hỗ trợ, tạo cơ hội cho các nhóm yếu thế, bất lợi gặp khó khăn trong môi trường chung có được khả năng và điều kiện để phát triển như các nhóm khác trong lớp học. Đồng thời, giáo viên có những đòi hỏi khác biệt sao cho phù hợp với từng nhóm đối tượng, tránh tình trạng cào bằng gây khó khăn cho những đối tượng không có khả năng đáp ứng được. Điều này phù hợp với triết lý lấy người học làm trung tâm mang tính cá nhân hóa cao, giúp toàn thể học sinh phát triển tối đa theo năng lực cá nhân của các em để thành công trong tương lai. Không chỉ học sinh thuộc các nhóm thiểu số học hỏi để hòa nhập mà cả học sinh thuộc các nhóm dân tộc đa số cũng phải học hỏi về các nhóm thiểu số đa dạng và các giá trị ngoài đặc trưng dân tộc mình mới có thể làm việc hòa hợp, hiệu quả khi tiếp xúc với các nhóm khác. Đôi khi, chính những học sinh thuộc các dân tộc đa số lại trở thành thiểu số trong bối cảnh môi trường khác. Môi trường tiếp xúc trong hệ thống giáo dục đa văn hóa là môi trường phức tạp, biến đổi và mang đặc tính nhạy cảm nên mọi nhóm đối tượng cần phải được chuẩn bị để thích nghi. Ứng xử bình đẳng, công bằng, tạo điều kiện cho các nhóm, các bên cùng có lợi sẽ giúp đem lại hòa hợp chính là vai trò và bản lĩnh, năng lực hành động cũng như khả năng sáng tạo của người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn

hóa trong việc điều chỉnh thái độ trợ giúp học sinh của mình chuẩn bị cho sự hòa nhập cộng đồng giáo dục đa văn hóa.

Người giáo viên cần có thái độ khoan dung trong ứng xử đa văn hóa:

Như chúng ta đều biết, mỗi nhóm văn hóa có những kiểu mẫu ứng xử riêng có giá trị khu biệt với những nhóm khác. Sự đa dạng ngày càng tăng và đem lại cơ hội cũng như thách thức. Một mặt làm tăng sự hiểu biết cách thức giải quyết vấn đề và học cách cùng chung sống và hành động để đem lại bình đẳng ở môi trường giáo dục đa văn hóa cũng như thực tiễn xã hội, nhưng mặt khác cũng có thể dẫn đến những hiểu lầm, kỳ thị, xung đột... Như vậy, để có một môi trường giáo dục đa văn hóa hội nhập hiệu quả, trước tiên người giáo viên phải có phải thái độ khoan dung trong ứng xử đa văn hóa, thừa nhận có sự khác biệt để tận dụng những cơ hội học hỏi và vượt qua những thách thức nội tại của môi trường giáo dục đa văn hóa đặc thù. Để từ đó, trên cơ sở nền tảng của bản thân, người giáo viên tạo hiệu ứng lan tỏa cho học sinh, rồi tới những người xung quanh cùng hoạt động trong môi trường giáo dục đa văn hóa này. Bản “*Tuyên ngôn những nguyên lý về khoan dung*” của Liên hợp quốc năm 1995 đã định nghĩa: Khoan dung là tôn trọng, thừa nhận và đánh giá tính phong phú và đa dạng của các nền văn hóa trong thế giới chúng ta. Khoan dung là hài hòa trong khác biệt. Đây là cấp độ quan trọng đầu tiên trong ứng xử để vượt qua cú sốc văn hóa và sự xung đột khi tiếp xúc với một nền văn hóa khác. Cấp độ tiếp theo mới là thái độ tích cực học hỏi để hiểu đúng người khác, để thích nghi với bối cảnh khác hoặc để tạo cơ hội bình đẳng cho người.

d. Điều kiện thực hiện

- Người giáo viên là người khởi đầu cho hoạt động giao tiếp và ứng xử đa văn hóa đồng thời cũng là người đánh giá, thu lượm kết quả của hoạt động giao tiếp, ứng xử này qua các học sinh và những người cùng tương tác trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

- Vì vậy, ý thức, thái độ và hành động cụ thể của người giáo viên có vai trò quan trọng trong việc tạo nền cho các hoạt động giao tiếp và ứng xử đa văn hóa trong môi trường giáo dục đặc thù này.

Giải pháp 2: Phát triển đội ngũ GV cốt cán trong môi trường giáo dục đa văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp: Chuẩn bị nguồn GV chất lượng cao có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết về khu vực, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục làm nòng cốt cho sự nghiệp giáo dục của giáo dục vùng dân tộc thiểu số.

b. Cơ sở của giải pháp: Chúng ta đều biết, GV – HS – tri thức là ba yếu tố cốt lõi của quá trình dạy học, đặc biệt là mối quan hệ giữa người dạy và người học là mối quan hệ quan trọng của quá trình này. Chất lượng giáo dục không thể nâng cao nếu như một trong hai nhân tố trên không đáp ứng được yêu cầu, nên phát triển đội ngũ GV giỏi về chuyên môn và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục dân tộc miền núi là một trong các yêu cầu cấp bách đối với giáo dục đa văn hóa trong giai đoạn tới.

c. Cách thức thực hiện:

- Các Sở GD&ĐT cần phối hợp với trường Đại học Sư phạm điều tra nhu cầu đào tạo nhân lực trong giai đoạn 2015-2020 và xây dựng quy hoạch, kế hoạch tổng thể về số lượng GV các môn học cần có để từ đó có kế hoạch đào tạo phù hợp với vùng miền.

- Xây dựng các chính sách tạo nguồn GV là người địa phương và chính sách thu hút các sinh viên các Trường Đại học Sư phạm tốt nghiệp loại giỏi hoặc GV có trình độ cao về công tác tại khu vực dân tộc miền núi thông qua các chế độ đãi ngộ về *tuyển dụng, lương và phụ cấp* trong nghề nghiệp.

- Xây dựng quy trình luân chuyển những cán bộ, GV giỏi về công tác tại các cơ sở giáo dục trong thời gian nhất định nhằm thúc đẩy phong trào, tạo sức lan tỏa cho đồng nghiệp, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho các GV khác, nâng cao chất lượng giảng dạy tại cơ sở giáo dục đa văn hóa.

d. Điều kiện thực hiện:

- Các Sở Giáo dục & Đào tạo cần quy hoạch tổng thể nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao và cam kết đầu tư về ngân sách trong việc hỗ trợ các em HS giỏi tại địa phương thi vào các Trường Đại học Sư phạm và cam kết công tác tại khu vực giáo dục đa văn hóa sau khi tốt nghiệp. Khi tạo nguồn, đáp ứng yêu cầu đào tạo gắn liền với sử dụng tại các địa phương mới có thể thay đổi chất lượng giáo dục ở những khu vực đa văn hóa.

Giải pháp 3: Thực hiện quy hoạch bồi dưỡng giáo viên nâng cao năng lực dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa

a. Mục tiêu của giải pháp: Nhằm xây dựng phát triển đội ngũ giáo viên, nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực quản lý cho giáo viên đáp ứng với yêu cầu của phát triển giáo dục khu vực đa văn hóa tạo bước phát triển trong giáo dục.

b. Cơ sở giải pháp

Tìm hiểu đối tượng dạy học giúp người học xóa bỏ những thách thức cá nhân

Môi trường đa văn hóa là môi trường có sự hòa trộn của nhiều nền văn hóa khác nhau đến từ các dân tộc thiểu số trong vùng, trong khu vực tổ chức hoạt động giáo dục đa văn hóa. Sự khác biệt về ngôn ngữ, về suy nghĩ, về phong tục tập quán... của con người thuộc các dân tộc khác nhau cũng là một trong những yếu tố làm cản trở sự hòa nhập của học sinh. Nhưng điều quan trọng nhất đối với mỗi học sinh cấp tiểu học và THCS đó là vấn đề ngôn ngữ, giao tiếp. Khi nghe - nói – giao tiếp hiệu quả mới nói đến các kỹ năng khác. Để đạt được hiệu quả trong giáo dục đa văn hóa thì các em bắt buộc phải tham gia các hoạt động được tổ chức theo hình thức nhóm, phải hình thành các nhóm kỹ năng sống một cách nhanh nhất để có thể thích ứng với môi trường học tập. Và chính kỹ năng hòa nhập là nền tảng cơ bản quan trọng nhất tạo đà cho sự phát triển của các kỹ năng khác trong cuộc sống.

Khi quan hệ giữa học sinh và giáo viên được thiết lập thì cũng đồng nghĩa với việc người giáo viên có vai trò kết nối các học sinh lại với nhau. Trên cơ sở sự tin tưởng của học sinh người giáo viên giúp các em xích lại gần nhau hơn bằng các việc làm cụ thể như tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao ... Bản thân mỗi học sinh khi tham gia các hoạt động đó dù là bắt buộc hay tự nguyện thì chính các em sẽ phải làm quen với các bạn để hợp tác, phối hợp trong các hoạt động và thích ứng dần với môi trường giáo dục mang tính tập thể. Lúc này, người giáo viên có vai trò động viên, cổ vũ gắn kết học sinh lại với nhau trong quá trình tiến hành các hoạt động tập thể. Người giáo viên cũng giúp học sinh hiểu được tinh thần và trách nhiệm của mỗi thành viên tham gia các hoạt động tập thể cũng như lợi ích của các hoạt động đó mang lại cho chính các học sinh. Đến khi học sinh không chỉ thoải mái tham gia các hoạt động tập thể mà còn là những nhà tổ chức các cuộc vui chơi tập thể, các hoạt

động học tập theo nhóm... thì khi đó chính các em đã tạo nên một môi trường hòa nhập cao. Và cũng chính sự hòa nhập đó đánh dấu sự xóa bỏ khoảng cách giữa những học sinh của các dân tộc thiểu số khác nhau. Các em đã bước qua những trở ngại cá nhân, những thách thức từ sự tự nhút nhát, dè dặt, thiếu chủ động để tiến bộ dần. Sự hòa nhập của học sinh có được chính là nhờ một phần rất lớn sự nhiệt thành của người giáo viên hoạt động trong môi trường đa văn hóa.

Tìm hiểu môi trường giáo dục

Thành quả của hoạt động giáo dục phụ thuộc nhiều yếu tố trong đó có môi trường giáo dục. Nhìn thoáng qua, dường như đây là yếu tố bao quát bên ngoài hoạt động giáo dục nhưng thực chất nó quyết định sự thuận lợi tổng thể đối với mọi hoạt động giáo dục trong đó có giáo dục đa văn hóa. Bởi lẽ, một môi trường giáo dục tốt sẽ mang đến cho không chỉ người dạy và người học mà còn mang đến cho phụ huynh học sinh cũng như các ban ngành liên quan sự hài lòng, sự tin cậy vào hoạt động giáo dục diễn ra trong môi trường đó. Ngược lại, một môi trường giáo dục không tốt, không an toàn, không đảm bảo điều kiện giảng dạy sẽ khiến cho người dạy, người học và các bên liên quan có tâm lý e ngại, lo lắng, thiếu tin tưởng và dễ chán nản buông xuôi. Vì thế, môi trường giáo dục không chỉ mang đến sự thuận lợi cho hoạt động giáo dục mà còn mang đến sự thuận lòng, sự ủng hộ của lòng tin nơi quần chúng.

Với một người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, việc tìm hiểu môi trường giáo dục là điều cần thiết có quan hệ trực tiếp đến việc giảng dạy của chính những giáo viên cũng như chất lượng của hoạt động giáo dục nói riêng và toàn thể môi trường giáo dục nói chung. Khi hiểu rõ môi trường giáo dục, người giáo viên chủ động trong công việc giảng dạy từ việc biên soạn giáo án, chuẩn bị cơ sở vật chất, chuẩn bị tâm thế giảng dạy đến việc tiếp xúc giao lưu với học sinh, đồng nghiệp và những thành viên khác trong môi trường giáo dục.

Trong môi trường giáo dục, yếu tố con người đóng vai trò quan trọng, là nòng cốt của các hoạt động giáo dục. Đối với người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, việc nắm bắt đầy đủ, kịp thời và hiểu rõ về đội ngũ nhân sự cùng hợp tác trong hoạt động giáo dục là điều cần thiết. Khi đã hiểu rõ tình hình lực lượng, người giáo viên có thể kết hợp cùng nhau để tổ chức các hoạt động giáo dục trong

nhà trường, hoạt động ngoại khóa cũng như các hoạt động tổ chức các cuộc thi tìm hiểu trong môi trường đa văn hóa. Bên cạnh đó, các mối quan hệ cũng giúp người giáo viên rất hiệu quả trong việc học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng dạy và học cho mỗi giáo viên thông qua các giờ thao giảng dự giờ, các cuộc thi về chuyên môn do các cấp tổ chức. Đối với các giáo viên giảng dạy kiêm công tác chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong môi trường giáo dục thì cần phải kết hợp cùng các giáo viên khác trong công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh trong quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách của các em. Bên cạnh đó, người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa còn có thể cùng nhau kết hợp trong việc quản lý học sinh nhằm đảm bảo các em có ý thức ứng xử tốt nhất trong môi trường giáo dục mang tính đặc thù này.

Không chỉ có mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên trong môi trường đa văn hóa, người giáo viên trong môi trường giáo dục này còn cần tìm hiểu và nắm bắt rõ tình hình học sinh cũng như các thành phần nhân sự khác trong trường. Nếu nắm bắt tốt tình hình của học sinh về thái độ ứng xử, xu hướng tính cách, tinh thần học tập... người giáo viên có thể chuẩn bị tâm thế từ trước để ứng phó với các tình huống xấu nhất có thể diễn ra. Nắm rõ tình hình, giáo viên cũng có thể chủ động tiếp cận từng nhóm đối tượng học sinh với các cách thức khác nhau nhằm mang lại hiệu quả tích cực trong hoạt động giáo dục đạo đức học sinh. Người giáo viên còn phải phát huy tốt vai trò là người hiểu biết và nắm bắt tình hình tâm lý học sinh tốt nhất để có thể dẫn dắt các em bước qua cái tôi cá nhân một cách nhanh nhất, tự nhiên nhất để có thể hòa đồng cùng nhau tiến tới hòa nhập cộng đồng xã hội. Người giáo viên có thể thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong hoạt động giáo dục hay không, điều này phụ thuộc rất lớn vào sự hiểu biết toàn diện về môi trường giáo dục của chính người giáo viên.

c. Quy trình thực hiện:

- Lập kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, CBQL hàng năm.
- Đánh giá đúng năng lực chuyên môn và năng lực quản lý của cán bộ theo chuẩn hoặc chức danh nghề nghiệp.
- Xác định nhu cầu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng GV, CBQL.

- Thường xuyên đánh giá kết quả bồi dưỡng giáo viên qua hoạt động thực tiễn tại địa phương.

d. Điều kiện thực hiện: Xây dựng được công cụ khảo sát năng lực GV, CBQL, xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực GV, CBQL, có nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, có chính sách tạo nguồn, quy hoạch rõ ràng.

Giải pháp 4: Nâng cao chất lượng đội ngũ GV chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa vùng dân tộc miền núi

a. Mục tiêu của giải pháp: Trong nhà trường phổ thông, GV chủ nhiệm có một vai trò hết sức quan trọng trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, trong việc hình thành và phát triển nhân cách của HS. Nói cách khác, GV chủ nhiệm là người lãnh xướng của dàn nhạc giao hưởng hình thành nhân cách toàn vẹn cho thế hệ trẻ, đóng vai trò cố vấn cho HS tổ chức các hoạt động trên lớp, hoạt động ngoài giờ và tư vấn hướng nghiệp (đối với HS THCS, THPT) trước khi các em chuyển cấp. Chính vì vậy, việc xây dựng, phát triển và bồi dưỡng năng lực công tác chủ nhiệm cho GV là việc làm hết sức có ý nghĩa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

b. Cơ sở giải pháp

- Nhà trường tổ chức đánh giá hiệu quả công tác GV chủ nhiệm.
- Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên, khuyến khích các đơn vị bình bầu, suy tôn danh hiệu GV chủ nhiệm giỏi, tạo các phong trào thi đua, tìm tòi, học hỏi trong công tác GV chủ nhiệm.
- Khuyến khích GV viết sáng kiến kinh nghiệm về công tác chủ nhiệm lớp để thông qua đó trao đổi, học hỏi, rút kinh nghiệm trong công tác.
- Thiết kế các danh mục hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong năm học, phân loại các đối tượng HS để giúp GV chủ nhiệm lập kế hoạch giáo dục và giúp đỡ từng HS trong lớp chủ nhiệm.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình HS thông qua đội ngũ GV chủ nhiệm, đặc biệt là gia đình HS vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

c. Cách thức thực hiện

Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng

Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhằm giúp trẻ phát triển nhân cách một cách toàn diện là một quá trình lâu dài liên tục, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp. Vì thế, việc giáo dục nói chung và giáo dục trẻ em nói riêng luôn luôn đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của nhiều lực lượng xã hội và nhất là đòi hỏi sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình và mọi người trong xã hội. Phương châm giáo dục của Đảng và nhà nước ta rất coi trọng và đánh giá cao vai trò giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, để hoàn thành mục tiêu giáo dục và đào tạo học sinh thì cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả ba môi trường giáo dục: nhà trường – gia đình – xã hội, trong đó nhà trường là nhân tố giữ vai trò chủ đạo. Cùng với đó gia đình, nhà trường và xã hội luôn được coi là "tam giác" giáo dục quan trọng đối với mỗi đứa trẻ. Tầm quan trọng của mỗi lực lượng cũng như mối quan hệ giữa ba lực lượng này trong việc giáo dục học sinh thì ai cũng hiểu nhưng vẫn có khoảng cách lớn giữa nói và làm. Người giáo viên giảng dạy trong môi trường giáo dục đa văn hóa cũng không ngoại lệ, cần phải thường xuyên tạo ra mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh và các đoàn thể để cùng hiểu rõ và nắm được mục đích giáo dục mà cùng có sự phối hợp chặt chẽ, đảm bảo sự thống nhất khi tập hợp được sức mạnh của toàn xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Người giáo viên và nhà trường vừa phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện vừa phải phối hợp chặt chẽ với gia đình, với các tổ chức xã hội hướng vào một số công việc cụ thể. Trong các công việc ấy, người giáo viên phải luôn là người đi đầu đưa nội dung, mục tiêu giáo dục trong nhà trường vào các tổ chức xã hội trong địa phương như: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội khuyến học, Hội người cao tuổi,... nhằm thống nhất định hướng tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Phối hợp với địa phương tổ chức cho học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa xã hội như: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng nông thôn mới... nhằm góp phần cải tạo môi trường gia đình và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Tóm lại, việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội đối với việc chăm sóc giáo dục học sinh là một nguyên tắc cơ bản nếu muốn có sự thành công trong hoạt động giáo dục. Người giáo viên nói chung và người giáo viên giảng

dạy trong môi trường đa văn hóa nói riêng phải là người trực tiếp kết nối nhà trường với gia đình và xã hội. Người giáo viên trở thành đầu mối của sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục trên, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa, tránh sự tách rời mâu thuẫn, bài xích lẫn nhau gây cho học sinh tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách các em. Sự phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề cơ bản hàng đầu là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra sự chặt chẽ trong quan hệ phối hợp vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước.

Tham gia các hoạt động chính trị xã hội

Hoạt động chính trị – xã hội là những hoạt động có nội dung liên quan đến việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước, chế độ chính trị, trật tự an ninh xã hội; là những hoạt động trong các tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng và hoạt động nhân đạo, bảo vệ môi trường sống của con người. Hoạt động chính trị - xã hội là điều kiện để mỗi cá nhân bộc lộ, rèn luyện, phát triển khả năng và đóng góp trí tuệ, công sức của mình vào công việc chung của xã hội. Hoạt động chính trị xã hội là hoạt động mang tính cộng đồng đòi hỏi sự hợp tác hoạt động của tất cả công dân trong xã hội nhằm đảm bảo tinh thần đoàn kết chung tay trong công cuộc ổn định và phát triển xã hội.

Với tư cách là một công dân xã hội chủ nghĩa, người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa cũng tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội trên địa bàn của địa phương nơi mình công tác. Thông qua các hoạt động cụ thể, người giáo viên đa văn hóa vừa thể hiện tinh thần trách nhiệm tích cực của một người công dân đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước; vừa thể hiện được tài năng và bản lĩnh giao tiếp của mình trong việc thiết lập các mối quan hệ; đồng thời thực hiện tốt vai trò là sợi dây kết nối mối quan hệ nhà trường, gia đình học sinh và xã hội.

d. Điều kiện thực hiện:

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao phẩm chất; đạo đức nghề nghiệp; cách ứng xử với HS, đồng nghiệp và phụ huynh HS; lối sống, tác phong; nhận thức hiểu biết về công tác chủ nhiệm.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp:

+ Kỹ năng tìm hiểu các thông tin, phân loại HS lớp chủ nhiệm (hoàn cảnh gia đình, dân tộc, đặc điểm HS về các mặt học lực, đạo đức, sức khỏe, năng khiếu, dự báo và diễn biến trong quá trình học tập, rèn luyện của HS) để có biện pháp tổ chức giáo dục sát đối tượng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp.

+ Kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm lớp trong năm học dựa trên kế hoạch, nhiệm vụ giáo dục và dạy học của nhà trường.

+ Kỹ năng tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện (hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chương trình của Bộ; các hoạt động sinh hoạt dưới cờ; hoạt động trải nghiệm văn hóa, các giờ sinh hoạt lớp cuối tuần; hoạt động tư vấn trong công tác hướng nghiệp, dạy nghề, giáo dục kỹ năng sống,...).

+ Kỹ năng cộng tác chặt chẽ với gia đình HS, chủ động phối hợp với các GV bộ môn, Đoàn TNCS HCM, Đội Thiếu niên Tiên phong HCM, các tổ chức xã hội có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục HS của lớp mình chủ nhiệm, đặc biệt là giáo dục HS cá biệt, HS có hành vi không mong đợi.

+ Kỹ năng nhận xét, đánh giá kết quả giáo dục và học tập của HS lớp chủ nhiệm.

- Các trường sư phạm cũng cần chú trọng đến dạy kỹ năng công tác làm chủ nhiệm lớp cho sinh viên, để khi ra trường, các GV có thể trở thành những GV chủ nhiệm, đáp ứng được yêu cầu trong giáo dục đa văn hóa, góp phần giáo dục toàn diện cho HS.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tiếng dân tộc, trang bị hiểu biết văn hóa cho đội ngũ GV chủ nhiệm lớp nhằm làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục HS...

3.3.3. Nhóm giải pháp chuyên môn

Giải pháp 1: Phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện giáo dục khu vực đa văn hóa

Chuẩn bị cho việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đặc biệt là việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015, Bộ GD&ĐT đã có Công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2013 hướng dẫn và chỉ đạo thí điểm phát triển

chương trình giáo dục nhà trường. Việc thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm từng bước giao quyền tự chủ chuyên môn tới các cơ sở giáo dục để chương trình giáo dục gắn với thực tiễn địa phương. Chương trình giáo dục nhà trường nhằm khắc phục những hạn chế của chương trình, SGK hiện hành. Từ nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục nhà trường, GV trường phổ thông vùng dân tộc miền núi phía Bắc cần chủ động phát triển chương trình giáo dục đáp ứng những yêu cầu thực tế của giáo dục đa văn hóa.

- Nhìn vào thực tế chương trình và SGK hiện nay một số nội dung kiến thức còn nặng, khó đối với HS dân tộc thiểu số.

- Một số thuật ngữ, khái niệm trừu tượng, số liệu chưa cập nhật, thiếu nhất quán, tình huống không thực sự phù hợp với tâm lý, văn hóa của học sinh vùng dân tộc thiểu số.

- Chưa phát triển ý tưởng khoa học, chưa hướng dẫn HS tự học, tự nghiên cứu bài học.

a. Mục tiêu của giải pháp: Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với thực tiễn và định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông từ năm 2019.

b. Cơ sở của giải pháp: Qua quan sát, dự giờ, trao đổi với GV, HS, phỏng vấn sâu CBQL và GV đứng lớp, chúng tôi có thêm cơ sở khẳng định tính sát thực của những thông tin nêu trên. Dựa trên những kết quả khảo sát, từ công việc phân tích, xử lý phiếu điều tra, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra giải pháp phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo hướng tiếp cận năng lực người học, phù hợp với điều kiện kinh tế chính trị, văn hóa địa phương.

c. Cách thức thực hiện:

- CBQL, các tổ chuyên môn, cá nhân, phối hợp chuyên gia rà soát chương trình SGK hiện hành, loại bỏ những số liệu, sự kiện đã cũ; bổ sung, cập nhật những thông tin mới.

- Xác định và lựa chọn những nội dung kiến thức cơ bản và thiết yếu trong chương trình và SGK hiện hành theo hướng giảm tải, loại bỏ những nội dung không phù hợp, những nội dung trùng lặp, hoặc không cần thiết với HS khu vực đa văn hóa.

- Rà soát chương trình, SGK, loại bỏ những nội dung quá khó, chưa hoặc không phù hợp, nội dung trùng lặp giữa các môn, nội dung thông tin lạc hậu, không

thiết thực với giáo dục đa văn hóa vùng dân tộc thiểu số.

- Thay đổi phương pháp quản lý chuyên môn theo cách hành chính, máy móc, cơ học sang đánh giá kết quả đầu ra, tăng quyền tự chủ cho GV, coi trọng chất lượng hiệu quả giáo dục.

- Xác định nội dung lí thuyết, thực hành cân đối, thiết thực trong thực hiện chương trình.

- Rà soát những nội dung bất hợp lí trong giảm tải chương trình, chuẩn kiến thức, kĩ năng; chuẩn bị tốt tâm thế tiếp nhận giảng dạy theo chương trình và sách giáo khoa mới từ năm 2019.

- Tổ chuyên môn, khối lớp nên tổ chức thảo luận thống nhất phương án xử lí các nội dung, tình huống giáo dục phù hợp với khu vực đa văn hóa.

- Tổ chức dạy học các chủ đề liên môn theo hướng tích hợp những nội dung trùng nhau hoặc gần nhau ở hai hay nhiều môn học khác nhau hoặc dạy các chủ đề mới có nội dung liên quan đến nhiều môn học.

- Thống nhất định hướng tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng chuyển từ nội dung kiến thức sang tiếp cận năng lực, phù hợp với điều kiện địa phương, điều kiện cụ thể của nhà trường và định hướng đổi mới chương trình từ năm 2019.

- Đặc biệt tập trung xây dựng và phát triển chương trình giảng dạy đa văn hóa

Chương trình giáo dục đa văn hóa bao gồm tổng thể từ kiến thức đến kỹ năng và thái độ, từ nội dung đến hoạt động giảng dạy của người giáo viên và nguồn tài liệu, từ chương trình chính khóa đến ngoại khóa, từ thiết kế đến triển khai và đánh giá hoạt động giáo dục. Do đó, các chương trình giáo dục đa văn hóa được tổ chức theo phương thức chọn lọc có tính tích hợp, tổng hợp, liên ngành, toàn diện, có tác dụng chuyển biến, khai phóng. Đặc biệt là các chương trình chung nhằm đào tạo cho người học cốt lõi về đa văn hóa dựa trên nhiều cơ sở lý thuyết như tâm lý, xã hội, giáo dục, dựa trên thực tại đa dạng kiến thức và văn hóa, vùng miền, bối cảnh trong nước, quốc tế theo nguyên tắc phát triển người học và lý thuyết hệ thống với nguyên lý lấy người học làm trung tâm, vừa đáp ứng bối cảnh hiện tại vừa chuẩn bị cho tương lai. Yếu tố đa văn hóa trong các chương trình học tạo nền tảng để phát triển các kỹ năng học tập đảm bảo giữa lý thuyết xây dựng chương trình đại cương

và giáo dục đa văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ, mang tính định hướng người học để thích nghi với bối cảnh môi trường học tập đa dạng, thay đổi nhanh bên ngoài. Người giáo viên xây dựng chương trình xác định các mục tiêu chung bằng cách tập hợp các dữ liệu từ ba nguồn: người học, cuộc sống thực đang diễn ra bên ngoài nhà trường và bản thân các môn học trước khi xét đến triết lý giáo dục và tâm lý học tập của người học. Như vậy, chương trình giáo dục đa văn hóa trước tiên phải dựa trên bối cảnh cục diện vùng miền và bối cảnh xã hội trong cả nước. Chương trình giáo dục đa văn hóa phải đảm bảo thể hiện triết lý đa dạng, bình đẳng, toàn diện, hướng về người học, nhất là phải mở và linh hoạt.

Giáo dục đa văn hóa có thể được tổ chức, triển khai trong các chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa, sử dụng sách vở, phim ảnh, internet, hội thảo, chuyên đề, câu lạc bộ, tổ chức các nhóm đối thoại, hoạt động xã hội, chương trình học ngôn ngữ dân tộc thiểu số, các hoạt động điền dã, các trò chơi dân gian mang nét đẹp truyền thống của tộc người,...

Trong giáo dục đa văn hóa, sự đại diện đa dạng các nền văn hóa trong nhà trường phải được thể hiện trong các thư viện đa văn hóa, tạo môi trường cho sự trải nghiệm đa dạng của người học và giáo viên phục vụ giảng dạy, học tập cũng như nghiên cứu. Giáo dục đa văn hóa cần được thể hiện xuyên suốt các tài liệu giảng dạy và thư viện, cách bố trí thư viện đa văn hóa hợp lý, sắp xếp các đầu sách giáo khoa, các tài liệu tham khảo sao cho khoa học... để mọi người có thể dễ dàng tìm kiếm, dễ dàng tiếp xúc để tương tác với các nền văn hóa khác nhau của nước ta và trên thế giới theo quan điểm toàn cầu rộng rãi.

Cách thức tổ chức chương trình giáo dục đa văn hóa trong nhà trường có thể tiến hành như sau: (1) các chương trình giáo dục đa văn hóa chính khóa, bao gồm (a) việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra nhằm phát triển năng lực đa văn hóa của người học để thích ứng và thành công trong bối cảnh toàn cầu; (b) các cấp độ tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ đa văn hóa, tính so sánh, liên ngành, linh hoạt trong khối kiến thức cơ bản cũng như những môn học bắt buộc đồng thời cũng như những môn học tự chọn; (c) triển khai nội dung đa văn hóa trong giảng dạy và đánh giá từng môn học, bài giảng một cách hệ thống; (2) các chương trình giáo dục đa văn hóa ngoại khóa; (3) hệ thống các tài liệu, giáo trình phục vụ giáo dục đa văn hóa.

d. Điều kiện thực hiện:

- Bố trí sắp xếp lại các bài học cho hợp lí hơn về thời lượng và tiến độ cho phù hợp với điều kiện, đối tượng và hoàn cảnh của nhà trường.
- Các Sở GD&ĐT, Phòng Giáo dục quản lý bằng khung pháp lí hành chính, linh hoạt, mềm dẻo.
- Chỉ đạo, theo dõi, đánh giá thí điểm mô hình dạy học khu vực đa văn hóa, kết luận, khẳng định hiệu quả, nhân rộng quy mô đại trà.

Giải pháp 2: Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích hợp

Lí luận dạy học hiện đại chú trọng hoạt động hướng dẫn nhận thức, tự học, tự nghiên cứu đối với người học. Việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông từ năm 2019 thực chất là chuyển dần từ dạy môn học (chủ yếu dạy kiến thức) sang giáo dục môn học (phát triển kĩ năng tổ chức hướng dẫn tiếp cận nhiều nguồn tư liệu, chủ động nhận thức, vận dụng kiến thức). Do vậy, giải pháp này tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

a. Mục tiêu của giải pháp: Tăng cường năng lực dạy học tích hợp để nâng cao chất lượng giáo dục. Chuyển dần từ dạy học truyền thống sang dạy học lấy HS làm trung tâm. Chuyển từ dạy học sang dạy cách học.

b. Cơ sở của giải pháp

Định hướng đổi mới giáo dục hướng tới chương trình giảm lí thuyết, tăng thực hành, vận dụng; giảm thời gian trên lớp, tăng hoạt động ngoài trường, ngoài giờ lên lớp. Khảo sát thực trạng dạy học hiện nay ở vùng dân tộc thiểu số, chúng tôi nhận thấy hầu hết các hoạt động giáo dục đều diễn ra trong giờ lên lớp chính khóa với công thức 2 - 4 - 4 (2 bìa của quyển sách giáo khoa; bốn bức tường, bức vách lớp học, 4 tiết dạy trong một buổi học đều độn lại qua ngày).

Từ kết quả khảo sát nhóm nghiên cứu đã làm việc cụ thể với các tổ chuyên môn tìm hiểu những nguyên nhân, khó khăn trong xây dựng các chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp, thiết lập kế hoạch triển khai hoạt động cụ thể phù hợp với bộ môn.

Xác định nội dung kiến thức cơ bản, lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

Lấy học sinh làm trung tâm, giáo dục thúc đẩy học sinh tự bộc lộ, đề định

hướng, bồi đắp hoàn thiện kiến thức, nhân cách cho người học.

c. Cách thức thực hiện

- Xác định các hình thức tổ chức dạy học phù hợp, sinh động, hấp dẫn (trong lớp, phòng thí nghiệm, bảo tàng, khu di tích lịch sử, văn hóa địa phương...).

- Xây dựng kế hoạch học tập cho người học trong hoạt động giáo dục chính khóa. Việc xây dựng kế hoạch học tập phải căn cứ vào cơ sở thực tiễn của hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa. Người giáo viên phải có sự nắm bắt cụ thể, chính xác và đầy đủ các mục tiêu giáo dục mà cấp trên yêu cầu để đề ra những định hướng, những hoạt động giáo dục thực tiễn cho phù hợp với mục tiêu đó. Hiện nay, đất nước đang trên đà hội nhập với xu thế toàn cầu hóa, việc phát triển chương trình đào tạo đa văn hóa theo hướng hội nhập đã bắt đầu được quan tâm thể hiện ở việc xây dựng hệ thống chuẩn đào tạo theo định hướng của UNESCO và quốc tế, rõ ràng về kiến thức, kỹ năng và thái độ, đẩy mạnh xu hướng liên ngành, kiến thức nền về khoa học xã hội và nhân văn, kỹ năng giao tiếp, con người và môi trường, kỹ năng mềm cho người học; việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đào tạo liên ngành và liên kết với nước ngoài... Giáo dục đa văn hóa cũng phải đáp ứng được theo yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT với những yêu cầu sau: Khối kiến thức giáo dục chung nhằm trang bị cho học sinh nền học vấn rộng: hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người; phương pháp tư duy khoa học; đạo đức, nhận thức trách nhiệm công dân; Khối kiến thức chuyên ngành (kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp); Môn học tự chọn/nhóm môn học tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn.

Trong hoạt động giáo dục đa văn hóa, người giáo viên có thể tổ chức hoạt động giáo dục đa văn hóa theo các hình thức tổ chức sau:

+ Hoạt động giáo dục chính khóa:

Yếu tố đa văn hóa không những được thể hiện ở tên các môn học, mô – đun riêng trong khung chương trình đào tạo mà còn phải được cụ thể hóa thành nội dung các chương mục, bài giảng hay trong các đề cương chi tiết của từng môn học, lồng ghép xuyên suốt tất cả các môn học của người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên dạy các môn học về tiếng Việt, văn học, lịch sử, xã hội... của các dân tộc thiểu số thường xuyên đề cập đến phần so sánh sự ảnh hưởng hai hay nhiều dân tộc thiểu số với nhau trong tiến trình giao lưu

và tiếp biến văn hóa. Các yếu tố liên quan đến văn hóa của một dân tộc không chỉ được so sánh với một dân tộc khác mà còn phải được so sánh đối chiếu với nhiều dân tộc khác trong vùng, trong quan hệ với các vùng láng giềng khác của cả nước, giúp học sinh có cái nhìn rộng rãi và toàn diện hơn sự giao lưu và tiếp biến văn hóa theo sự phát triển của thời gian. Nhìn chung, học sinh sẽ rất hứng thú khi trong môn học, bài giảng mà giáo viên có sự so sánh đối chiếu vì người học được phát huy tư duy bậc cao, sáng tạo, khả năng liên hệ kiến thức sâu sắc và thái độ khoan dung, cái nhìn đa chiều, là những đòi hỏi quan trọng của giáo dục đa văn hóa.

- *Xây dựng các hoạt động giáo dục ngoại khóa*

Các hoạt động ngoại khóa hướng về giáo dục đa văn hóa có sự biểu hiện rất đa dạng, thể hiện ở nhiều hình thức và phổ biến nhất là qua các buổi nói chuyện chuyên đề, giao lưu văn hóa, các trò chơi... của cộng đồng học sinh và giáo viên trong môi trường giáo dục đa văn hóa. Cũng có thể, nhà trường phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể bên ngoài để cùng đồng hành trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa. Các lĩnh vực chuyên đề ngoại khóa của hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa rất đa dạng bao gồm: văn học, văn hóa, lịch sử, địa lý, môi trường, giáo dục, ngôn ngữ... của nhiều dân tộc thiểu số, các khu vực khác nhau cũng như các vấn đề đa văn hóa, liên văn hóa... Điều quan trọng là người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa phải có kiến thức và bản lĩnh tổ chức các buổi ngoại khóa với cương vị là người điều hành, dẫn dắt. Để có thể đảm đương được trách nhiệm, người giáo viên phải thực sự trở thành những nhà văn hóa học đa văn hóa, có sự am hiểu rộng rãi về các lĩnh vực mà mình là người chủ trì hoạt động nói chuyện chuyên đề đó. Có như vậy, đứng trước những ý kiến thắc mắc của học sinh, giáo viên có câu trả lời nhanh, gọn, dễ hiểu nhưng đảm bảo độ chính xác và độ tin cậy cao được chính các em là người dân tộc thiểu số gốc gác đầu công nhận, đó mới là bước đầu của sự thành công. Bên cạnh đó, người giáo viên đa văn hóa còn định hướng cho học sinh có sự đối chiếu so sánh các yếu tố văn hóa của dân tộc thiểu số trong buổi tọa đàm với các yếu tố văn hóa khác của một hoặc một số dân tộc thiểu số lân cận để nhận thấy sự tương đồng và khác biệt cũng như những nét văn hóa gần nhau của các dân tộc thiểu số. Như thế, buổi nói chuyện theo chủ đề mới mang lại hiệu quả giúp học sinh khắc sâu nội dung bài học và mở rộng kiến

thức tạo nền tảng cho việc hình thành kiến thức đa dạng liên văn hóa. Bên cạnh đó, cũng phải giúp cho học sinh tạo thái độ bình đẳng, hòa đồng tôn trọng văn hóa và bình đẳng văn hóa của dân tộc khác cũng như biết cách chấp nhận sự khác biệt văn hóa đó và sẵn sàng chung sống.

Ngoài ra, người giáo viên giảng dạy cũng có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đa văn hóa. Chẳng hạn như: cuộc thi tìm hiểu lễ hội Lòong tồng của người Tày, nguồn gốc dân tộc Mường, thi tìm hiểu về làn điệu Khắp của người Thái, tìm hiểu về lịch sử hình thành điệu múa khèn của người Mông... Các hoạt động này tạo môi trường đa văn hóa và nâng cao nhận thức cho người học về tính cấp thiết của việc tìm hiểu về thế giới xung quanh mình, các nền văn hóa khác nhau trong các vùng khác nhau ở đất nước ta thời hội nhập. Ngoài ra, còn có những hoạt động ngoại khóa lồng ghép các sản phẩm khá là thú vị, vừa là cuộc thi, vừa tạo cơ hội giao tiếp đa văn hóa và thực hiện các sản phẩm dự án cụ thể như: Tổ chức trại hè, tổ chức các cuộc hành trình về nguồn, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa các dân tộc thiểu số, tổ chức các đêm biểu diễn văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tại trường học ...

Nhìn chung, các chương trình, hoạt động giáo dục đa văn hóa ngoại khóa tuy đã phát triển rất đa dạng, có khi khá đều đặn hàng năm nhưng thường còn mang tính tự phát, thụ động và chủ yếu tập trung ở một số giáo viên tích cực cũng như một số bộ môn về văn học, lịch sử, giáo dục công dân. Mức độ tham gia của học sinh và giáo viên cũng còn hạn chế và chưa đồng bộ ở tất cả các khối lớp. Bản thân mỗi giáo viên giảng dạy ở môi trường đa văn hóa phải xác định được rõ tầm quan trọng của việc định hướng cho học sinh tìm hiểu và hiểu biết về sự đa dạng đa văn hóa của nền văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn sinh hoạt của nhà trường. Để đảm bảo yêu cầu này, người giáo viên phải tổ chức chương trình đào tạo đa văn hóa theo hướng hội nhập, cần phải đi từ việc xây dựng triết lý đa văn hóa, đến định hướng về chất lượng cần đạt như về kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và ý thức, thái độ khoan dung vào chương trình đào tạo, triển khai và đánh giá chất lượng đảm bảo theo yêu cầu đề ra và đã được cấp trên phê chuẩn. Có thể nói, định hướng giáo dục đa văn hóa chưa thật rõ nét ở các cấp, các ngành quản lý giáo dục đối với mọi bậc học. Nhưng sự quan tâm lớn đến vấn đề quốc tế hóa, đa dạng hóa, hội nhập, chủ

trương toàn diện...là một cơ sở quan trọng để phát triển mô hình giáo dục đa văn hóa ở các vùng lãnh thổ khác nhau trên đất nước ta.

Để nâng cao hiệu quả cho giáo dục trong môi trường đa văn hóa đặc biệt là khu vực miền núi của đồng bào các DTTS. Cần có những quan tâm cũng như chính sách cụ thể hơn nữa nhằm hỗ trợ cho giáo dục khu vực này.

- Phát triển ngôn ngữ và kỹ năng tìm hiểu văn hóa

Ngôn ngữ trong giao tiếp ứng xử là một yếu tố rất quan trọng và cần thiết đối với mỗi người và càng đặc biệt quan trọng đối với người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa. Việc phát triển ngôn ngữ cho cán bộ, giáo viên hoạt động trong môi trường giáo dục đa văn hóa là điều vô cùng cần thiết. Bởi đó là chiếc cầu nối gắn kết các thành viên trong hoạt động dạy và học cũng như các thành viên trong môi trường giáo dục với môi trường văn hóa trong vùng bao bọc môi trường đó. Quan trọng hơn, việc phát triển ngôn ngữ cũng chính là chiếc chìa khóa duy nhất để người giáo viên đa văn hóa tiếp cận các nền văn hóa đa sắc của các dân tộc thiểu số trong các vùng xung quanh để làm giàu vốn hiểu biết cho bản thân qua con đường tiếp nhận những tri thức mới. Sự phát triển về kỹ năng ngôn ngữ và khả năng hiểu biết đa văn hóa của đội ngũ giáo viên giáo dục đa văn hóa cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện mọi mặt của môi trường giáo dục đa văn hóa.

Đối với một người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp, ứng xử là điều cần thiết. Bởi lẽ, việc dùng ngôn ngữ mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số khi tiếp xúc chính các em học sinh dân tộc thiểu số là một kênh rất quan trọng để rút ngắn khoảng cách xa lạ giữa người dạy và người học. Hơn nữa, khi mới tiếp xúc với học sinh, người giáo viên dùng tiếng nói thân thuộc của học sinh để nói chuyện với các em cũng chính là một điểm nhấn vô cùng quan trọng mà người giáo viên có thể ghi điểm ấn tượng tuyệt đối trong lòng chính những học sinh của mình. Qua cách nói chuyện sự thông thạo về ngôn ngữ dân tộc thiểu số của người giáo viên tạo ra sức thuyết phục, sự lôi cuốn cũng như sự đồng cảm đối với học sinh. Và đây chính là điều cần thiết đầu tiên tạo nền tảng để người giáo viên giúp học sinh vượt qua những thử thách của bản thân giúp các em bước qua sự khác nhau của những rào cản văn hóa, các em tự

tin hơn khi mới bắt đầu hòa nhập môi trường giáo dục mới – môi trường giáo dục đa văn hóa.

Việc hiểu biết thêm ngôn ngữ các dân tộc thiểu số cũng góp phần tạo thêm một sắc màu đa dạng, phong phú trong cảm nang kiến thức của người giáo viên giúp người giáo viên tự tin hơn trong quá trình tiếp xúc với các đối tượng học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa. Người giáo viên cũng có thể dùng ngôn ngữ dân tộc thiểu số để làm tăng thêm không khí thân thiện với các đồng nghiệp, với những thành viên khác cùng làm việc trong môi trường đa văn hóa.

Chúng ta thấy rằng, ngôn ngữ và văn hóa có liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời. Ngôn ngữ là phương tiện chuyên chở văn hóa và văn hóa chứa đựng trong ngôn ngữ. Người ta đã nói rằng ngôn ngữ và văn tự là kết tinh của văn hóa dân tộc, nhờ ngôn ngữ và văn tự để được lưu truyền và trong tương lai, nền văn hóa cũng nhờ vào ngôn ngữ để phát triển. Sự biến đổi và phát triển ngôn ngữ lại luôn luôn đi song song với biến đổi và phát triển văn hóa. Vậy muốn nghiên cứu sâu về văn hóa phải nghiên cứu ngôn ngữ, và tất nhiên muốn đi sâu vào ngôn ngữ phải chú tâm đến văn hóa. Điều đó được thể hiện trong trường hợp tiếp xúc giao thiệp văn hóa mà hai bên (khác dân tộc, khác quốc gia) có bối cảnh văn hóa khác nhau. Thông thường thì trình độ sử dụng một ngôn ngữ như một ngoại ngữ (khả năng nghe, nói, đọc và viết, mà nghe là quan trọng nhất) được quyết định bằng hai yếu tố: Sự am hiểu về ngôn ngữ và sự hiểu biết về kiến thức văn hóa trong bối cảnh của ngôn ngữ đó. Đối với người giáo viên đa văn hóa, nền tảng ngôn ngữ dân tộc thiểu số còn là cầu nối để người giáo viên tiếp xúc với nhiều nền văn hóa mới khác bên cạnh nền văn hóa truyền thống và hiểu biết nhiều hơn về cuộc sống của các dân tộc thiểu số. Bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, người giáo viên có thể tìm hiểu và tiếp cận văn hóa của họ thông qua các cuộc trò chuyện với các học sinh của mình. Cũng có thể, đó là những cuộc trò chuyện với người dân bản địa nơi có môi trường giáo dục đa văn hóa tồn tại. Người giáo viên cũng có thể hiểu biết văn hóa các dân tộc thiểu số qua chữ viết của họ. Đây là kênh thông tin chính thống có độ tin cậy cao nhất trong tất cả các nguồn cung cấp thông tin. Ngoài ra, người giáo viên cũng có thể dần dần hiểu về văn hóa của các dân tộc thiểu số thông qua các lễ hội truyền thống của họ, các phong tục tập quán, các trò chơi dân gian, các cuộc ngoại khóa ... tìm hiểu về

văn hóa và cội nguồn của các dân tộc thiểu số. Giảng dạy trong môi trường đa văn hóa, người giáo viên phải có tư duy rộng mở để có thể hiểu biết các nét đẹp văn hóa của các dân tộc thiểu số tạo nền tảng cho hoạt động giảng dạy và quản lý học sinh của chính mình. Đồng thời, sự hiểu biết về văn hóa sẽ giúp người giáo viên có cái nhìn đầy đủ hơn về học sinh đang học tập trong môi trường đa văn hóa giúp các em một cách dễ dàng hơn trong việc học tập và hội nhập cộng đồng. Vì thế có thể nói, việc hiểu biết ngôn ngữ gắn bó chặt chẽ và chi phối kỹ năng tìm hiểu văn hóa của người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa. Việc thông thạo ngôn ngữ các dân tộc thiểu số có lợi thế vô cùng lớn đối với mỗi giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa. Sự thông thạo ấy không chỉ thể hiện khả năng hiểu biết rộng của người giáo viên mà còn thể hiện bản lĩnh văn hóa thực thụ của một giáo viên với thiên chức liên văn hóa.

c. Cách thức thực hiện:

- Vận dụng kiến thức liên môn trong tổ chức dạy học các môn Khoa học Xã hội (Văn học, Tiếng Việt, Lịch sử, Địa lý) và các môn Khoa học Tự nhiên (Vật lý, Hóa học).

- Tích hợp giáo dục môi trường tự nhiên (Địa lý, Sinh học, Hóa học), môi trường xã hội (Văn học, Lịch sử, Địa lý) trong quá trình tổ chức dạy học.

- Tăng cường hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức ngoại khóa, dạ hội Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số, ngoại khóa Toán học, dạ hội tiếng Anh, thực tế Lịch sử,...

d. Điều kiện thực hiện:

- Các văn bản quản lý, chỉ đạo việc đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học.

- CBQL coi đây là một trong những biện pháp căn bản của đổi mới phương pháp giáo dục phổ thông.

- GV có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng.

Giải pháp 3. Đổi mới các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng

a. Mục tiêu của giải pháp

- Dạy học trong môi trường đa văn hóa nhằm trang bị kiến thức cho học sinh một cách toàn diện.

- Người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa cần phải chủ động vận dụng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với trình độ năng lực của học sinh khu vực dân tộc miền núi phía Bắc, giúp các em phát huy được năng lực học tập.

b. Cơ sở của giải pháp:

- Xuất phát từ thực tế khảo sát tại các trường tiểu học, trường phổ thông các giáo viên chưa chú ý sử dụng các phương tiện dạy học, các hình thức tổ chức dạy học hợp lý để làm cho giờ học hấp dẫn hơn.

c. Cách thức thực hiện

- Sử dụng các phương tiện dạy học

Dạy học trước đây, người giáo viên thường chỉ chú ý đến truyền thụ tri thức thuần túy, ít chú ý đến rèn kỹ năng thực hành và áp dụng thực tế cuộc sống. Nhưng phương pháp dạy học mới người dạy phải chú trọng cả công cụ, phương tiện, thiết bị vật chất truyền tải kiến thức, hình thành kỹ năng cho học sinh. Với các phương pháp dạy học tích cực, thiết bị dạy học là yếu tố không thể thiếu được bởi nó góp phần quyết định sự thành công trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Thiết bị dạy học tạo điều kiện trực tiếp cho người dạy và người học phát huy năng lực hoạt động nhận thức, tiếp cận thực tiễn, nâng cao tính khách quan khoa học của kiến thức. Thiết bị dạy học tạo điều kiện để người học tự phát hiện và lĩnh hội kiến thức. Nó cũng là một giải pháp sư phạm tạo những chỗ dựa ban đầu giúp học sinh nhận thức được các kiến thức trừu tượng; giải pháp này tác động vào hoạt động nhận thức của học sinh theo đúng quy luật: *“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn khách quan”*. Như vậy thiết bị dạy học có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của giờ học. Trên cơ sở hướng dẫn, điều khiển của giáo viên, học sinh được trực tiếp thao tác trên thiết bị dạy học sẽ góp phần đắc lực cho việc hình thành các kiến thức và kỹ năng cơ bản, tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn, hứng thú làm cho lao động sư phạm hiệu quả hơn. Nhiều thầy cô giáo khẳng định, phương tiện dạy học nếu biết sử dụng tốt thì sẽ trở thành *“chiếc gậy thần”* cho giáo viên khi đứng lớp. Tuy nhiên, nếu không biết phát huy vai trò của nó thì có khi kết quả lại không được như ý muốn của người sử dụng. Đối với người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa thì việc hiểu và sử dụng phương tiện dạy học là điều cực kỳ cần thiết, không thể thiếu.

Việc sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình dạy học cần linh hoạt, sáng tạo, tùy thuộc vào từng bài, từng đơn vị kiến thức mục tiêu của bài học để có phương pháp sử dụng, thời điểm đưa ra thích hợp nhằm phát huy tối đa mỗi chức năng của thiết bị dạy học. Người giáo viên dạy học trong môi trường đa văn hóa cần nắm rõ cách khai thác các phương tiện dạy học sao cho mang lại hiệu quả giảng dạy cao nhất. Cụ thể:

- *Về đồ dùng dạy học:*

Giáo viên phải có sự hiểu biết rõ ràng cụ thể về tất cả các phương tiện dạy học có trong môi trường mình giảng dạy, nắm bắt được sự phù hợp của từng loại đối với môn học của mình. Để từ đó, người giáo viên chủ động soạn bài giảng theo hướng tích cực hóa phù hợp với các phương tiện dạy học đã có. Người giáo viên cũng cần vận dụng triệt để tư duy sáng tạo của mình để có thể sử dụng kết hợp nhiều phương tiện dạy học trong một bài học, tiết học để mang lại chất lượng giờ dạy đạt kết quả cao nhất. Tuy nhiên, người giáo viên cũng chú ý tránh lạm dụng để buổi học diễn ra sinh động, tự nhiên không dập khuôn, cứng nhắc. Có như vậy, giờ học mới thể hiện hết năng lực giảng dạy của người giáo viên cũng như sự tích cực trong hoạt động lĩnh hội kiến thức của học sinh.

- *Các biện pháp giúp giáo viên khắc phục những tồn tại trong việc khai thác và sử dụng thiết bị dạy học:*

Giáo viên phải hiểu được dạy học là tác động vào người học, nhằm phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh. Dạy học theo hướng tổ chức các “*Hoạt động dạy học*”. Chúng ta lúc nào học sinh có “*Hoạt động học*” thì quá trình dạy học trên lớp mới có hiệu quả. Dạy học phải để cho các em tự thao tác trên đồ dùng, biết suy nghĩ và thảo luận, tức là tạo ra “*Môi trường học*” tốt, tạo ra cơ hội để các em “*Hoạt động học tập*”, tạo ra sự “*Hợp tác*” giữa trò với trò, giữa thầy với trò. Việc học tập theo cách đó sẽ hấp dẫn lôi cuốn các em vào quá trình học một cách tự giác, tự nhiên hơn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh các dân tộc thiểu số. Đồ dùng dạy học có phát huy được tác dụng hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc giáo viên sử dụng nó như thế nào. Để đạt hiệu quả cao trong sử dụng đồ dùng dạy học mỗi giáo viên cần: Nghiên cứu kỹ nội dung bài học để xác định đồ dùng dạy học nào cần phải sử dụng, sử dụng với mục đích gì (dẫn dắt kiến thức mới

hay minh hoạ, hệ thống hoá kiến thức...); xác định thời điểm, thời gian thích hợp sử dụng đồ dùng đó trong tiết học; tìm biện pháp, cách thức thích hợp, chuẩn bị hệ thống câu hỏi dẫn dắt học sinh thực hành, quan sát đồ dùng theo đúng mục đích sử dụng; chú ý đến ngôn ngữ, lời nói trong giảng dạy và trong quá trình sử dụng đồ dùng dạy học. Khi giới thiệu và sử dụng đồ dùng giáo viên nên tránh tình trạng giải thích dài dòng, vừa làm mất thời gian và không cần thiết, vừa làm rối rắm vấn đề. Tuy nhiên lời nói của giáo viên cũng là phương tiện trực quan ngôn ngữ. Vì vậy một khi sử dụng đồ dùng dạy học giáo viên cần xác định rõ đồ dùng dạy học đó có tác dụng gì trong việc khai thác nội dung kiến thức của bài để có thể kết hợp việc sử dụng ngôn ngữ với việc sử dụng đồ dùng dạy học một cách hợp lý nhằm giúp học sinh hiểu biết vấn đề rõ ràng hơn, mạch lạc hơn. Để tránh tình trạng lúng túng, mất thời gian trong việc sử dụng đồ dùng dạy học giáo viên cần dành thời gian thực hành trước các thao tác sử dụng đồ dùng dạy học trước khi lên lớp. Việc sử dụng giáo án và các phương tiện dạy học tùy thuộc vào bàn tay tài hoa của từng thầy cô giáo. Người giáo viên nào có năng lực, giàu kinh nghiệm biết chuẩn bị kỹ càng chu đáo thì càng mang lại hiệu quả cao cho tiết dạy. Điều đó khẳng định sự sáng tạo của người giáo viên trong hoạt động giáo dục nhất là trong môi trường giáo dục đặc thù như môi trường giáo dục đa văn hóa

Tiểu kết: Trên cơ sở khảo sát thực tế, các yếu tố dạy học trong môi trường đa văn hóa của một số tỉnh miền núi phía Bắc, nhóm nghiên cứu đã mạnh dạn đưa ra 3 nhóm giải pháp cơ bản. 1) nhóm giải pháp điều kiện, 2) nhóm giải pháp quản lý, 3) nhóm giải pháp chuyên môn. Các nhóm giải pháp cơ bản bao quát được các phương diện cả về người dạy và người học đa chiều, gắn liền với các nhóm giải pháp: mục tiêu (về kiến thức, kỹ năng, thái độ, chương trình, phương pháp, phối hợp với gia đình, xã hội); nâng cao năng lực dạy học: làm gương về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, giao tiếp, ứng xử hòa nhập, bình đẳng, khoan dung; hiểu rõ đối tượng giáo dục, môi trường giáo dục, phát triển ngôn ngữ, kỹ năng tìm hiểu văn hóa; xây dựng phát triển chương trình, kế hoạch, đổi mới phương pháp tổ chức thực hiện, khai thác sử dụng thiết bị dạy học; phối hợp gia đình và cộng đồng tham gia các hoạt động chính trị xã hội, xây dựng cơ sở vật chất... kèm theo đó là chính sách, chế độ đãi ngộ cho cả người dạy và người học.

Đó là những giải pháp hết sức thiết thực và hiệu quả. Nhưng công thức mấu chốt để giáo dục trong môi trường đa văn hóa thành công. Đó chính là: Người dạy cần phải Quan sát -> Hiểu->Tôn trọng->Thích nghi->Ứng xử bình đẳng ->Kiên nhẫn đối với người học ở môi trường giáo dục đa văn hóa./

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1. Giáo dục đa văn hóa đang là một trong những loại hình giáo dục được nhiều nước trên thế giới hiện nay áp dụng nhằm mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện với những kỹ năng sống đa dạng có khả năng ứng biến linh hoạt hiệu quả tích cực với cuộc sống hiện tại nhiều biến động. Nghiên cứu giảng dạy đa văn hóa trong nhà trường ở khu vực miền núi phía Bắc dưới góc nhìn văn hóa học, chúng ta thấy rõ mức độ ảnh hưởng của sự phát triển học sinh thời đại mới với mục tiêu phát triển một cách toàn diện, năng động, sáng tạo, mang giá trị nhân văn, bình đẳng, biết tôn trọng sự khác biệt về văn hóa cũng như các giá trị khác, góp phần xây dựng tộc người, vùng miền và đất nước trong sự hòa hợp và phát triển bền vững ở thời đại toàn cầu hóa. Giáo dục đa văn hóa giúp học sinh có tầm nhìn rộng mở, có bản lĩnh văn hóa, biết kết hợp hài hòa nét riêng tốt đẹp của cộng đồng dân tộc với cái chung của đất nước, phát huy tính sáng tạo, tư duy bậc cao, khả năng giao tiếp và hợp tác đa văn hóa với ý thức khoan dung, bình đẳng và tinh thần trách nhiệm trong thời đại toàn cầu hóa. Giáo dục đa văn hóa góp phần duy trì, làm phong phú nền văn hóa dân tộc cũng như thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, ý thức tôn trọng lẫn nhau, tránh xung đột văn hóa, góp phần làm cho con người thích nghi tốt nhất với môi trường sống, nâng cao chất lượng cuộc sống, cơ hội học hỏi kinh nghiệm sống tốt đẹp và cơ hội khám phá và chia sẻ ngày càng nhiều những giá trị tốt đẹp chung của các dân tộc trong vùng miền cũng như của đất nước và nhân loại, hướng con người đến với các giá trị chân, thiện, mỹ, góp phần duy trì nền hòa bình thế giới, mở rộng cơ hội hợp tác vì lợi ích chung của dân tộc, đất nước và cả nhân loại.

2. Hoạt động giáo dục đa văn hóa là hoạt động bao gồm người dạy và người học trong đó người học đóng vai trò là trung tâm của hoạt động dạy học. Tuy nhiên, trong hoạt động này, vị trí và vai trò của người giáo viên đa văn hóa không hề bị xem nhẹ và giảm bớt vị thế cũng như tầm quan trọng. Mà ngược lại, vị thế của người giáo viên càng được nâng cao hơn bao giờ hết. Người giáo viên là người dẫn lối đưa đường kết nối học sinh với tri thức đa văn hóa. Không chỉ đơn giản là việc truyền dạy kiến thức thông thường, người giáo viên đa văn hóa còn phải giúp học

sinh thích ứng nhanh và tốt với môi trường sống đa dạng văn hóa. Đồng thời giúp các học sinh hiểu biết rộng rãi về các nền văn hóa trong môi trường giáo dục đa tộc người này. Vì thế, người giáo viên đa văn hóa không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn đòi hỏi phải có thêm các kỹ năng khác như sự am hiểu về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, sự am hiểu về văn hóa đa sắc tộc cũng như khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục mang tính đặc thù của môi trường đa sắc tộc. Bên cạnh kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng giao tiếp ứng xử đa văn hóa, người giáo viên giảng dạy trong môi trường giáo dục này cũng còn phải có sự phối kết hợp với gia đình học sinh, các cơ quan ban ngành địa phương để phối kết hợp trong việc giáo dục và hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Đồng thời, qua các hoạt động giao lưu này, bản lĩnh và tài năng của người giáo viên đa văn hóa càng được khẳng định rõ nét.

3. Thực hiện chương trình giảng dạy đa văn hóa trong nhà trường phổ thông ở vùng núi phía Bắc là một kế hoạch không phải dễ thực hiện. Mặc dù đây là vùng đa văn hóa, đa sắc tộc, một trong những vùng đa dạng về mọi mặt trên đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, mọi điều kiện về con người, về vật chất và tinh thần đều trong tình trạng còn nhiều thiếu thốn. Trình độ dân trí thấp, người dân với lối sống tự cung tự cấp là chủ yếu, ít giao lưu tiếp xúc với thế giới bên ngoài, vẫn còn tồn tại nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu. Hơn nữa, miếng cơm manh áo vẫn còn là mối lo thường trực. Lũ lụt, lốc xoáy, lũ quét, cháy rừng luôn đe dọa. Tất cả những điều đó tạo nên trong người dân vùng núi cũng như các em học sinh một tâm thế chung: e dè, ngại tiếp xúc, mặc cảm thân phận, bằng lòng với những gì mình có, kìm hãm sự phát triển về tư duy sáng tạo... Trước tình hình đó, người giáo viên đa văn hóa phải thực hiện thiên chức của mình trong việc dẫn dắt học sinh vùng đa văn hóa thoát ra khỏi tư duy phạm vi thôn bản, tiếp nhận những giá trị văn hóa cộng đồng, mở mang và phát triển tư duy để có thể tạo nên sự giao thoa đa văn hóa tạo nền cho sự phát triển của tộc người và toàn vùng trong tương lai gần.

Để chương trình giáo dục đa văn hóa tiến hành thuận lợi, Đảng và Nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức đến việc tạo cơ sở vật chất cho môi trường dạy học đa văn hóa. Nhà nước cần đầu tư về cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động giảng dạy đa văn hóa. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện đào tạo đội ngũ nhân sự làm việc trong môi trường đa văn hóa một cách chuyên nghiệp, có kiến

thức cả về chiều sâu và bề rộng, có sự am hiểu về đa văn hóa vùng núi phía Bắc. Về phía học sinh, Nhà nước cũng cần có chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp đối với học sinh là con em các dân tộc thiểu số đã, đang và sẽ tham gia học tập trong môi trường giáo dục đa văn hóa. Có như vậy, hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hóa mới có thể được tiến hành thuận lợi và mang lại hiệu quả giáo dục cao trong việc hình thành kỹ năng sống và làm việc của học sinh trong tương lai.

Trường học cũng cần có chính sách chiến lược, đầu tư nguồn lực phát triển giáo dục đa văn hóa, khởi xướng các phong trào phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp phù hợp với bối cảnh hội nhập của đất nước, ý thức khắc phục các nhược điểm, xây dựng môi trường học tập. Các nhà lãnh đạo cũng như đội ngũ giáo viên cần tìm hiểu sâu về các hình thức tổ chức chương trình, đội ngũ và phương tiện giáo dục đa văn hóa để từng bước triển khai hiệu quả, đồng bộ, chia sẻ và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm thành công, thành lập trung tâm liên kết nghiên cứu văn hóa và triển khai các dự án giáo dục đa văn hóa.

4. Người giáo viên giảng dạy trong môi trường đa văn hóa phải luôn đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa công việc giảng dạy và tham gia các công tác khác. Để làm được điều đó, người giáo viên đa văn hóa phải phấn đấu trở thành một công dân gương mẫu, một người giáo viên với chân tâm mẫn cán, cống hiến không ngừng nghỉ cho sự nghiệp giáo dục, trở thành một trong những tấm gương sáng về đạo đức, về nhân cách, về lối sống trong mắt học sinh và là một trong những người dẫn đầu về chuyên môn trong mắt đồng nghiệp. Để thực hiện được những điều đó, người giáo viên đa văn hóa cần có sự rèn luyện tích cực về bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống cũng như chăm chút tích lũy về chuyên môn nghiệp vụ. Cũng giống như những giáo viên khác, người giáo viên đa văn hóa cũng phải tự phấn đấu không ngừng nghỉ, phải tự vươn lên để trải qua những thử thách của môi trường giáo dục cũng như những thách thức của bản thân để thực hiện thiên sứ trồng người của mình trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

5. Giáo dục đa văn hóa là một trong những loại hình giáo dục phức hợp tiến bộ, trang bị các kỹ năng cho người học từ những tình huống đơn giản xảy ra trong đời sống thường ngày đến các tình huống mang tính cộng đồng như sắc tộc, tôn giáo, văn hóa... Môi trường giáo dục đa văn hóa giúp học sinh hình thành các kỹ

năng sống, khả năng ứng biến linh hoạt trước các tình huống nhạy cảm, khả năng hòa nhập cộng đồng, khả năng ứng xử và giao tiếp bình đẳng, thái độ tích cực trong việc chấp nhận sự khác biệt đa văn hóa cũng như khả năng tiếp nhận sự đa dạng đa văn hóa... Tuy nhiên, để có hiệu quả tích cực hơn, nhà trường cần tổ chức các buổi hướng dẫn về cách thức, nguyên tắc ứng xử, giao tiếp đa văn hóa cho cả người dạy và người học giúp nâng cao khả năng hội nhập đa văn hóa một cách tốt nhất. Xu hướng phát triển giáo dục đa văn hóa ở Việt Nam ngày càng rõ nét hơn. Hy vọng trong tương lai không xa, đất nước ta sẽ có những bước ngoặt lớn hơn trong sự nghiệp phát triển giáo dục đa văn hóa.

2. Khuyến nghị

2.1. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Việc đổi mới chương trình dạy học môn Ngữ văn THPT cần đảm bảo cân đối lượng tri thức nhất định cho giáo dục khu vực đa văn hóa
- Việc biên soạn sách giáo khoa môn Ngữ văn phổ thông vẫn theo hướng tích hợp nhưng cần tăng cường các hoạt động thực hành cho học sinh; tăng cường các ngữ liệu thể hiện sự đa dạng của giáo dục đa văn hóa
- Biên soạn bổ sung các tài liệu hướng dẫn về dạy học đa văn hóa cho giáo viên cũng như tài liệu học tập cho học sinh khu vực đa văn hóa.
- Cần xây dựng chế độ lương, hệ số phụ cấp xứng đáng với những thầy cô giáo cầm bần, gieo ánh sáng văn hóa ở khu vực giáo dục đa văn hóa.

2.2. Với các Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng về dạy học đa văn hóa cho giáo viên
- Chú ý bồi dưỡng năng lực dạy học đa văn hóa cho giáo viên và học sinh bên cạnh các năng lực khác khi phát triển chương trình giáo dục của địa phương theo các chủ đề dạy học gắn liền với thực tiễn văn hóa, xã hội của từng vùng miền.
- Các Sở Giáo dục & Đào tạo đóng vai trò quan trọng cần chủ động trong các nhóm giải pháp về điều kiện, quản lý, chuyên môn để giáo dục khu vực đa văn hóa thực sự được quan tâm, phát triển.

2.3. Với các trường THPT:

- Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường, qua các lớp tập huấn bồi dưỡng, qua hoạt động nghiên cứu bài học của tổ bộ môn để bồi dưỡng về dạy học đa văn hóa cho giáo viên; giúp giáo viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh trong môi trường giảng dạy đa văn hóa

- Hoàn thiện môi trường vật chất, môi trường tâm lý, xã hội trong nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả dạy học trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Cường Dũng (2006), *Giáo dục những lời tâm huyết*, Nhà xuất bản Thông tấn.
2. Nguyễn Duy Mộng Hà (2016), *Giáo dục đa văn hóa trong nhà trường đại học Việt Nam thời đại toàn cầu hóa*, Nxb Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, TP Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Duy Mộng Hà (2011) “Tầm quan trọng của giáo dục đa văn hóa trong các trường đại học nước ta thời kỳ hội nhập”, *Tạp chí Giáo dục*, số 253, kỳ 1- 2011: 5-6. 49.
4. Ngô Thị Thanh Quý (2010), *Tìm trong tục ngữ nét văn hóa Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Ngô Thị Thanh Quý (2013), “Vai trò của người Thầy trong việc nâng cao chất lượng giờ dạy ở các trường THPT”, *Kỷ yếu hội thảo Các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Bắc Kạn*, tr. 4 - 7.
6. Ngô Thị Thanh Quý (2014), “Xây dựng chương trình Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực”, *Kỷ yếu hội thảo Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 25.4.2014.
7. Nguyễn Thị Tính (2009), *Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua dạy học môn Đạo đức ở các trường tiểu học khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ
8. Nguyễn Thị Tính (2009), *Phương pháp dạy học đạo đức ở trường tiểu học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
9. Nguyễn Thị Tính (2011), *Xây dựng tiêu chí trường tiểu học thân thiện vùng khó khăn ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ.
10. Nguyễn Thị Tính (2012), *Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay*, Đề tài cấp Bộ.
11. Cù Huy Cận - chủ biên (1995), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học.

11. Lê Ngọc Thắng, Lê Bá Nam (1994), *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo (2002), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
15. Trần Trí Dõi (1999), *Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi một số tỉnh của Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
16. Trần Trí Dõi (2003), *Chính sách ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
17. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa.
18. Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh, (2015), Tương tác trong dạy học và dạy học tương tác, tạp chí khoa học số 2 ĐHSP Hà Nội, tr. 3-9.
19. Nguyễn Quốc Vương dịch từ “Tư điển giáo dục môn Xã hội” (Gyosei, 2000 <https://thonsau.wordpress.com/tag/da-van-hoa/>, ngày 28.01.2013.
20. Tuyên ngôn thế giới về đa dạng văn hóa (2001) được thông qua tại phiên họp toàn thể, kỳ họp 31 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc ngày 2/11/2001, <https://thuvienphapluat.vn/>.

Tiếng Anh

1. Derman-Sparks, L. (1989). *Anti-bias curriculum: “Tools for empowering young children”*, Washington DC: National Association for the Education of Young Children.
2. Bela Stantic (2009), *Problems of teaching in a Multicultural Enviroment online*, <http://www.emuni.si/denis/conference/emuni>, vn 11.9.2015.
3. Chinara Samuel Domnawachukwu (2010), *An In troduction to Multicultural Educa tion from theory to practice*, Printed in the United Sted of America.
5. Hui – Min – Chou (2007), *Milticultural teacher Education : “Toward a Culturally responsible”* (www.usca.edu/essays/), January, 2015.

6. PaulC. Gorski (1995 -2018), “Multicultural Education - Ed change”; website: edchange.org/multicultural.
7. James A Bank Cherry. A.McGee Banks (2010), *Muticulture Education - Issues and perspective*, Printed in the United Stes of America.

**Phụ lục 1: Phiếu điều tra
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

1-Mã số phiếu (bỏ trống)							
2-Địa bàn khảo sát	2.1. Mã TỈNH <table border="1"> <tr> <td>01</td> <td>Cao Bằng</td> <td>02</td> <td>Lạng Sơn</td> <td>03</td> <td>Tuyên Quang</td> </tr> </table> 2.2. Ghi rõ tên HUYỆN: 2.3. Ghi rõ tên XÃ:	01	Cao Bằng	02	Lạng Sơn	03	Tuyên Quang
01	Cao Bằng	02	Lạng Sơn	03	Tuyên Quang		
3-Quê quán: Tỉnh:.....	Thuộc khu vực nào 1. Khu vực miền núi 2. Khu vực nông thôn 3. Khu vực thành thị						

PHẦN 1.		
THÔNG TIN CHUNG	MÃ	ĐƯỜNG DẪN
1.Họ tên: _____	2. Số điện thoại liên hệ: _____	
2.Năm sinh?	19_____	
3.Giới tính	Nam 1 Nữ 2	
4.Dân tộc?	Kinh 1 Tày 2 Nùng 3 H'mông 4 Khác (Ghi rõ)..... 5	
5.Trình độ học vấn	Trung học phổ thông 1 Trung cấp 2 Hệ cử tuyển 3 Tại chức 4 Cao đẳng/Đại học 5 Sau đại học 6 Khác: 7	
6.Ngành/lĩnh vực chuyên môn được đào tạo (ghi rõ): _____		
Công việc anh (chị) đang đảm nhận? _____	(Ghi rõ):	
7.Số năm kinh nghiệm đối với công việc hiện tại của anh (chị)? _____ năm		

PHẦN II. NỘI DUNG CHÍNH

Câu 1: Theo anh (chị) môi trường đa văn hóa là gì?

	1.Có	2.Không		1.Có	2.Không
a) Là môi trường có nhiều nền văn hóa khác nhau			b) Là môi trường có 2 nền văn hóa trở lên, có sự tác động qua lại		
c) Là môi trường có 2 nền văn hóa trở lên, không có sự tác động qua lại			d) Là môi trường trong đó con người có tác động qua lại với nhau		

Câu 2: Anh /chị đánh giá vai trò của việc dạy học trong môi trường đa văn hóa?

1. Rất quan trọng
2. Quan trọng
3. Bình thường
4. Không quan trọng
5. Rất không quan trọng

Câu 3: Thực trạng về dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc

Nội dung	1.Đủ	2.Bình thường	3.Thiếu ít	4.Thiếu rất nhiều
1. Số lượng giáo viên				
2. Số lượng lớp học				
3. Cơ sở vật chất				
4. Khác				
Chất lượng	1.Tốt	2. Khá	3.Trung bình	4. Thấp
5. Chất lượng giáo viên				
6. Nhận thức của học sinh thấp				
7. Khác				

Câu 4: Anh (chị) đã sử dụng phương pháp dạy học nào dưới đây?

Các phương pháp	1.Đã sử dụng	2.Chưa sử dụng
1. Làm cho học sinh biết tự học, tự vận dụng		

2. Luôn liên hệ với thực tiễn đang thay đổi		
3. Làm cho học sinh biết hợp tác và chia sẻ (thảo luận nhóm)		
4. Tận dụng sự hỗ trợ của phương tiện dạy học		
5. Học cách thức đi tới sự hiểu biết. coi trọng sự khám phá và khai phá trong học thuật.		
6. Học kỹ năng thực hành và thái độ thực tiễn trong nghề nghiệp		
7. Học phong cách độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong nhận thức và hành động. Biết mềm hóa tư duy và tuy cơ ứng biến.		
8. Học phương pháp nghiên cứu đi từ phân tích đối tượng và môi trường để tìm giải pháp đồng bộ giải quyết những tình huống đa chiều.		

Câu 5: Anh (chị) đã được trang bị máy tính hoặc các công cụ dạy học mới chưa?

1. Được trang bị bởi BGDDĐT
2. Tự bản thân trang bị
3. Chưa được trang bị

Câu 6: Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy học trong môi trường đa văn hóa ở vùng dân tộc miền núi phía Bắc

Những yếu tố ảnh hưởng	Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố				
	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng một phần	Bình thường	Không ảnh hưởng	Không biết
	1	2	3	4	5
1. Yếu tố văn hóa					
2. Ngôn ngữ giao tiếp					
3. Số lượng giáo viên					
4. Chất lượng của giáo viên					
5. Nhận thức của phụ huynh					
6. Nhận thức của học sinh					

7. Kinh tế chưa đảm bảo cho giáo viên					
8. Điều kiện KT của học sinh quá khó khăn					
9. Các chính sách hỗ trợ cho giáo viên còn thiếu					
10. Các chính sách hỗ trợ cho học sinh					

PHẦN III. GỢI Ý GIÁP PHÁP:

Câu 1: Anh (chị) có những mong muốn cũng như giải pháp gì để nâng cao hiệu quả trong công tác dạy và học trong môi trường đa văn hóa?

Giải pháp	1. Có	2. Không
Tiếp tục phát triển quy mô xây dựng mạng lưới trường lớp thích hợp		
Bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao trình độ cho các giáo viên đang công tác tại thôn, bản của đồng bào dân tộc ít người		
Có chính sách thỏa đáng đối với giáo viên công tác tại miền núi, vùng dân tộc thiểu số		
Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, đổi mới nội dung và phương pháp dạy học		
Nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		

Câu 2: Theo anh/chị ý nghĩa của việc dạy học trong môi trường đa văn hóa

này là gì?

Mong muốn:

Kiến nghị, giải pháp